



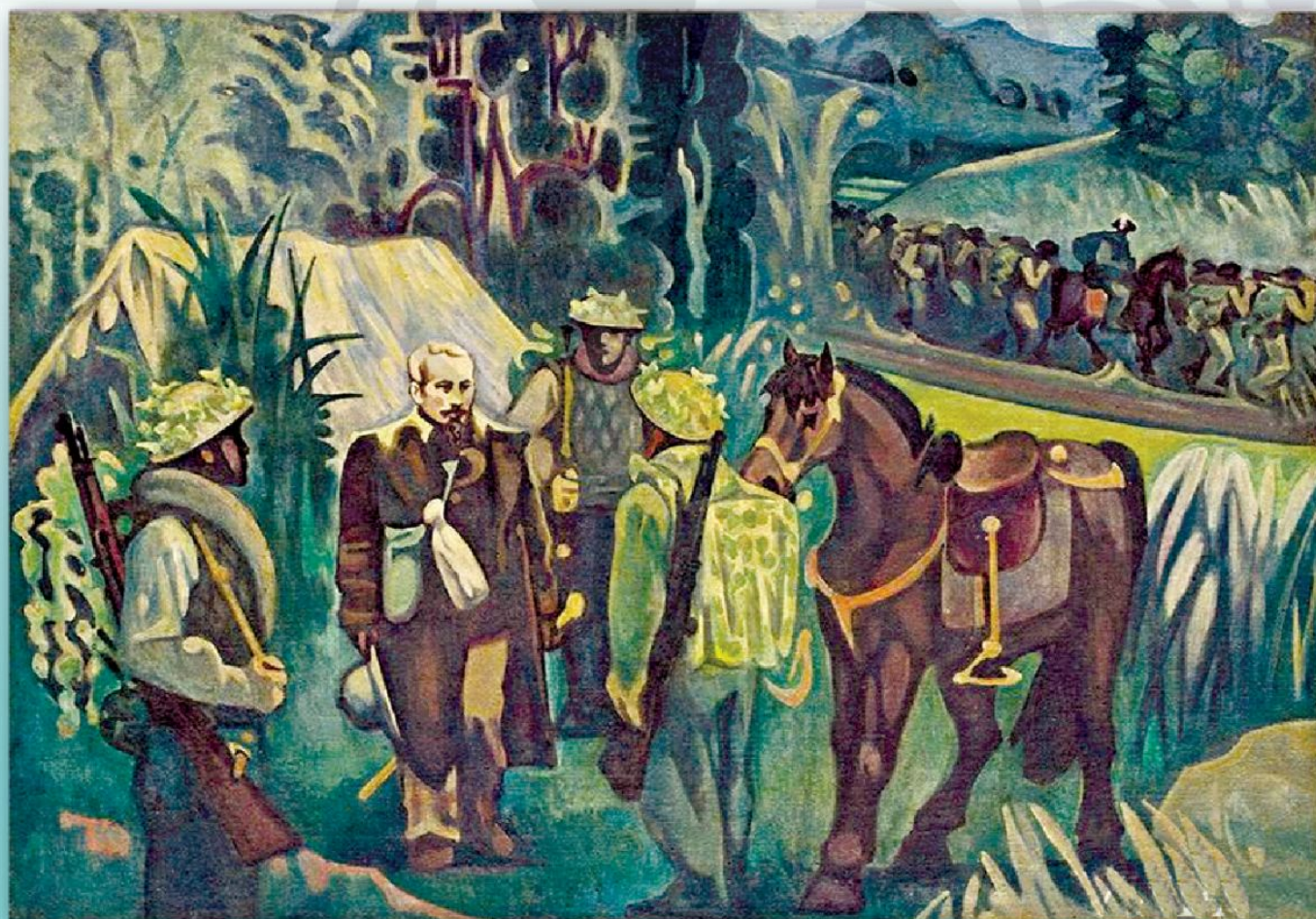
LÃ NHÂM THÌN – ĐỖ NGỌC THỐNG (đồng Tổng Chủ biên)
TRẦN VĂN TOÀN (Chủ biên) – BÙI MINH ĐỨC
PHẠM THỊ THU HIỀN – BÙI THANH HOA – NGUYỄN VĂN THUẤN

Ngữ văn

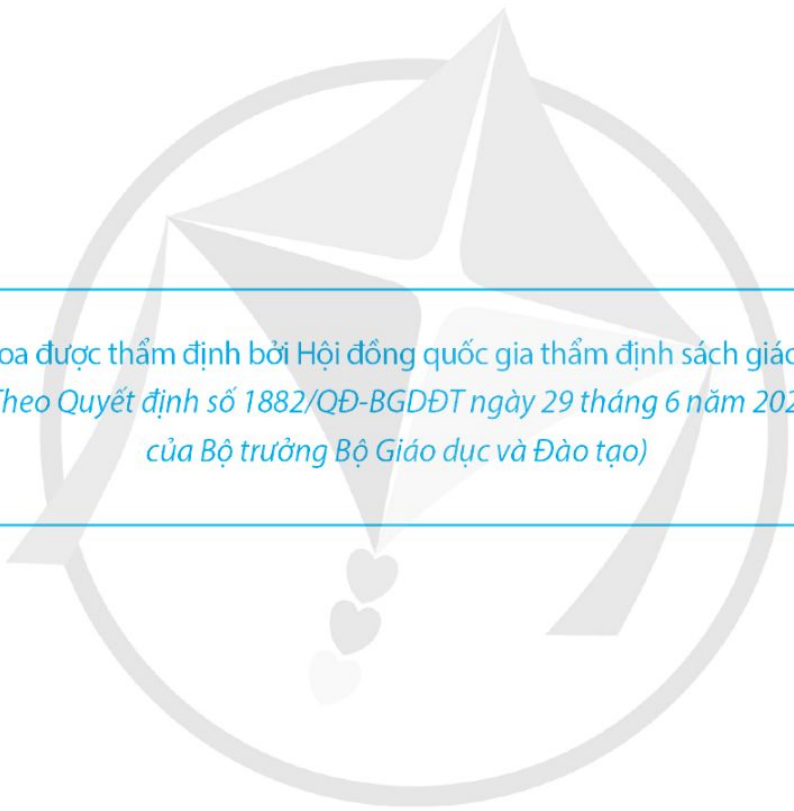
12

TẬP HAI

BẢN MẪU



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



Sách giáo khoa được thẩm định bởi Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa lớp 12
(Theo Quyết định số 1882/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

LÃ NHÂM THÌN – ĐỖ NGỌC THỐNG (đồng Tổng Chủ biên)
TRẦN VĂN TOÀN (Chủ biên) – BÙI MINH ĐỨC
PHẠM THỊ THU HIỀN – BÙI THANH HOA – NGUYỄN VĂN THUẤN

Ngữ văn

12

TẬP HAI

BẢN MẪU



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



Các em giữ gìn sách cẩn thận, không viết vào sách để sử dụng được lâu dài.

BÀI 6

THƠ VĂN NGUYỄN ÁI QUỐC – HỒ CHÍ MINH

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử, tác giả, đặc điểm văn nghị luận, truyện ngắn, thể loại thơ Đường luật để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh. Hiểu được vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng, tài năng, phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.
- ▶ Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa trong đọc hiểu và giao tiếp.
- ▶ Viết được bài nghị luận về một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ.
- ▶ Nghe và nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình một vấn đề xã hội.
- ▶ Trân trọng, tự hào về tài năng, nhân cách và công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hoá kiệt xuất; có ý thức học tập theo tư tưởng, đạo đức, phong cách, cách nói, cách viết của Người.

Kiến thức ngữ văn

1. Phong cách nghệ thuật

Phong cách nghệ thuật “thường được hiểu theo hai góc nhìn sau đây:

- Phong cách là sự độc đáo về tư tưởng cũng như về nghệ thuật thể hiện thành những phẩm chất thẩm mỹ trong sáng tác của những nhà văn ưu tú, có tài năng điêu luyện.
- Phong cách là hệ thống những đặc điểm về mặt hình thức, bao gồm các thủ pháp nghệ thuật, các phương tiện diễn đạt, tạo nên tính độc đáo của một hiện tượng văn học và khu biệt hiện tượng này với hiện tượng khác.”⁽¹⁾

Có thể nói, phong cách là những nét độc đáo cả về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật được thể hiện thống nhất tương đối ổn định ở một hiện tượng văn học. Như vậy, không phải một hiện tượng văn học nào cũng có phong cách. Có thể nói đến phong cách nhà văn qua một tác phẩm như: phong cách của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*, phong cách Hồ Chí Minh qua *Nhật kí trong tù*; hoặc phong cách nghệ thuật của

(1) Huỳnh Như Phương (2019), *Tiến trình văn học (Khuyñh hướng và trào lưu)*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

một tác giả như phong cách Nam Cao, Nguyễn Tuân, Tố Hữu, Nguyễn Bính,... Ngoài ra, phong cách còn để chỉ tính độc đáo, thống nhất của một trào lưu hay dòng văn học (như phong cách cổ điển, phong cách lãng mạn,...) hoặc phong cách một thời đại (như phong cách thời Phục hưng⁽¹⁾, phong cách Ba-rốc⁽²⁾,...).

2. Sức thuyết phục của văn nghị luận

Khác với sáng tác văn chương dựa trên hư cấu, tưởng tượng, văn nghị luận trình bày tư tưởng và thuyết phục người đọc chủ yếu bằng lí lẽ và lập luận. Nếu như văn chương hình tượng kích thích trí tưởng tượng, xây dựng óc quan sát tinh tế với tình cảm chân thực,... thì văn nghị luận hình thành và phát triển khả năng lập luận chặt chẽ, cách trình bày lí lẽ và dẫn chứng rõ ràng, giàu sức thuyết phục, diễn tả những suy nghĩ và nêu ý kiến riêng của mình về một vấn đề nào đó trong cuộc sống hoặc trong văn học, nghệ thuật.

Văn nghị luận thời trung đại chưa có sự phân biệt thật rạch ròi với văn chương hình tượng. Những áng văn nghị luận nổi tiếng như *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi) vừa có yếu tố của văn nghị luận lại vừa có yếu tố của văn hình tượng; vừa thuyết phục bằng lí lẽ vừa thuyết phục bằng hình ảnh và tình cảm của người viết. Ở thời hiện đại, văn nghị luận và văn chương hình tượng đã được phân biệt khá rõ. Văn nghị luận hiện đại chủ yếu nêu lên quan điểm, ý kiến của người viết; thuyết phục người đọc bằng những lí lẽ và bằng chứng, coi trọng tính lô gích trong lập luận. Văn chương hư cấu chủ yếu phản ánh cuộc sống bằng hình tượng nghệ thuật. Tuy nhiên, trong văn hư cấu cũng có yếu tố nghị luận và trong văn nghị luận cũng có thể kết hợp với yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh,...

3. Văn chính luận

Văn chính luận là một thể văn nghị luận, trong đó người viết trực tiếp bàn luận về những vấn đề cấp thiết, mang tính thời sự thuộc nhiều lĩnh vực đời sống: chính trị, kinh tế, triết học, văn hoá,... “Mục tiêu của văn chính luận là: tác động đến dư luận xã hội đương thời, đến lối sống, đến các quyền lợi chính trị hiện hành; đề xuất việc củng cố hoặc thay đổi chúng cho phù hợp với quyền lợi giai cấp hoặc với lí tưởng xã hội, đạo đức. [...] Phong cách chính luận nổi bật ở tính luận chiến, tính cảm xúc. Nó gần gũi với giọng điệu, kết cấu và chức năng của lời diễn thuyết.”⁽³⁾

Văn chính luận có vai trò hết sức quan trọng trong đời sống tinh thần của dân tộc, nhất là trong các cuộc kháng chiến giữ nước và trong đấu tranh xã hội. Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn, *Đại cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi, *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh là những tác phẩm chính luận bất hủ.

(1) *Phục hưng*: một thời đại văn hoá văn minh rực rỡ, lấy tinh thần khôi phục và khai thác các giá trị văn hoá của Hi Lạp và La Mã cổ đại làm phương châm, phát triển ra các nước Tây Âu, bắt đầu từ I-ta-li-a (Italia),... Theo nhiều nhà sử học, thời Phục hưng nảy sinh từ thế kỉ XI, kết thúc vào cuối thế kỉ XVI... (*Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập 3. NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2003).

(2) *Ba-rốc* (*Baroque*): thuật ngữ chỉ đặc điểm của một giai đoạn văn học nghệ thuật xuất hiện ở Tây Âu kéo dài từ 1580 đến giữa thế kỉ XVII. (*Từ điển văn học* (bộ mới), Đỗ Đức Hiểu (Chủ biên), Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá,..., NXB Thế giới, 2004).

(3) *Từ điển văn học* (bộ mới), sách đã dẫn.

4. Biện pháp tu từ nói mỉa

Nói mỉa (biếm dụ) là biện pháp tu từ, theo đó, người nói (người viết) dùng những từ ngữ có ý nghĩa tích cực với ngụ ý đánh giá ngược lại, nhằm châm biếm hoặc đả kích đối tượng được nói đến. Ví dụ: *Anh chị khiến tôi **đẹp mắt** quá!* (Ngụ ý đánh giá của *đẹp mắt* là *mất mắt*).

Đôi khi, nói mỉa cũng được dùng với mục đích bông đùa, trêu chọc trong phạm vi giao tiếp thân mật, gần gũi. Ví dụ: *Bạn tôi lo lắng thi cử ngày không ngủ đêm không ăn, **gầy** hết cả người đây này!* (Thực tế là *bạn tôi* đang *tăng cân*).

Như vậy, nói mỉa có cấu tạo gồm hai tầng nghĩa: ý nghĩa bề mặt của từ ngữ (nghĩa tường minh) và ý nghĩa đánh giá của người nói, người viết (nghĩa hàm ẩn). Sự mâu thuẫn giữa hai tầng nghĩa càng lớn thì tác dụng mỉa mai, châm biếm càng mạnh mẽ. Để hiểu được ý nghĩa đánh giá thực của nói mỉa, người nghe (người đọc) cần dựa vào ngữ cảnh, giọng điệu và các yếu tố phi ngôn ngữ đi kèm lời nói (như nét mặt, cử chỉ).

Nói mỉa biểu thị sự hài hước, dí dỏm, thâm thúy; được sử dụng nhiều trong khẩu ngữ và thơ văn châm biếm, trào phúng.

ĐỌC

Đọc hiểu văn bản



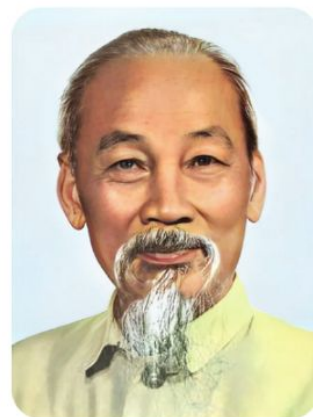
NGUYỄN ÁI QUỐC – HỒ CHÍ MINH CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

– Tìm hiểu thêm những thông tin về bối cảnh lịch sử, văn hoá Việt Nam cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, quê hương, gia đình, cuộc đời Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh,...; lựa chọn, ghi chép lại một số thông tin quan trọng có liên quan tới sự nghiệp văn học của tác giả.

– Tìm đọc các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh theo các thể loại truyện, kí, thơ, văn nghị luận,... và một số bài viết phân tích, đánh giá về các tác phẩm “*Vĩ hành*”, *Tuyên ngôn Độc lập*, *Nhật kí trong tù* và thơ của Người viết trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.



Chủ tịch Hồ Chí Minh
(1890 – 1969)

2) Đọc hiểu

I. Hồ Chí Minh – Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hoá kiệt xuất

1. Anh hùng dân tộc

Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 – 1969) thuở nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, lớn lên đi học lấy tên là Nguyễn Tất Thành, khi hoạt động cách mạng lấy tên là Nguyễn Ái Quốc và nhiều tên khác. Từ năm 1942, Người lấy tên là Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, quê ở làng Kim Liên (làng Sen), nay là xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Song thân của Người là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan. Thuở nhỏ, Nguyễn Tất Thành học chữ Hán, sau đó học chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp ở trường Quốc học Huế. Năm 1910, Người vào dạy học ở trường Dục Thanh⁽¹⁾, ít lâu sau, vào Sài Gòn rồi từ đó ra nước ngoài tìm đường cứu nước. Từ năm 1912 đến 1916, Nguyễn Ái Quốc ở Mỹ và Anh. Năm 1918, Người tham gia Đảng Xã hội Pháp, thành lập Hội những người Việt Nam yêu nước. Năm 1919, Người thay mặt những người Việt Nam yêu nước ở Pháp gửi tới Hội nghị hoà bình họp ở Véc-xai (Versailles, Pháp) bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*⁽²⁾, kí tên Nguyễn Ái Quốc. Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Trong thời gian ở Pháp, Người tích cực viết báo, viết sách tuyên truyền chống chủ nghĩa thực dân và đoàn kết các dân tộc thuộc địa. Từ năm 1923 đến 1941, Nguyễn Ái Quốc chủ yếu hoạt động ở Nga, Trung Quốc, Thái Lan. Từ ngày 6-1 đến ngày 7-2-1930, tại Hương Cảng (Hồng Kông, Trung Quốc), Người chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Tháng 2-1941, Người về nước, thành lập Mặt trận Việt Minh, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng, chuẩn bị lực lượng để giành thắng lợi trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Sau cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên (6-1-1946), Người được Quốc hội bầu làm Chủ tịch nước. Tiếp đó, Người lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giữ vững độc lập, tự do của dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời ngày 2-9-1969.

Những chi tiết nào trong tiểu sử giúp em hiểu thêm các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh?^(*)

(*) Các câu gợi ý ở bên phải văn bản chỉ để học sinh theo dõi thêm về nội dung, nghệ thuật,... trong khi đọc, không cần trả lời.

(1) *Trường Dục Thanh*: một trường học của tổ chức yêu nước ở tỉnh Phan Thiết (nay thuộc tỉnh Bình Thuận).

(2) *An Nam*: một quốc danh Việt Nam cũ, thông dụng trước năm 1945.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà nho yêu nước, ở một vùng quê giàu truyền thống lịch sử, văn hoá và cách mạng, chứng kiến cảnh nước mất, nhà tan, Hồ Chí Minh đã sớm hấp thụ truyền thống văn hoá của dân tộc mà giá trị tập trung nhất là lòng yêu nước thiết tha, ý chí đấu tranh cách mạng kiên cường, bất khuất, tinh thần khoan dung, nhân ái,...

Chú ý yếu tố gia đình và quê hương.

Từ ngày ra đi tìm đường cứu nước cho đến lúc qua đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gắn bó và hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng, cho dân tộc Việt Nam. Người đã lãnh đạo dân tộc ta làm nên Cách mạng tháng Tám (1945), đánh đổ đế quốc phong kiến, thành lập nhà nước Việt Nam mới, dẫn dắt dân tộc qua hết cuộc kháng chiến này đến kháng chiến khác,... là hiện thân cho khát vọng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, là biểu tượng cao đẹp của chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp nhuần nhuyễn với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

2. Danh nhân văn hoá kiệt xuất

Hồ Chí Minh không chỉ là nhà yêu nước, nhà cách mạng, Anh hùng dân tộc mà còn là nhà văn hoá kiệt xuất.

Chú ý câu văn chuyển đoạn sang luận điểm khác.

Đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hoá thể hiện rộng khắp trên nhiều lĩnh vực, từ sáng tác văn học nghệ thuật đến báo chí, tuyên truyền, giáo dục; từ những lời huấn thị đến các hoạt động thực tiễn; không chỉ ở phương diện lí luận mà còn toả sáng trong mỗi việc làm, từng cử chỉ, từng mối quan hệ với các tầng lớp nhân dân và bạn bè quốc tế.

Cốt lõi của tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh là lòng yêu nước, thương dân, thương yêu con người, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, “Tổ quốc trên hết”, “Dân tộc trên hết”. Hầu như tất cả các lĩnh vực liên quan đến đời sống văn hoá, văn học nghệ thuật, Người đều quan tâm và có những ý kiến sâu sắc, thể hiện rõ ràng và nhất quán.

Về văn học, Hồ Chí Minh luôn quan niệm văn chương trước hết là vũ khí chiến đấu. Người rất linh hoạt trong việc xác định rõ mục đích và đối tượng hướng tới, từ đó mới quyết định nội dung và cách viết. Với quan niệm ấy,

Quan điểm sáng tác văn chương của Hồ Chí Minh có gì đặc sắc?

Người phân biệt rất rõ văn chương nghệ thuật và văn chương tuyên truyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “văn hoá, nghệ thuật cũng là *một mặt trận*”, văn nghệ sĩ “là *chiến sĩ trên mặt trận ấy*”⁽¹⁾. Người rất quan tâm đến việc bảo vệ và bảo tồn di sản; khôi phục nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống trên khắp đất nước. Về báo chí, Người là một bậc thầy; là người đặt nền móng và có nhiều đóng góp trong việc phát

(1) *Thư gửi các hoạ sĩ nhân triển lãm hội hoạ 1951*, in trong *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.

triển nền báo chí cách mạng Việt Nam. Về giáo dục, Hồ Chí Minh là nhà giáo dục lớn, có những cống hiến quan trọng đối với sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng và giáo dục các thế hệ con người Việt Nam mới,...

Do những đóng góp hết sức quan trọng và to lớn về sự nghiệp giải phóng dân tộc và về văn hoá của Người, năm 1990, nhân dịp kỉ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổ chức Giáo dục, khoa học và văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) đã ghi nhận và suy tôn Người là “Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất⁽¹⁾” của Việt Nam.

II. Hồ Chí Minh – Nhà văn, nhà thơ lớn

1. Một sự nghiệp văn học lớn lao và phong phú

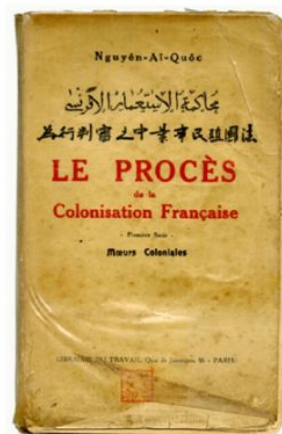
Sinh thời, Hồ Chí Minh không tự nhận mình là nhà văn, nhà thơ, nhưng thực tiễn toàn bộ sáng tác thơ văn của Người là một bằng chứng hùng hồn về một sự nghiệp văn học lớn lao.

Tính phong phú, đa dạng trong sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trên nhiều phương diện. Xuất phát từ “ham muốn tốt bậc” là đấu tranh giành độc lập, tự do cho đất nước, hạnh phúc cho nhân dân, Hồ Chí Minh coi văn chương trước hết phải là vũ khí chiến đấu, có đối tượng và mục đích rõ ràng. Vì thế, Người viết bằng nhiều thể loại với những bút pháp và phong cách khác nhau; viết bằng nhiều ngôn ngữ, khi viết bằng tiếng Pháp, lúc viết bằng tiếng Hán, nhiều sáng tác bằng tiếng Việt (chữ Quốc ngữ),... Nổi bật lên trong sự nghiệp sáng tác của Hồ Chí Minh là các tác phẩm văn chính luận, truyện và kí, thơ ca.

Những biểu hiện phong phú trong sáng tác của Hồ Chí Minh là gì?

Văn chính luận của Hồ Chí Minh gồm những tác phẩm chủ yếu nhằm mục đích đấu tranh chính trị, phục vụ cách mạng qua các chặng đường lịch sử. Từ những năm đầu của thế kỉ XX, với bút danh Nguyễn Ái Quốc, bằng tiếng Pháp, Người đã viết rất nhiều bài báo chính luận đăng trên các tờ báo *Người cùng khổ* (*Le Paria*), *Nhân đạo* (*L'Humanité*),... Tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (*Le Procès de la Colonisation Française*) đã vạch trần chính sách vô nhân đạo, tội ác và sự lừa dối của thực dân Pháp đối với nhân dân các nước thuộc địa từ những bằng chứng xác thực, lí lẽ đanh thép, lời văn sắc bén,...

Văn chính luận của Hồ Chí Minh có những tác phẩm nào tiêu biểu?



Bìa sách *Bản án chế độ thực dân Pháp*

(1) Nghị quyết của UNESCO vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh, <https://dangcongsan.vn>, 02-12-2019.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, Người viết bản *Tuyên ngôn Độc lập* – một văn kiện lịch sử bất hủ, một tác phẩm chính luận mẫu mực: ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục, cảm hứng hào sảng, mạnh mẽ; lời văn đanh thép mà đầy cảm xúc;...

Trong các giai đoạn lịch sử sau này, Hồ Chí Minh còn viết nhiều tác phẩm chính luận nổi tiếng khác, đặc biệt là các bài viết trong những thời khắc lịch sử. Đó là *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (1946), Người viết nhằm kêu gọi nhân dân cả nước đứng lên bảo vệ nền độc lập non trẻ vừa giành được; lời kêu gọi *Không có gì quý hơn độc lập, tự do* (1966), Người viết khi đế quốc Mỹ ồ ạt ném bom đánh phá miền Bắc. Cuối đời, trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại bản *Di chúc* (1969) đầy ân tình, thiết tha, vừa thể hiện tầm nhìn sâu rộng vừa thể hiện tình yêu thương mệnh mông với đồng bào, đồng chí,... Các tác phẩm này không chỉ là những văn kiện lịch sử quý giá mà còn là những áng văn chính luận mẫu mực, nội dung đều là các vấn đề trọng đại, sâu sắc, lời văn hào hùng, tha thiết, có tác động mạnh mẽ đến trái tim và khối óc của hàng trăm triệu con người.

Chú ý hoàn cảnh ra đời của các lời kêu gọi.

Truyện và kí dù chiếm số lượng không nhiều trong sự nghiệp văn học của Người nhưng cũng để lại nhiều thành tựu, mang rõ dấu ấn phong cách Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

Về truyện, có thể kể một số truyện ngắn ra đời vào những năm 1922 – 1925 được Người viết bằng tiếng Pháp như *Pa-ri*, *Lời than vãn của bà Trưng Trắc*, “*Vĩ hành*”, *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*, *Con người biết mùi hun khói*,... Đây là các tác phẩm văn chương hư cấu, thường nhân một sự kiện, sự việc, câu chuyện có thật, Người tưởng tượng và sáng tạo ra nhằm thể hiện tư tưởng, thái độ của mình. Chẳng hạn, nhân tin quốc vương nước Nam là Khải Định sắp làm “khách của nước Pháp”, Người viết các truyện *Lời than vãn của bà Trưng Trắc*, “*Vĩ hành*”. Nhân sự kiện nhà cách mạng Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt cóc (1925) ở Trung Quốc giải về giam ở Hỏa Lò – Hà Nội và sắp bị xử bắn, còn Va-ren thì chuẩn bị sang nhậm chức Toàn quyền Đông Dương, Người viết truyện *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*. Với các tác phẩm này, Nguyễn Ái Quốc đã xây dựng hình ảnh biếm họa sắc sảo về ông vua bù nhìn Khải Định, tên thực dân Va-ren trơ tráo, giả dối và dựng lên hình tượng Phan Bội Châu uy nghi, lâm liệt,... Truyện ngắn của Nguyễn Ái Quốc rất cô đọng, tình huống độc đáo, cốt truyện sáng tạo; sự quan sát tinh tường, trí tưởng tượng phong phú và lời văn linh hoạt, hóm hỉnh, sắc sảo.

Những sự kiện nào được Nguyễn Ái Quốc viết thành truyện ngắn?

Về kí, ngoài tác phẩm *Nhật kí chìm tàu* (1931), Hồ Chí Minh còn có tập hồi kí *Vừa đi đường vừa kể chuyện* (1963)

Chú ý cái tôi Hồ Chí Minh ở các tác phẩm kí.

ghi bút danh là T. Lan,... Qua tập hồi kí này, người đọc thấy hiện lên một *cái tôi* rất đỗi trẻ trung và hồn nhiên, giản dị; thể hiện một tình cảm chân thành, nồng hậu,...

Thơ ca là lĩnh vực mang lại các giá trị sáng tạo văn học nổi bật, thể hiện rất rõ phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh. Trước hết là tác phẩm *Nhật kí trong tù*, tập thơ Người viết bằng chữ Hán trong thời gian bị giam giữ tại nhà tù Quốc dân đảng Trung Quốc tại tỉnh Quảng Tây từ mùa thu năm 1942 đến mùa thu 1943. Với 133 bài thơ, *Nhật kí trong tù* phản ánh tâm hồn, tình cảm nhân đạo, ý chí kiên cường và nhân cách cao đẹp của một bậc “đại trí, đại nhân, đại dũng”⁽¹⁾ trong hoàn cảnh cực khổ chốn lao tù. *Nhật kí trong tù* cũng là bức tranh hiện thực đầy cảnh bất công, tàn bạo được Người tái hiện lại một cách sinh động, chân thực nhằm tố cáo mạnh mẽ chế độ nhà tù của Quốc dân đảng. *Nhật kí trong tù* chan chứa tình cảm nhân đạo và một tinh thần lạc quan cách mạng – từ trong ngục tối, Người luôn nhìn ra ánh sáng, hướng đến tương lai:

Vì sao *Nhật kí trong tù* được nhắc đến đầu tiên?

“Trong ngục giờ đây còn tối mịt,
Ánh hồng trước mặt đã bừng soi”

(Buổi sớm)

Nhật kí trong tù chủ yếu viết bằng thể thơ tứ tuyệt Đường luật, câu chữ rất cô đọng, hàm súc. Tập thơ giàu giá trị nghệ thuật, cách viết vừa cổ điển vừa hiện đại; nhiều tứ thơ độc đáo, nhiều hình ảnh gợi cảm, sáng tạo;...

Ngoài *Nhật kí trong tù*, còn có những bài thơ Người làm ở Việt Bắc từ năm 1941 đến 1945 và trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp cũng như kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Thơ Hồ Chí Minh viết trong các giai đoạn trên gồm những bài thơ tuyên truyền vận động cách mạng (nhiều nhất là thời kì xây dựng mặt trận Việt Minh) và thơ trữ tình. Thơ trữ tình của Người hầu hết là thơ tứ tuyệt Đường luật; có bài viết bằng tiếng Việt (*Tức cảnh Pác Bó*, *Cảnh rừng Việt Bắc*, *Cảnh khuya*, *Đi thuyền trên sông Đáy*, *Thăm lại Pác Bó*, *Không đề 2*, *Không đề 3*,...), nhiều bài viết bằng chữ Hán (*Nguyên tiêu* (*Rằm tháng Giêng*), *Tặng Bùi công* (*Tặng cụ Bùi Bằng Đoàn*), *Thu dạ* (*Đêm thu*), *Báo tiếp* (*Tin thắng trận*), *Đăng sơn* (*Lên núi*),...). Đây là những bài thơ thể hiện tình cảm sâu nặng của Hồ Chí Minh đối với đất nước, ca ngợi, động viên những con người kháng chiến. Những bài thơ này cũng thể hiện một tài thơ lớn, một tâm hồn nghệ sĩ phong phú, tinh tế trước vẻ đẹp của tạo vật và tình người.

Những bài thơ viết từ sau năm 1941 có đặc điểm gì?

(1) Lời nhà thơ Viên Ưng (Trung Quốc), theo sách *Văn học 12*, tập một, NXB Giáo dục, 2003.

2. Một phong cách nghệ thuật đa dạng mà thống nhất

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn các nhà báo trước khi cầm bút phải tự đặt câu hỏi: “Viết cho ai?”, “Viết để làm gì?”, “Thế thì viết cái gì?”, “Cách viết thế nào?”⁽¹⁾. Và chính toàn bộ sự nghiệp báo chí và văn học nghệ thuật của Người là bằng chứng hùng hồn cho quan điểm viết ấy.

Chú ý tên của mỗi tiểu mục là một luận điểm.

Truyện ngắn “*Vĩ hành*” và hàng loạt truyện, kí Người viết từ những năm 20 của thế kỉ XX ở Pháp, chủ yếu hướng đến nhân dân Pháp và thế giới nên viết bằng tiếng Pháp với văn phong hài hước, châm biếm kiểu Pháp. Đó là những áng văn xuôi theo phong cách châu Âu hiện đại.

Luận điểm được triển khai như thế nào?

Người viết bản *Tuyên ngôn Độc lập* không chỉ cho nhân dân Việt Nam mà còn cho cả thế giới, nói với cả kẻ thù đang âm mưu xâm lược đất nước ta. Vì thế, nội dung là lời tuyên bố hùng hồn về quyền bình đẳng, độc lập, tự do của một dân tộc, là quyết tâm giữ gìn độc lập, tự do của dân tộc cho nên lời văn hào sảng, mạnh mẽ, đanh thép và truyền cảm,...

Nhật kí trong tù là Bác viết cho chính mình, nội dung ghi lại những sinh hoạt hằng ngày, ở nhiều thời khắc khác nhau trong tù ngục. Tập thơ viết bằng chữ Hán theo thể thơ Đường luật rất cô đọng, hàm súc. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, khi viết cho mình hoặc viết tặng những nhân sĩ, tri thức uyên thâm, Người cũng làm các bài thơ Đường luật bằng chữ Hán như *Nguyên tiêu*, *Báo tiếp*, *Tặng Bùi công*, *Tặng Võ công*,... Những bài thơ này là tiếng nói sâu sắc và tinh tế của tâm hồn Hồ Chí Minh: hồn nhiên, lạc quan mà thâm trầm; trẻ trung, hiện đại mà đậm đà phong vị cổ điển; đầy chí khí mà chan chứa tình người; nặng lòng lo việc nước mà vẫn dạt dào cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên;...

Sau này, để tuyên truyền vận động cách mạng rộng rãi cho các tầng lớp, nhất là dân nghèo không biết chữ, Người đã dùng hình thức các bài ca bằng chữ Quốc ngữ, sử dụng châm ngôn, tục ngữ, ca dao, hò, vè nôm na, dễ thuộc, dễ nhớ như *Bài ca du kích*, *Ca dân cày*, *Ca binh lính*, *Nhóm lửa*, *Con cáo và tổ ong*,...

Phong cách nghệ thuật Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh vừa đa dạng vừa thống nhất. Thống nhất bởi tất cả sự nghiệp sáng tác của Người chủ yếu hướng đến mục đích lớn nhất là vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì hạnh phúc nhân dân – điều mà Người từng tâm niệm: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là đất nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do,

Chú ý cách lí giải về tính thống nhất của phong cách Hồ Chí Minh.

(1) *Cách viết*, in trong *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 7, sách đã dẫn.

đồng bào ai cũng có cơm no áo mặc, ai cũng được học hành.”⁽¹⁾. Do mục đích ấy nên nội dung các sáng tác của Người chủ yếu tập trung vào đề tài “chống thực dân đế quốc, chống phong kiến địa chủ, tuyên truyền cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”⁽²⁾. Tính thống nhất trong phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh còn thể hiện ở hình thức, cách viết. Lối viết của Người bao giờ cũng ngắn gọn, trong sáng, giản dị, phù hợp với đối tượng; rất linh hoạt, sáng tạo trong việc sử dụng các thể loại, ngôn ngữ và bút pháp nghệ thuật khác nhau để có được hiệu quả biểu đạt cao nhất.

Hồ Chí Minh là người đặt nền móng cho văn học cách mạng Việt Nam; nhiều tác phẩm của Người đã trở thành mẫu mực cho một số thể loại văn học như văn chính luận, truyện kí và thơ.

*

Hồ Chí Minh không chỉ là Anh hùng dân tộc mà còn là Danh nhân văn hoá kiệt xuất. Người là lãnh tụ cách mạng, đồng thời là nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc. Thơ văn của Người luôn gắn với sự nghiệp cách mạng, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng. Thơ văn Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh thể hiện sâu sắc tư tưởng yêu nước và tâm hồn cao cả, giàu lòng nhân ái.

Phần kết nêu lên các nội dung gì?

Sự nghiệp văn học của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá đối với dân tộc Việt Nam, đã để lại dấu ấn sâu sắc trong tâm hồn của người dân Việt Nam và bạn bè quốc tế. Sự nghiệp ấy vừa mang đậm phong cách Hồ Chí Minh, vừa thấm đẫm bản sắc văn hoá Việt Nam.

?

1. Văn bản *Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh – Cuộc đời và sự nghiệp* gồm mấy phần? Hãy xác định nội dung chính của từng phần.
2. Dựa vào văn bản trên, em hãy trình bày những điểm nổi bật về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh bằng một sơ đồ.
3. Từ nội dung bài học, phân tích và làm sáng tỏ hai điểm sau: a) Sự nghiệp văn học của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh luôn gắn chặt với sự nghiệp cách mạng của Người; b) Đó là một sự nghiệp văn học lớn lao và phong phú.

(1) *Trả lời các nhà báo nước ngoài, báo Cứu quốc, số 147, ngày 21-1-1946.*

(2) *Bài nói tại Đại hội lần thứ hai Hội Nhà báo Việt Nam, in trong Hồ Chí Minh: Về công tác văn hoá, văn nghệ, NXB Sự thật, Hà Nội, 1971.*

4. Vì sao có thể nói: Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là một phong cách đa dạng mà thống nhất?

5. Em hiểu như thế nào về nhận xét: “Sự nghiệp văn học của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá đối với dân tộc Việt Nam”?

6. Hãy nêu dàn ý cho bài thuyết trình về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh nếu em được chuẩn bị cho buổi sinh hoạt câu lạc bộ văn học.



TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

HỒ CHÍ MINH

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* và nội dung bài *Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh – Cuộc đời và sự nghiệp* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(*)

– Liên hệ với bài học môn Lịch sử và những hiểu biết thực tế của bản thân về bối cảnh ra đời của bản *Tuyên ngôn Độc lập* và việc Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bản Tuyên ngôn này.

– Đọc trước văn bản và thu thập một số tư liệu (tranh, ảnh, video clip, các bài báo,...) liên quan đến bản *Tuyên ngôn Độc lập* và quang cảnh ngày 2-9-1945 – ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn.

– Đọc nội dung sau đây để hiểu thêm tác phẩm *Tuyên ngôn Độc lập*:

Sức thuyết phục của văn nghị luận chủ yếu là ở cách lập luận chặt chẽ, với những lí lẽ đanh thép và những bằng chứng “không ai chối cãi được”. Muốn hiểu rõ và đánh giá được cách lập luận và những lí lẽ của Hồ Chí Minh trong bản *Tuyên ngôn Độc lập*, cần chú ý: bản Tuyên ngôn không phải chỉ được đọc trước nhân dân Việt Nam mà còn trước thế giới, đặc biệt là trước những kẻ thù đang chuẩn bị chiếm lại nước ta. Sau chiến thắng của quân Đồng minh (1945), Nhật đầu hàng, quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc (đăng sau là đế quốc Mỹ) tiến vào miền Bắc và quân đội Anh (đăng sau là lính viễn chinh Pháp) tiến vào miền Nam nước ta. Nhằm chiếm lại Việt Nam, thực dân Pháp tuyên bố: Đông Dương là đất “bảo hộ” của người Pháp bị Nhật xâm chiếm, nay Nhật đã đầu hàng, vậy Đông Dương đương nhiên là của người Pháp. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã bác bỏ dứt khoát những luận điệu đó.

(*) Khi đọc hiểu các tác phẩm khác của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trong Bài 1, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.



Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội),
Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng đọc *Tuyên ngôn Độc lập*,
khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà
(Ảnh: Thông tấn xã Việt Nam)

Hỡi đồng bào cả nước,

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

Lời bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Chú ý các trích dẫn.

Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”.

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Chú ý cách lập luận của tác giả.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Biện pháp tu từ nào được vận dụng trong đoạn văn này?

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay⁽¹⁾, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không “bảo hộ”⁽²⁾ được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày mùng 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa. Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thuý, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.

Chú ý các bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan của người viết.

Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

(1) *Cuối năm ngoái sang đầu năm nay*: cuối năm 1944, đầu năm 1945.

(2) *“Bảo hộ”*: che chở không để bị làm tổn thất, hư hại. Thời Pháp thuộc, thực dân Pháp dùng chiêu bài “bảo hộ” đối với nước ta, nhưng thực chất là xâm lược, áp bức, bóc lột nhân dân ta hết sức tàn bạo.

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị⁽¹⁾. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hoà.

Bởi thế cho nên, chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam, xoá bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Những câu văn nào thể hiện tính chất “tuyên ngôn”?

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Tê-hê-răng⁽²⁾ và Cựu Kim Sơn⁽³⁾, quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ Lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, trình trọng tuyên bố với thế giới rằng:

Chú ý tính biểu cảm.

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

(Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995)

?

1. Hãy trình bày hoàn cảnh ra đời của bản *Tuyên ngôn Độc lập*.
2. Mục đích của bản *Tuyên ngôn Độc lập* là gì và hướng tới những đối tượng nào?

(1) *Thoái vị*: từ bỏ ngôi vua.

(2) *Hội nghị Tê-hê-răng*: hội nghị của đại diện ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh, họp từ ngày 28-11 đến 1-1-1943 tại Tê-hê-răng (Tehran, thủ đô nước Iran (Iran)). Hội nghị đã thông qua kế hoạch tiêu diệt các lực lượng vũ trang của phát xít Đức, quyết định mở mặt trận thứ hai ở châu Âu trước ngày 1-5-1944 và thông qua nghị quyết bảo đảm nền hoà bình lâu dài trên toàn thế giới sau chiến tranh.

(3) *Hội nghị Cựu Kim Sơn*: hội nghị của đại diện năm mươi nước tại Cựu Kim Sơn (Xan Phran-xi-cô (San Francisco)), Mỹ từ ngày 25-4 đến 26-6-1945 để thành lập một tổ chức quốc tế gọi là Liên hợp quốc.

3. Phân tích lô gích lập luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* theo trình tự: Mở đầu nêu luận đề gì? Phát triển luận đề bằng các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng như thế nào? Kết thúc ra sao?

4. Chỉ ra và làm rõ thành công về nghệ thuật của bản Tuyên ngôn từ các phương diện: cấu trúc câu, biện pháp tu từ, câu khẳng định và câu phủ định.

5. Những đặc điểm nổi bật của văn chính luận như tính chiến luận, tính cảm xúc đã được thể hiện như thế nào trong bản *Tuyên ngôn Độc lập*?

6. Theo em, bản *Tuyên ngôn Độc lập* và hai tác phẩm *Sông núi nước Nam* (khuyết danh) và *Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi) có chung tư tưởng và cảm hứng gì? Từ đó, nêu khái quát ý nghĩa của bản *Tuyên ngôn Độc lập*.

7. Em thích nhất đoạn văn nào trong bản *Tuyên ngôn Độc lập*? Vì sao?



NHẬT KÍ TRONG TÙ

(Ngục trung nhật kí)

HỒ CHÍ MINH

1 Chuẩn bị

- Khi đọc các bài thơ trong tập *Nhật kí trong tù*, các em cần chú ý:
 - + Nhận biết được thể thơ.
 - + Đọc kĩ bản dịch nghĩa của bài thơ và đọc chú thích để hiểu rõ nghĩa của văn bản.
 - + So sánh bản dịch nghĩa và bản dịch thơ để thấy điểm khác biệt.
 - + Nhận biết và phân tích giá trị bài thơ chủ yếu dựa vào bản dịch nghĩa.
- Tìm đọc một số bài phân tích về tập thơ *Nhật kí trong tù* và các bài *Ngắm trăng*, *Lai Tân*.

- Đọc nội dung sau đây để hiểu bối cảnh ra đời của tác phẩm *Nhật kí trong tù*:

Ngày 28-1-1941, sau ba mươi năm hoạt động ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc. Ngày 13-8-1942, Nguyễn Ái Quốc – lúc này lấy tên là Hồ Chí Minh – lên đường đi Trung Quốc với danh nghĩa đại biểu của Việt Nam độc lập đồng minh hội⁽¹⁾ để tranh thủ sự viện trợ của thế giới. Sau nửa tháng đi bộ,

(1) *Việt Nam độc lập đồng minh hội* (gọi tắt là *Việt Minh*): mặt trận do Nguyễn Ái Quốc thành lập ở Pác Bó năm 1941.

ngày 27-8-1942, vừa tới xã Túc Vinh, một thị trấn thuộc huyện Đức Bảo, tỉnh Quảng Tây, Người bị bọn hương cảnh⁽¹⁾ Trung Quốc bắt giữ vì bị tình nghi là “Hán gian”⁽²⁾. Chúng giam cầm và đày đoạ Người trong mười ba tháng, giải qua giải lại gần mười tám nhà giam của mười ba huyện. Trong điều kiện bị giam cầm, chờ đợi ngày được trả lại tự do, Hồ Chí Minh đã làm thơ để giải trí, đồng thời thể hiện ý chí và bày tỏ nỗi lòng của mình. Đến ngày 10-9-1943, Người được trả tự do và tập nhật kí kết thúc. Tập thơ có 133 bài, sau đây là hai bài thơ (*Ngắm trăng* và *Lai tân*) lấy từ tập thơ này.

2 Đọc hiểu

NGẮM TRĂNG

(*Vọng nguyệt*)

HỒ CHÍ MINH

Phiên âm:

Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,
Đối thử lương tiêu nại nhược hà?
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,
Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

Đọc to phần *Phiên âm*, chú ý giọng điệu bài thơ.

Dịch nghĩa:

Trong tù không rượu cũng không hoa,
Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào?
Người hướng ra trước song ngắm trăng sáng,
Tù ngoài khe cửa, trăng ngắm nhà thơ.

Phần *Dịch nghĩa* có gì giống và khác với phần *Dịch thơ*?

Dịch thơ:

*Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ;
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

Chú ý tác dụng của phép nhân hoá.

NAM TRẦN dịch

(*Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 3, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000)

(2) *Hương cảnh*: cảnh sát ở làng, xã.

(3) *Hán gian*: người Hán làm tay sai cho Nhật. Lúc này, phát xít Nhật đang xâm lược Trung Quốc.



1. Bài thơ *Ngắm trăng* được sáng tác trong hoàn cảnh nào? Hoàn cảnh ấy có ý nghĩa gì đối với việc tìm hiểu bài thơ?
2. Nhận biết nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng có trong phần phiên âm (*ngục, trung, vô, tửu, hoa, nhân, hướng, song, tiền, khán, minh, nguyệt, thi, gia*), từ đó đối chiếu với phần *Dịch nghĩa* và *Dịch thơ* để nhận xét về bản dịch thơ.
3. Hai câu thơ đầu thể hiện tâm trạng gì của người tù? Tâm trạng ấy cho thấy tác giả là người như thế nào? (Chú ý giọng điệu ở câu thơ thứ hai: *nại nhược hà?*)
4. Phân tích vẻ đẹp nội dung và hình thức của hai câu thơ cuối.
5. Theo em, bài thơ thể hiện đặc điểm gì trong phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh?
6. Em thích nhất câu thơ hoặc hình ảnh nào trong bài thơ *Ngắm trăng*? Vì sao?

LAI TÂN⁽¹⁾

HỒ CHÍ MINH

Phiên âm:

Giam phòng ban trưởng thiên thiên đồ,
Cảnh trưởng tham thôn giải phạm tiền;
Huyện trưởng thiêu đăng biện công sự,
Lai Tân y cựu thái bình thiên.

Phần *Phiên âm* có yếu tố Hán Việt nào quen thuộc?

Dịch nghĩa:

Ban trưởng nhà giam ngày ngày đánh bạc,
Cảnh trưởng tham lam ăn tiền phạm nhân bị giải;
Huyện trưởng chong đèn⁽²⁾ làm việc công,
Lai Tân vẫn thái bình như xưa.

Phần *Dịch nghĩa* có những từ nào dùng đúng như *Phiên âm*?

Dịch thơ:

*Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc,
Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh.
Chong đèn, huyện trưởng làm công việc,
Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.*

Chú ý nghĩa của chữ “chong đèn”.

NAM TRÂN dịch

(*Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 3, sách đã dẫn*)

(1) *Lai Tân*: một địa danh thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

(2) *Chong đèn*: (chữ Hán: *thiêu đăng*) đốt đèn, ở đây là đốt bàn đèn để hút thuốc phiện.



1. Nhận biết và nêu lên một số đặc điểm thể loại của bài thơ *Lai Tân*.
2. Bài thơ viết về sự việc gì? Bộ máy chính quyền của vùng đất Lai Tân (Trung Quốc) hiện lên như thế nào?
3. Phân tích kết cấu của bài thơ (ba câu đầu so với câu kết bài và chỉ ra mối quan hệ của chúng; từ đó, nêu nhận xét về tứ thơ của bài *Lai Tân*).
4. Màu sắc châm biếm, mỉa mai hóm hỉnh của tác giả được thể hiện trong bài thơ như thế nào?
5. Theo em, bài thơ *Lai Tân* thể hiện đặc điểm gì trong phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh?
6. Tập thơ *Nhật kí trong tù* thể hiện rất rõ tinh thần “Nay ở trong thơ nên có thép”. So sánh “chất thép” ở bài thơ *Lai Tân* với bài thơ *Ngắm trăng*.

Thực hành đọc hiểu



“VĨ HÀNH”⁽¹⁾

(Trích *Những bức thư gửi cô em họ*
do tác giả tự dịch từ tiếng An Nam)

NGUYỄN ÁI QUỐC

1 Chuẩn bị

- Liên hệ với các bài học môn Lịch sử để có thêm thông tin về bối cảnh xã hội Việt Nam những năm 1920 – 1925 của thế kỉ XX.
- Đọc trước văn bản “*Vĩ hành*”; tìm hiểu các chú thích ở chân trang và câu hỏi nêu ở cuối văn bản.
- Khi đọc truyện ngắn “*Vĩ hành*” của Nguyễn Ái Quốc cần lưu ý một số điểm sau:
 - + Nhân vật vua Khải Định có chuyến sang Pháp dự triển lãm hội chợ thuộc địa ở Mác-xây (Marseille) (1922), Nguyễn Ái Quốc đã viết một loạt tác phẩm, trong đó có truyện ngắn “*Vĩ hành*”, *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* và vở kịch *Con rồng tre*.

(1) “*Vĩ hành*” (nguyên văn tiếng Pháp *incognito* có nghĩa là không ai biết): chỉ việc vua chúa ngày xưa cải trang làm dân thường đi lẫn vào dân chúng để trực tiếp tìm hiểu tình hình xã hội, đời sống và dư luận nhân dân (hoặc để chơi bời mà không ai biết – Nguyễn Ái Quốc dùng theo nghĩa mỉa mai này trong trường hợp Khải Định).

+ Truyện ngắn “*Vì hành*” viết bằng tiếng Pháp đăng trên báo *Nhân đạo*, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp, số ra ngày 19-2-1923.

+ “*Vì hành*” là một trong những truyện ngắn tiêu biểu cho bút pháp văn xuôi hiện đại và nghệ thuật châm biếm sắc sảo – một đặc trưng của truyện kí Nguyễn Ái Quốc.

2) Đọc hiểu

1 – Hấn đấy!

– Đâu phải!

– Đúng mà! Anh đã bảo là chính hấn đấy.

– Chắc thật à? Em thì em đã thấy hấn ở trường đua⁽¹⁾, trông hấn có vẻ nhút nhát hơn, lúng ta lúng túng hơn cơ, có cả cái chụp đèn chụp lên cái đầu quần khăn, các ngón tay thì đeo đầy những nhẫn.

– Thế hay là hấn đã đem tất cả các thứ đó đến tiệm cầm đồ rồi? Nhưng mà nhìn kĩ xem kia! Chẳng phải vẫn cái mũi tẹt ấy, vẫn đôi mắt xéch ấy, vẫn cái mặt búng như vỏ chanh⁽²⁾ ấy đấy à?

– Ừ nhỉ. Thì cũng có thể là anh đúng. Nhưng hấn đến đây làm gì nhỉ, trong đường xe điện ngầm này, và tại các ông quan bà kiếc⁽³⁾ đi theo thì đâu cả?

– Có khi đã gửi tuốt ở kho hành lí nhà ga để đi chơi vì hành đấy.

Đấy, cô em họ thân mến của tôi! Tôi đã thuật lại y nguyên câu chuyện giữa một đôi bạn trẻ ngồi cùng toa xe với tôi. Họ ngầu ngĩnh trông tôi với cặp mắt ma mãnh, tò mò, nhưng lại ra bộ không nhìn tôi gì cả.

Cuộc đối thoại tiếp diễn như sau:

– Thế em nghĩ thế nào về người khách của chúng ta? – Người con trai hỏi, ngỡ tôi là một đáng hoàng thượng và tưởng rằng tôi không hiểu họ nói gì với nhau.

– Hấn còn làm mình bật cười hơn nữa cơ lúc hấn đeo lên người hấn đủ cả bộ lụa là, đủ cả bộ hạt cườm. – Người bạn gái anh ta trả lời.

Mở đầu truyện có gì đặc sắc?

Nhân vật “tôi” bị “nhầm” với ai?

(1) *Trường đua*: trường đua ngựa. Đây là nơi giải trí gần giống như đánh bạc. Người chơi đặt tiền vào con ngựa đua, nếu con ngựa đó đoạt giải thì người đặt tiền cũng thắng cuộc.

(2) Quả chanh ở châu Âu có vỏ màu vàng.

(3) Đây là một cách chơi chữ: tác giả dùng chữ *mandarin* là ông quan đi kèm theo *mandarine*, tất phải là *bà quan*. Theo quy tắc thông thường của từ vựng tiếng Pháp thì danh từ giống đực khi chuyển sang danh từ giống cái, người ta thêm *e*. Nhưng ở trường hợp này, *mandarine* lại có nghĩa là *quả quýt*. Ý đùa cợt bằng cách chơi chữ ở đây là nhằm vào độc giả người Pháp hay người biết tiếng Pháp. Chỉ có thể chuyển ý đùa này sang tiếng Việt được phần nào: *ông quan bà kiếc* (đúng nghĩa tiếng Pháp thì phải dịch là: *ông quan bà quýt*).

– Hạt châu báu đấy chứ! Em thích có chỗ châu báu ấy quá đi, chứ còn gì!

– Em mà có ấy à, thì em cố tình đánh mất đi, để được báo chí nói đến, và thế là được trở thành một ngôi sao. Thế còn anh, anh nghĩ gì về người dân bảo hộ⁽¹⁾ của chúng ta nào?

– Ích cho chúng ta lắm đấy. Cái lò ở Găng-be đã bán rồi. Cái rương của Hê-ra Miéc-ten cũng đã thanh toán rồi. Vụ án người bị chặt ra từng khúc⁽²⁾ thì không thu hút được công chúng lắm vì không thuộc giới thượng lưu. Và thế là cái kho giải trí của chúng ta sắp cạn ráo như B.Đ.D.⁽³⁾ vậy. Nhật báo chẳng còn cái gì để bôi bác lên giấy cả. Đúng lúc đó thì...

Hình dung những gì diễn ra sau dấu ba chấm của câu: “Đúng lúc đó thì...”.

– Đổi xe ở đây chứ, anh yêu ơi?

– Không, ga sau. Đúng lúc đó thì có một anh vua đến với chúng ta.

– Em thì em thích Sác-lô⁽⁴⁾ hơn. Với lại, vua, thì tốn lắm.

– Đâu có! Thế em còn nhớ buổi dạ hội thuộc địa ở Nhà hát Ca vũ đấy chứ? Phải trả những nghìn rưỡi phơ-răng để xem vợ lẽ nàng hầu vua Cao Miên⁽⁵⁾, xem tụi làm trò leo trèo nhào lộn của sư thánh xứ Công-gô⁽⁶⁾; hôm nay chúng mình có mất tí tiền nào đâu mà được xem vua đang ngay cạnh? Nghe nói ông bầu Nhà hát Múa rối có định kí giao kèo thuê đấy...

Những câu chuyện kể ở đây có dụng ý gì?

2 Tàu đổ, cặp trai gái bước xuống, mắt cứ liếc nhìn trộm tôi, và tôi thì buồn cười quá, bỗng dưng ra nghĩ, và nghĩ đến cô. Tôi như còn trông thấy cái ngày mà cô với tôi, đôi chúng ta, như đôi chim ấy thôi, đậu vắt vẻo trên đầu gối ông bác thân yêu, nghe bác kể chuyện cổ tích. Tôi nhớ chuyện vua Thuần⁽⁷⁾, vì muốn đích thân tai nghe mắt thấy dân có bằng lòng mình không, nên cải trang làm dân cày đi dò la khắp xứ. Lại nhớ chuyện vua Pi-e nước Nga⁽⁸⁾ đi làm thợ và đến làm việc ở các công trường

(1) *Dân bảo hộ*: Thời Pháp thuộc, thực dân Pháp coi Việt Nam là xứ “bảo hộ” của chúng, vì thế người Việt Nam là “người dân bảo hộ” của Pháp.

(2) *Cái lò ở Găng-be, cái rương của Hê-ra Miéc-ten, vụ án người bị chặt ra từng khúc*: chỉ những chuyện thời sự, những vụ án giết gán, nguồn giải trí của người dân Pa-ri tẻ nhạt, thiếu kỳ.

(3) *B.Đ.D.*: chữ viết tắt cụm từ *Băng Đông Dương*, tức Ngân hàng Đông Dương (tiếng Pháp: Banque d’Indochine).

(4) *Sác-lô* (Charlot): vai hề nổi tiếng do diễn viên kiêm đạo diễn nổi tiếng người Anh là Sác-li Sa-plin (Charlie Chaplin) sáng tạo nên.

(5) *Cao Miên*: Cam-pu-chia (Cambodia, Campuchia) (tên gọi dùng ở Việt Nam trước đây).

(6) *Sư thánh xứ Công-gô*: tu sĩ đạo Hồi ở Công-gô (Congo, châu Phi).

(7) *Vua Thuần*: một vị vua nổi tiếng hiền đức, gần dân trong truyền thuyết cổ Trung Quốc.

(8) *Vua Pi-e nước Nga*: Pi-e (tiếng Nga: Pi-ôt (Pyotr)) hoàng đế Nga cuối thế kỉ XVII – đầu thế kỉ XVIII, đã đích thân đi tham quan và lao động ở Tây Âu, sau đó về nước tiến hành những cuộc cải cách tiến bộ, làm cho nước Nga trở nên hùng mạnh.

nước Anh. Bên những bậc cải trang vĩ đại ấy muốn đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, ngày nay còn có những ông hoàng, ông chúa, để tiện việc riêng và vì những lí do không cao thượng bằng, cũng “vi hành” đấy.

Tôi không được rõ ý đồ nhà “vi hành” của chúng ta ra sao. Phải chăng là ngài muốn biết dân Pháp, dưới quyền ngự trị của bạn ngài là A-lếch-xăng Đệ nhất⁽¹⁾, có được sung sướng, có được uống nhiều rượu và được hút nhiều thuốc phiện bằng dân Nam, dưới quyền ngự trị của ngài, hay không? Phải chăng ngài muốn học sử dụng (theo kiểu Pháp) cái liềm của nhà nông cùng cái búa của thầy thợ để sau cuộc ngao du, đem về chút ảm no mà đám “dân”⁽²⁾ bất hạnh của ngài tới nay hoàn toàn chẳng biết đến? Hay là, chán cảnh làm một ông vua to, giờ ngài lại muốn ném thử cuộc đời của các cậu công tử bé⁽³⁾?

Thế nào thì thế, ít lâu nay tôi đã trở thành một đấng hoàng thượng bất đắc dĩ. Bất cứ tôi đi đâu, là có người nhìn tôi, ganh tị tôi, mỉm cười với tôi, tán tụng tôi, đi theo tôi.

3 Cô em thân mến, hẳn cô bảo tôi rằng thế là cái bánh xe vô lượng⁽⁴⁾ nó đã quay rồi đấy. Đến nay, tất cả những ai ở Đông Dương có màu da trắng đều là những bậc khai hoá⁽⁵⁾, thì bây giờ đến lượt tất cả những ai có màu da vàng đều trở thành hoàng đế ở Pháp.

Cô không thể tưởng tượng được cảnh đón tiếp tốt đẹp người ta dành cho chúng tôi ở đây. Quần chúng cứ là tự phát mà biểu lộ nhiệt tình khi vừa thoáng thấy một đồng bào ta. Những tiếng “Hắn đấy!” hay “Xem hắn kia!” là những lời chào mừng kín đáo và kính trọng mà chúng tôi thường gặp dọc đường.

Chú ý giọng điệu mỉa mai của tác giả.

Cái vui nhất là ngay đến Chính phủ cũng chẳng nhận ra được khách thật của mình nữa, và để chắc chắn khỏi thất thố trong nhiệm vụ tiếp tân, Chính phủ bèn đối đãi với tất cả mọi người An Nam vào hàng vua chúa và phái tùy tùng đi hộ giá⁽⁶⁾ tuốt! Đó là những người phục vụ thâm kín, rụt rè, vô tư và hết sức tận tụy. Các vị chẳng

(1) A-lếch-xăng Đệ nhất: A-lếch-xăng Mìn-lơ-răng (Alexandre Millerand), Tổng thống Pháp lúc bấy giờ (cách gọi giấu cợt).

(2) Dân: Từ này được viết bằng tiếng Việt trong nguyên bản tiếng Pháp.

(3) Công tử bé: nguyên bản tiếng Pháp dùng chữ “công tước bé” (petit duc). Thành ngữ Pháp gọi những ông hoàng Nga, tước hiệu Đại công tước (grand duc) là những tay ăn chơi bừa bãi.

(4) Bánh xe vô lượng: ý nói quy luật biến đổi không lường được của tạo hoá. (Quan niệm luân hồi, đổi từ kiếp này sang kiếp khác của đạo Phật được tượng trưng bằng hình ảnh bánh xe).

(5) Bậc khai hoá: thực dân Pháp thường tự phong là những người đi khai hoá, tức là đưa văn minh đến cho dân các thuộc địa. Ở đây, tác giả dùng với nghĩa mỉa mai.

(6) Tùy tùng đi hộ giá: người đi theo để bảo vệ vua.

nề hà chút công sức nào để bảo vệ bọn tôi, và giá cô được trông thấy các vị ân cần theo dõi tôi chẳng khác bà mẹ hiền rình con thơ chập chững bước đi thứ nhất, thì hẳn cô phải phát ghen lên được về nỗi niềm âu yếm của các vị đối với tôi. Có thể nói là các vị bám lấy để giày tôi, dính chặt với tôi như hình với bóng. Và thật tình là các vị cuồng cuồng cả lên nếu mắt hút tôi chỉ trong dăm phút! Cô thử nghĩ, làm sao mà không xúc động sâu xa được, khi được đối đãi như thế?



Ngày nay, cứ mỗi lần ra khỏi cửa, thật tôi không sao che giấu nỗi niềm tự hào được là một người An Nam và sự kiêu hãnh được có một vị hoàng đế.

(NGUYỄN ÁI QUỐC, *Truyện và kí*,
PHẠM HUY THÔNG dịch và giới thiệu, NXB Văn học, Hà Nội, 1974)

?

1. Nêu nội dung cơ bản của mỗi phần trong văn bản.
2. Truyện viết về sự việc gì? Có những nhân vật nào xuất hiện trực tiếp và nhân vật nào được nói tới trong câu chuyện? Tình huống của truyện “*Vi hành*” độc đáo như thế nào?
3. Phân tích hình ảnh của “đấng hoàng thượng” trong mắt của đôi trai gái người Pháp.
4. Nhận xét về nội dung, ý nghĩa của đoạn văn từ “Cái vui nhất là ngay đến Chính phủ” đến “sự kiêu hãnh có được một vị hoàng đế”.
5. Phân tích sức mạnh đả kích của thiên truyện. Màu sắc châm biếm, đả kích chủ yếu được tạo nên bởi những yếu tố nào?
6. Theo em, việc tác giả chọn hình thức viết thư cho cô em họ có ý nghĩa gì đối với nghệ thuật trần thuật của truyện?
7. Nêu ý tưởng vẽ minh họa cho một nội dung trong truyện “*Vi hành*”.

BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI MĨA

1. Gạch chân những từ ngữ thể hiện biện pháp tu từ nói mĩa trong các đoạn văn sau (trích từ truyện “*Vi hành*” – Nguyễn Ái Quốc):

a) *Tôi nhớ chuyện vua Thuấn, vì muốn đích thân tai nghe mắt thấy dân có bằng lòng mình không, nên cải trang làm dân cày đi dò la khắp xứ. [...] Bên cạnh những bậc cải trang vĩ đại ấy muốn đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, ngày nay còn có những ông hoàng, ông chúa, để tiện việc riêng và vì những lí do không cao thượng bằng, cũng “vi hành” đấy.*

b) *Tôi không được rõ ý đồ của nhà “vi hành” của chúng ta ra sao. Phải chăng là ngài muốn biết dân Pháp, dưới quyền ngự trị của bạn ngài là A-lếch-xăng Đệ nhất, có được sung sướng, có được uống nhiều rượu và được hút nhiều thuốc phiện bằng dân Nam dưới quyền ngự trị của ngài, hay không?*

c) *Cô không thể tưởng tượng được cảnh đón tiếp tốt đẹp người ta dành cho chúng tôi ở đây. Quân chúng cứ là tự phát mà biểu lộ nhiệt tình khi vừa thoáng thấy một đồng bào ta. Những tiếng “Hắn đấy!” hay “Xem hắn kia!” là những lời chào mừng kín đáo và kính trọng mà chúng tôi thường gặp dọc đường.*

d) *Ngày nay, cứ mỗi lần ra khỏi cửa, thật tôi không sao che giấu nỗi niềm tự hào được là một người An Nam và sự kiêu hãnh được có một vị hoàng đế.*

2. Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp nói mĩa trong những câu ca dao dưới đây:

a) *Chồng người vác giáo sẵn beo
Chồng em vác đũa sẵn mèο khắp mâm.*

b) *Đồn rằng cha mẹ anh hiền
Cẩn cơm không vỡ, cẩn tiền vỡ tư.*

c) *Vợ anh khéo liệu khéo lo,
Bán một con bò, mua cái ễnh ương.
Đem về thả ở gậm giường,
Nó kêu ì ọp, lại thương con bò.*

d) *Làm trai cho đáng nên trai
Một trăm đám cỗ chẳng sai đám nào.*

3. Tìm trong truyện cười hoặc thơ châm biếm ba ví dụ về biện pháp tu từ nói mĩa.

4. Viết một đoạn văn (khoảng 10 – 15 dòng) trình bày suy nghĩ của em về tác dụng của biện pháp nói mĩa trong truyện “*Vi hành*” của Nguyễn Ái Quốc.

VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ

1 Định hướng

1.1. Đề tài để viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ rất đa dạng, phong phú. Ở Bài 2, các em đã được rèn luyện viết bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ như về lối sống lành mạnh; về hoài bão, khát vọng cống hiến;... Bài 6 tiếp tục rèn luyện kỹ năng viết kiểu bài này nhưng với nội dung khác. Đó là suy nghĩ về lòng yêu nước của tuổi trẻ ngày nay. Nội dung này gắn bó với bài học về cuộc đời và thơ văn Chủ tịch Hồ Chí Minh – một tấm gương sáng về lòng yêu nước và tự hào dân tộc. Tuy nhiên, yêu cầu ở đây là bàn về lòng yêu nước của thanh thiếu niên ngày nay, vì thế, cần nêu lên và bàn luận những biểu hiện rất đa dạng, phong phú; đồng thời, thấy được sự khác biệt trong quan niệm về lòng yêu nước của các thế hệ với những bối cảnh xã hội khác nhau.

Như thế, vấn đề trọng tâm là nêu lên và làm sáng tỏ quan niệm về lòng yêu nước và những biểu hiện của lòng yêu nước trong thời kì mới, nhất là đối với tuổi trẻ. Lí giải vì sao ngày nay nội dung yêu nước cần có những điểm kế thừa và bổ sung, phát triển.

1.2. Để viết bài nghị luận bàn về lòng yêu nước của tuổi trẻ, các em cần chú ý:

- Đọc kĩ đề và nhận biết trọng tâm cần làm sáng tỏ.
- Chuẩn bị tư liệu liên quan đến vấn đề trọng tâm cần bàn luận (những ví dụ về lòng yêu nước trong truyền thống; những biểu hiện về lòng yêu nước của tuổi trẻ trong đời sống ngày nay; các tác phẩm thơ, văn, các câu danh ngôn và những kiến thức lịch sử viết về lòng yêu nước;...).
- Trước khi viết bài văn cần tìm ý, lập dàn ý cho bài viết: xác định luận đề, các luận điểm, lựa chọn dẫn chứng. Bố cục bài viết theo ba phần; các luận điểm, lí lẽ được triển khai phải gắn bó mật thiết và xuất phát từ luận đề đã nêu.
- Thể hiện rõ thái độ, tình cảm khi bàn luận về vấn đề. Vận dụng được kiến thức và những trải nghiệm của cá nhân người viết.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập^(*): Theo em, thế hệ trẻ ngày nay quan niệm như thế nào là yêu nước? Quan niệm ấy có gì giống và khác so với quan niệm yêu nước truyền thống?

(*) Trong mục 2. Thực hành của các phần Viết, Nói và nghe, các bài tập nêu trên chỉ là những ví dụ.

a) Chuẩn bị

– Đọc kĩ các nội dung nêu ở mục 1. *Định hướng*. Tìm hiểu đề bài để biết các thông tin chính trước khi viết như: trọng tâm vấn đề, kiểu văn bản, phạm vi bàn luận,...

– Xác định phạm vi dẫn chứng và các bằng chứng cụ thể về lòng yêu nước trong lịch sử cũng như trong cuộc sống hiện nay.

– Xem lại các nội dung trong Bài 6. *Thơ văn Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh*; liên hệ với những hiểu biết từ môn Lịch sử và các tác phẩm văn học viết về lòng yêu nước.

b) Tìm ý và lập dàn ý

Có thể tìm ý bằng cách đặt ra các câu hỏi:

- Thế nào là yêu nước?
- Lòng yêu nước có ý nghĩa như thế nào trong lịch sử dân tộc?
- Tuổi trẻ ngày nay quan niệm thế nào là yêu nước?
- Quan niệm yêu nước của tuổi trẻ ngày nay có gì giống và khác so với quan niệm yêu nước truyền thống?
- Cần kế thừa và phát triển lòng yêu nước truyền thống như thế nào?
- ...

Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

Mở bài

Nêu vấn đề trọng tâm của bài viết: lòng yêu nước của tuổi trẻ ngày nay vừa giống, vừa khác với quan niệm yêu nước truyền thống.

Thân bài

Lần lượt triển khai các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho luận đề nêu ở mở bài, ví dụ:

- Lòng yêu nước của thanh niên ngày nay được thể hiện rất đa dạng, phong phú.
- Sự giống nhau và khác nhau về lòng yêu nước của thế hệ trẻ ngày nay so với truyền thống.
- ...

Kết bài

Khẳng định lại sự biểu hiện phong phú về lòng yêu nước của tuổi trẻ hiện nay; nêu cảm nghĩ của cá nhân về các biểu hiện yêu nước ấy.

c) Viết

Có thể luyện viết theo các yêu cầu khác nhau:

- Viết bài văn gồm ba phần lớn theo dàn ý trên.
- Viết đoạn văn từ một luận điểm trong thân bài mà em yêu thích.
- Viết mở bài hoặc kết bài theo các cách khác nhau.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Đọc lại bài văn đã viết. Đối chiếu với mục 1. *Định hướng* và dàn ý ở trên để phát hiện, sửa lỗi theo yêu cầu sau:

Phương diện kiểm tra, đánh giá	Yêu cầu cụ thể
Nội dung	<ul style="list-style-type: none">– Mở bài: Có giới thiệu được vấn đề nghị luận không? (Ở bài này là điểm giống và khác trong quan niệm về lòng yêu nước của tuổi trẻ ngày nay).– Thân bài:<ul style="list-style-type: none">+ Đã nêu được các nội dung cụ thể làm rõ cho nội dung khái quát nêu ở mở bài chưa? (Ở bài này là giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận về điểm giống và khác của lòng yêu nước trong thời kì mới so với quan niệm truyền thống).+ Bài viết đã đủ ý chưa? Luận đề, các luận điểm có phù hợp với vấn đề nghị luận nêu trong đề hay không?+ Các lí lẽ và bằng chứng có sinh động, đặc sắc, giàu sức thuyết phục không?+ Có phát biểu được những suy nghĩ và cảm xúc cá nhân sâu sắc không?– Kết bài: Đã tổng hợp và gợi mở được vấn đề cần bàn luận trong bài chưa? (Khẳng định sự phong phú trong quan niệm về lòng yêu nước của tuổi trẻ ngày nay).
Hình thức	<ul style="list-style-type: none">+ Bài viết có đủ ba phần và nội dung (độ dài) các phần có cân đối không?+ Đã kết hợp được các phương thức biểu đạt và các thao tác nghị luận, nhất là thao tác chứng minh trong khi viết hay chưa?+ Bài viết còn mắc những lỗi nào (lỗi về ý, về dùng từ, đặt câu, chính tả, ngữ pháp,...)?
Tự đánh giá	<ul style="list-style-type: none">+ Bài viết đã đáp ứng được những yêu cầu đặt ra ở mức nào?+ Phần nào em thấy tâm đắc nhất trong bài viết của mình? Phần nào em thấy khó khăn nhất khi thực hành bốn bước trong tiến trình viết?

2.2. Rèn luyện kỹ năng viết: Thao tác chứng minh

a) Cách thức

Chứng minh một vấn đề là dùng những lí lẽ và dẫn chứng đã được thừa nhận để khẳng định vấn đề đã nêu ra. Trong cuộc sống cũng như trong làm văn, thao tác chứng minh là rất cần thiết.

Để sử dụng thao tác này một cách hiệu quả, trước hết phải xác định vấn đề chứng minh để tìm nguồn dẫn chứng cũng như lí lẽ cho phù hợp. Dẫn chứng là cái được đưa ra để chứng tỏ cho điều viết ra, nói ra là đúng, là có cơ sở. Trong bài văn nghị luận, dẫn chứng phải sát, hợp, tiêu biểu, toàn diện, phong phú với vấn đề cần chứng minh. Dẫn chứng cũng phải có sự sắp xếp một cách lô gích, chặt chẽ, hợp lí, có thể theo trình tự thời gian, không gian hoặc mức độ quan trọng của từng sự việc đối với vấn đề cần chứng minh. Còn lí lẽ là những lời dẫn dắt, suy luận, phân tích,... kết hợp với dẫn chứng để làm rõ vấn đề.

Khi chứng minh, tùy theo vấn đề cần làm sáng tỏ, người viết có thể dùng dẫn chứng hay lí lẽ hoặc kết hợp cả dẫn chứng và lí lẽ để tạo nên tính thuyết phục.

Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một mẫu mực về việc sử dụng thao tác chứng minh. Không phải ngẫu nhiên mà ngay từ đầu, Người đã dẫn ra hai bản Tuyên ngôn nổi tiếng của Mỹ và Pháp. Cả hai bản Tuyên ngôn này đều khẳng định quyền tự do, độc lập của mỗi dân tộc, mỗi con người. Từ chỗ khẳng định: “Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”, Hồ Chí Minh nêu vấn đề: “Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.”. Luận điểm này đã được Người chứng minh rất cụ thể và sáng tỏ ở nhiều phương diện:

– “Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.”.

– “Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.”.

b) Bài tập

Hãy viết một đoạn văn chứng minh thơ văn của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh thể hiện rõ lòng yêu nước nồng nàn.

NGHE THUYẾT TRÌNH MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1 Định hướng

a) Ở Bài 5, các em đã rèn luyện kỹ năng nghe thuyết trình về một vấn đề là vai trò của văn học với tuổi trẻ. Bài 6 tiếp tục rèn kỹ năng này với yêu cầu nghe thuyết trình vấn đề quan niệm yêu nước của tuổi trẻ. Người nghe thuyết trình một vấn đề xã hội cần nắm được thông tin của bài thuyết trình, từ đó nêu lên và khẳng định những ưu điểm cũng như những hạn chế của bài thuyết trình cả về nội dung và cách thức trình bày.

Trong phần *Viết*, các em đã rèn luyện viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội, cụ thể là quan niệm về lòng yêu nước của tuổi trẻ ngày nay có gì giống và khác với quan niệm yêu nước truyền thống. Phần *Nói và nghe* này dựa vào nội dung đề tài đã viết để luyện tập kỹ năng nghe và nhận xét, đánh giá được nội dung, cách thức thuyết trình một vấn đề xã hội theo hướng tích hợp. Người nói cần chuyển nội dung bài viết thành bài thuyết trình. Người nghe tập trung lắng nghe và nêu ra được những nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình của người nói. Yêu cầu rèn luyện tập trung chủ yếu vào kỹ năng nghe và nhận xét, đánh giá.

b) Để nghe và nêu được những nhận xét, đánh giá, các em cần chú ý:

- Nắm được nội dung (thông tin) cơ bản của bài thuyết trình.
- Đặt được câu hỏi về những điều mình chưa hiểu, chưa rõ.
- Trao đổi với người trình bày về những ý kiến khác biệt (nếu có).
- Có thái độ thân thiện, tôn trọng người nói.

2 Thực hành

Bài tập: *Nghe và nhận xét, đánh giá bài thuyết trình “Quan niệm yêu nước của tuổi trẻ hiện nay có gì giống và khác với quan niệm yêu nước truyền thống”.*

a) Chuẩn bị

Xem lại dàn ý đã làm ở phần *Viết* và các yêu cầu nghe đã nêu ở mục 1. *Định hướng*.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Người thuyết trình xem lại dàn ý đã làm ở phần *Viết*, cân nhắc yêu cầu của bài nói để bổ sung, sắp xếp lại các ý cho mạch lạc, phù hợp với nội dung cần trình bày.

– Người nghe tìm hiểu đề tài, chủ đề và nội dung của bài thuyết trình; hình dung về cách thức thuyết trình; dự kiến những vấn đề cần làm rõ và các câu hỏi cụ thể.

c) Nói và nghe

Bài này cần tập trung vào phần nghe và đảm bảo các yêu cầu sau:

Người nói	Người nghe
<ul style="list-style-type: none"> – Nội dung trình bày vấn đề rõ ràng, cụ thể theo dàn ý đã chuẩn bị. – Hình thức trình bày: sáng tạo, vận dụng các thiết bị hỗ trợ phù hợp. – Tác phong, thái độ trình bày: tự tin, thân thiện, tôn trọng người nghe,... 	<ul style="list-style-type: none"> – Tập trung lắng nghe; hiểu được những nội dung chính và quan điểm của người nói. – Ghi lại các thông tin chính của bài trình bày, những nội dung cần hỏi lại và những nhận xét, đánh giá về nội dung, cách thức trình bày, tình cảm, thái độ của người thuyết trình. – Nêu các vấn đề cần hỏi, các ý kiến cần trao đổi về nội dung bài nói một cách ngắn gọn, rõ ràng,...; có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày. – Chú ý lắng nghe; sử dụng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Người nói	Người nghe
<p>Rút kinh nghiệm về bài trình bày:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nội dung trình bày đã đầy đủ như trong dàn ý chưa? – Hình thức trình bày có sáng tạo, phù hợp không? – Tác phong, thái độ trình bày như thế nào? – Tự đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> + Ưu điểm của bài trình bày là gì? + Cần khắc phục những hạn chế nào? 	<ul style="list-style-type: none"> – Kiểm tra kết quả nghe và ghi chép các nội dung thông tin đã chính xác chưa, ghi chép được những nội dung gì,...? – Có nêu được câu hỏi và ý kiến thảo luận, trao đổi với người trình bày? – Nhận xét về nội dung, hình thức bài trình bày. – Đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> + Bài trình bày của người nói có ưu điểm và hạn chế nào? + Em sẽ điều chỉnh như thế nào nếu mình trình bày?

Đọc văn bản sau, chọn phương án đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5) và trả lời các câu hỏi (từ câu 6 đến câu 10):

Cảnh rừng Việt Bắc

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay,
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày,
Khách đến thì mời ngô nếp nướng,
Săn về thường chén thịt rừng quay,
Non xanh, nước biếc tha hồ dạo,
Rượu ngọt, chè tươi mặc sức say.
Kháng chiến thành công ta trở lại,
Trăng xưa, hạc cũ với xuân này.

Năm 1947

(HỒ CHÍ MINH, in trong *Hồ Chí Minh – Thơ*, NXB Văn học, Hà Nội, 1970)

1. Bài thơ *Cảnh rừng Việt Bắc* đã sử dụng hình thức nào?
 - A. Thơ thất ngôn bát cú, viết bằng chữ Nôm
 - B. Thơ thất ngôn bát cú, viết bằng chữ Quốc ngữ
 - C. Thơ tự do, viết bằng chữ Nôm
 - D. Thơ bảy chữ, viết bằng chữ Hán
2. Chi tiết nào cho biết bối cảnh sáng tác của bài thơ *Cảnh rừng Việt Bắc*?
 - A. Nhan đề bài thơ *Cảnh rừng Việt Bắc*
 - B. Ghi chú: NXB Văn học, Hà Nội, 1970
 - C. Ghi chú cuối văn bản: Năm 1947
 - D. Câu “Kháng chiến thành công ta trở lại”
3. Trạng thái cảm xúc chủ đạo trong bài thơ *Cảnh rừng Việt Bắc* là gì?
 - A. Vui vẻ, lạc quan
 - B. Buồn bã, ưu tư
 - C. Nuối tiếc, băng khuâng
 - D. Xúc động, sung sướng
4. Dòng thơ nào sau đây sử dụng biện pháp liệt kê?
 - A. *Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay*
 - B. *Vượn hót chim kêu suốt cả ngày*

C. Săn về thường chén thịt rừng quay

D. Kháng chiến thành công ta trở lại

5. Nội dung chính của bài thơ là gì?

A. Cuộc sống giản dị, đơn sơ ở núi rừng Việt Bắc và tâm trạng tràn đầy sự lạc quan, tin tưởng của nhân vật trữ tình

B. Cuộc đời hoạt động cách mạng bí mật gian khổ, thiếu thốn mà vẫn ung dung và tràn đầy sự lạc quan của Bác Hồ

C. Hình ảnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp gian khổ, quyết liệt nhưng tràn đầy sự lạc quan, vui vẻ

D. Cuộc sống khắc nghiệt ở chiến khu Việt Bắc và những nỗi băn khoăn, lo lắng của nhân vật trữ tình

6. Mở đầu bài thơ, Bác viết “Cảnh rừng Việt Bắc thật là **hay**”. Em hiểu nghĩa của từ “hay” ở đây là thế nào?

7. Nhận xét âm hưởng và giọng điệu bao trùm bài thơ *Cảnh rừng Việt Bắc*.

8. Những từ ngữ nào trong bài thơ thể hiện sắc thái tình cảm của chủ thể trữ tình?

9. Từ hiểu biết của em về nghĩa của từ “mời” và từ “chén”, chỉ ra sự phù hợp của hai từ này trong hai dòng thơ: “khách đến thì mời... Săn về thường chén...”.

10. Qua bài thơ, em hiểu thêm được gì về tâm hồn của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc thêm một số tác phẩm (truyện, văn chính luận và thơ) của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngoài những văn bản đã có trong sách *Ngữ văn 12*.

2. Tìm đọc và ghi lại một số câu, đoạn văn phân tích, đánh giá về các tác phẩm của tác giả Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh được học trong sách *Ngữ văn 12*.

3. Tìm hiểu, sưu tầm tư liệu (bài viết, tranh, ảnh, video clip,...) để làm bài tập dự án với chủ đề: *Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hoá kiệt xuất, nhà thơ lớn*.

4. Sưu tầm những bài viết về một vấn đề xã hội liên quan đến tuổi trẻ mà em thấy gần gũi và thiết thực.

BÀI 7

TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố hình thức (ngôn từ và giọng điệu, diễn biến tâm lí, bối cảnh và điểm nhìn trần thuật,...) và nội dung (chủ đề, tư tưởng và cảm hứng) trong tiểu thuyết hiện đại.
- ▶ Hiểu và biết vận dụng biện pháp tu từ nghịch ngữ.
- ▶ Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí.
- ▶ Biết trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí.
- ▶ Biết phê phán những hiện tượng khoa trương, giả dối; biết trân trọng quá khứ, quý trọng tình cảm trong sáng, cao thượng; yêu chuộng hoà bình.

KIẾN THỨC NGỮ VĂN

1. Tiểu thuyết hiện đại là tiểu thuyết được sáng tác bởi các nhà văn không chấp nhận các khuôn mẫu của tiểu thuyết truyền thống, muốn cách tân, thể nghiệm những hình thức, kĩ thuật mới. Ở phương Tây, tiểu thuyết hiện đại hình thành vào khoảng đầu thế kỉ XVII. Các nhà tiểu thuyết hiện đại sáng tạo ra những hình thức tiểu thuyết mới: tiểu thuyết tình cảm, tiểu thuyết lãng mạn, tiểu thuyết hiện thực, tiểu thuyết lịch sử, tiểu thuyết trào phúng, tiểu thuyết tâm lí,... Ở Việt Nam, tiểu thuyết hiện đại là tiểu thuyết được sáng tác bằng chữ Quốc ngữ, xuất hiện từ khoảng cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX. Đây là những tiểu thuyết có nội dung và hình thức khác hẳn với tiểu thuyết chương hồi viết bằng chữ Hán và truyện thơ viết bằng chữ Nôm. Các nhà tiểu thuyết hiện đại Việt Nam tiếp thu tinh thần và hình thức của tiểu thuyết hiện đại phương Tây nhằm không ngừng đổi mới thể loại, phản ánh và góp phần giải quyết những vấn đề phức tạp, những vấn đề “nóng” của thời đại.

2. Phong cách hiện thực

Phong cách hiện thực trong văn học lấy việc miêu tả, tái hiện đời sống chính xác như nó vốn thể làm nguyên tắc thẩm mỹ cơ bản. Các nhà văn có phong cách hiện thực thường đưa vào tác phẩm những chi tiết, sự việc thường ngày; khám phá diễn biến tâm lí khách quan của nhân vật trong mối liên hệ chặt chẽ với hoàn cảnh xã hội. *Chiến tranh và hòa bình* của Lép Tôn-xtôi (Lev Tolstoy), *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng là những tiểu thuyết viết theo phong cách hiện thực.

3. Phong cách hiện đại

Phong cách hiện đại trong văn học xuất hiện từ khoảng cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX. Nó lấy việc phá vỡ các giới hạn và khuôn mẫu cứng nhắc của những phong cách văn học truyền thống làm nguyên tắc thẩm mỹ cơ bản. Các nhà văn có phong cách hiện đại ưa thích thử nghiệm các kĩ thuật văn học mới lạ như dùng nhiều điểm nhìn trần thuật, thay đổi linh hoạt về giọng điệu, xoá nhoà ranh giới thể loại, kết cấu phi tuyến tính, dòng tâm tư, phương pháp của những tảng băng trôi,... nhằm phản ánh cuộc sống hiện tại và cách tân, đổi mới văn học. Các tiểu thuyết như *Ông già và biển cả* của Ô-nít Hê-minh-uê, *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh là những tiểu thuyết được viết theo phong cách hiện đại.

ĐỌC

Đọc hiểu văn bản



HẠNH PHÚC CỦA MỘT TANG GIA^(*)

(Trích *Số đỏ*)

VŨ TRỌNG PHỤNG

1 Chuẩn bị

- Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(**)
- Khi đọc đoạn trích tiểu thuyết, các em cần chú ý.^(***)
- + Xác định được vị trí, bố cục và nội dung của đoạn trích.

(*) Nhan đề đầy đủ của chương XV: *Hạnh phúc của một tang gia* – Văn Minh nữa cũng nói vào – Một đám ma gương mẫu.

(**), (***) Khi đọc hiểu các văn bản khác trong Bài 7, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

+ Nhận biết được bối cảnh, người kể chuyện và điểm nhìn trần thuật, thái độ của người kể chuyện.

+ Phân tích được tình huống truyện, tâm lí nhân vật, đặc sắc ngôn từ và giọng điệu của đoạn trích tiểu thuyết.

+ Hiểu được ý nghĩa của nhan đề, xác định được mối liên hệ giữa nhan đề với chủ đề, tư tưởng, cảm hứng của tác phẩm.

– Đọc trước đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Vũ Trọng Phụng.

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây để hiểu bối cảnh đoạn trích:



Vũ Trọng Phụng
(1912 – 1939),
quê ở Hưng Yên

Số đờ kể câu chuyện cuộc đời của nhân vật Xuân, thường gọi là Xuân Tóc Đỏ. Hắn là một đứa trẻ mồ côi, thất học, sống lay lắt ở Hà Nội, làm đủ nghề mạt hạng để kiếm sống... Một hôm, vì hành vi xấu ở sân quần vợt, hắn bị cảnh sát bắt giam. Bà Phó Đoan, một me Tây⁽¹⁾ dâm đẳng, giàu có, là khách chơi quần vợt, vì biết chuyện của hắn nên bảo lãnh đưa về nhà rồi giới thiệu hắn đến làm việc cho tiệm may Âu hoá của ông bà Văn Minh. Tại đây, nhờ biết cách quảng cáo các một thời trang, hắn chiếm được cảm tình của nữ khách hàng; được cô Tuyết là em gái ông Văn Minh, con cụ cố Hồng say mê. Từ đó, hắn bắt đầu gia nhập xã hội thượng lưu, quan hệ với những nhân vật có địa vị và thế lực. Một hôm, hắn công khai chuyện ông Phán bị “mọc sừng”⁽²⁾, vô tình khiến cụ cố tổ – bố đẻ của cụ cố Hồng – uất lên mà chết. Cái chết này đã được mọi người trong gia đình cụ cố Hồng mong đợi từ lâu, vì thế ai cũng mang ơn Xuân. Để đền ơn và nhằm đánh bóng tên tuổi của em rể tương lai, Văn Minh đăng kí cho Xuân tranh giải quần vợt. Bằng thủ đoạn xảo trá, Xuân khiến hai cầu thủ nổi tiếng bị bắt ngay trước hôm thi đấu. Vì thế, hắn được thi tài với quán quân nước Xiêm. Khi trận đấu vào hồi gay cấn, ưu thế đang nghiêng về Xuân thì hắn được lệnh phải thua để tránh cái hoạ “núi xương sông máu”. Kết thúc trận đấu, Xuân đứng trên mũi ô tô diễn thuyết rất hùng hồn. Đám đông vỗ tay hoan nghênh Xuân như một “bạc vĩ nhân”, “anh hùng cứu quốc”. Xuân được Chính phủ Pháp, Nam triều và Xiêm triều thưởng huân chương Bắc Đẩu bội tinh, Long bội tinh, được mời vào hội Khai trí tiến đức, được cụ cố Hồng sung sướng tuyên bố gả Tuyết cho hắn.

Đoạn trích dưới đây kể việc gia đình cụ cố Hồng tổ chức đám tang cho cụ cố tổ.

2 Đọc hiểu

1 Ba hôm sau, ông cụ già⁽³⁾ chết thật.

Cả gia đình ấy đã nhao lên mỗi người một cách, đi gọi từ ông lang băm Tây cho đến ông lang băm Đông, già và trẻ, để thực hành đúng cái lí thuyết “nhiều thầy

(1) *Me Tây*: người đàn bà Việt Nam vì tiền mà lấy người Pháp thời Pháp thuộc (hàm ý coi khinh).

(2) *Mọc sừng*: chỉ người chồng có vợ ngoại tình.

(3) *Ông cụ già*: chỉ cụ cố tổ, bố cụ cố Hồng, ông nội của Tuyết và Văn Minh.

thối ma”. Ông cụ già chết, danh dự của Xuân lại càng to thêm, vì cái lễ rất chính đáng là luôn ba hôm nó đã trốn một chỗ nào không ai biết, đến nỗi cụ bà cho người đi tìm đâu cũng không thấy. Thiếu ông đốc tờ Xuân là thiếu tất cả, những ông thầy thuốc chính hiệu đã thất bại hoàn toàn. Về phần ông đốc tờ Trục Ngôn, thấy bạn đồng nghiệp Xuân của ông không chữa, cho đó là một bệnh nặng, nên cũng không dám nhận. Đó là một bài học cho những kẻ nào dám bảo một người như Xuân là con nhà hạ lưu, ma cà bông⁽¹⁾, vô học, vô lại⁽²⁾, nhật ban quần⁽³⁾, vân vân... Người ta lại đi mời cả cụ lang Tì lẩn cụ lang Phế, nhưng vì quá giận, hai cụ đã từ chối chạy chữa cũng như những vị danh y biết tự trọng. Người ta đã nghĩ đến cả thuốc thánh đèn Bia vừa mới chữa một người ho lao và một người cảm thương hàn bằng bunn đen và cứt trâu, công hiệu đến nỗi họ mất mạng, và quan trên lại điều tra rằng có một tội cường hào tổ chức ra thánh, mà tội cường hào ấy lại ăn cắp tiền quỹ nữa, nên tự nhiên cũng hết thiêng liêng... Những việc trắc trở như thế đã làm cho ông già hơn tám mươi tuổi phải chết một cách bình tĩnh. Trong lúc gia đình nhốn nháo, thằng bồi tiêm đã đếm được đúng một nghìn tám trăm bảy mươi hai câu gậy: “Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!” của cụ cố Hồng.

Chú ý giọng điệu của người kể chuyện.

Cái chết kia đã làm cho nhiều người sung sướng lắm. Ông Phán mọc sừng đã được cụ Hồng nói nhỏ vào tai rằng sẽ chia cho con gái và rẻ thêm một số tiền là vài nghìn đồng. Chính ông ta cũng không ngờ rằng giá trị đôi sừng hươu vô hình trên đầu ông ta mà lại to đến như thế. Ông cho rằng Xuân có tài quảng cáo lắm, nói một lời là có vài nghìn bạc, nên sau khi được lời hứa quý hoá của ông bố vợ, ông trù tính ngay với Xuân một công cuộc doanh thương... “Thưa ngài, ngài là một người chồng mọc sừng!”. Ông Xuân chỉ nói có thể mà làm cho ông thêm được vài ba nghìn bạc thì khi ông Xuân nói đại khái: “Thưa ngài, thứ hàng này tốt nhất, buôn ở Tây phương.” chắc phải có giá trị hơn nữa. Ông muốn gặp ngay Xuân để trả nốt năm đồng, trước khi buôn bán cũng phải giữ chữ tín⁽⁴⁾ làm đầu.

Ý nghĩ của mọi người trong tang gia như thế nào?

Cụ cố Hồng đã nhắm nghiền mắt lại để mơ màng đến cái lúc cụ mặc đồ xô gai, lụ khụ chống gậy, vừa ho khạc vừa khóc mếu, để cho thiên hạ phải chỉ trỏ: “Úi kìa,

(1) *Ma cà bông* (phiên âm tiếng Pháp: *vagabond*): kẻ không nhà cửa, không có nghề nghiệp ổn định, sống lang thang (hàm ý coi khinh).

(2) *Vô lại*: kẻ xấu xa, bất lương, đê tiện.

(3) *Nhật ban quần*: nhật bóng ở sân quần vợt.

(4) *Chữ tín*: lòng tin, giữ đúng lời hứa.

con giai nhón đã già đến thế kia kia!”. Cụ chắc cả mười phần rằng ai cũng phải ngợi khen một cái đám ma như thế, một cái gây như thế,...

Điều băn khoăn của con cụ, ông Văn Minh, chỉ là mời luật sư đến chứng kiến cái chết của ông nội mà thôi. Thế là từ nay mà đi, cái chúc thư kia sẽ vào thời kì thực hành chứ không còn là lí thuyết viển vông nữa. Ông chỉ phiền nỗi không biết xử trí với Xuân Tóc Đỏ ra sao cho phải,... Xuân tuy phạm tội quyến rũ một em gái ông, tổ cáo cái tội trạng hoang dâm của một em gái khác nữa của ông, nhưng tình cờ đã gây ra cái chết của ông cụ già đáng chết. Hai cái tội nhỏ, một cái ơn to... Làm thế nào? Ông phân vân, vò đầu rút tóc, lúc nào mặt cũng dăm dăm chiêu chiêu⁽¹⁾, thành thử lại thành ra hợp thời trang, vì mặt ông thật đúng cái mặt một người lúc gia đình đương là tang gia bối rối.

Mà bối rối thật. Người chết, sau khi được quan trên khám qua loa, đã được khâm liệm⁽²⁾ đến gần một ngày rồi, vậy mà chưa thấy cụ Hồng ra lệnh phát phục⁽³⁾ mặc dầu mọi công việc cử hành tang lễ đã quyết định xong xuôi. Phái trẻ, nghĩa là bọn dâu con, đã bắt đầu la ó lên rằng phái già chậm chạp. Cậu tú Tân thì cứ điên người lên vì cậu đã sẵn sàng mấy cái máy ảnh mà mãi cậu không được dùng đến. Bà Văn Minh thì sốt cả ruột vì mãi không được mặc những đồ xô gai tân thời, cái mũ mấn⁽⁴⁾ trắng viền đen – *Dernières créations*⁽⁵⁾! – Những cái rất ăn với nhau mà tiệm Âu hoá một khi đã lăng-xê⁽⁶⁾ ra thì có thể ban cho những ai có tang đương đau đớn vì kẻ chết cũng được hưởng chút ít hạnh phúc ở đời. Ông Typn⁽⁷⁾ rất bức mình vì mãi không được thấy những sự chế tạo của mình ra mắt công chúng để xem các báo chí phê bình ra sao. Người ta đổ lỗi cho ông Văn Minh không khéo can thiệp để mọi việc phải trì hoãn, cụ Hồng cứ nhắm mắt lại kêu khổ lắm, cụ bà hay lè loi, vẽ chuyện lòi thôi. Kì thủy⁽⁸⁾ sở dĩ chưa phát phục vì chuyện Tuyết, hay việc Xuân Tóc Đỏ đã gây ra cho Tuyết vậy. [...]

Mọi người trong tang gia đã “bối rối” ra sao?

2 Sáng hôm sau, đúng 7 giờ thì cất đám. Hai viên cảnh sát thuộc bộ thứ 18 là Min Đơ và Min Toa⁽⁹⁾ đã được thuê giữ trật tự cho đám ma. Giữa lúc không có ai đáng phạt mà phạt, đương buồn rầu như những nhà buôn sắp vỡ nợ, mấy ông cảnh binh này được có đám thuê thì sung sướng cực điểm, đã trông nom rất hết lòng. Thành thử

(1) *Dăm dăm chiêu chiêu* (từ gốc là *dăm chiêu*): bận lòng suy nghĩ, băn khoăn nhiều bề.

(2) *Khâm liệm*: bọc thi thể người chết để đặt vào quan tài.

(3) *Phát phục*: bắt đầu mặc quần áo tang.

(4) *Mũ mấn*: mũ bằng vải trắng, hình chóp, phụ nữ đội khi đưa tang bố, mẹ hoặc chồng.

(5) *Dernières créations* (tiếng Pháp đọc là *đéc-ni-e crê-a-xi-ông*): những sáng tạo mới nhất.

(6) *Lăng-xê* (tiếng Pháp: *lancer*): đưa ra, tung ra giới thiệu trước mọi người nhằm thu hút sự chú ý của công chúng.

(7) *Typn*: đọc là Típ-phờ-nờ, viết tắt của câu *Tôi yêu phụ nữ*, đây là tên của nhân vật họa sĩ chuyên vẽ mẫu ở tiệm may Âu hoá của vợ chồng Văn Minh.

(8) *Kì thủy* (từ cũ): đầu tiên, khởi đầu.

(9) *Min Đơ, Min Toa* (tiếng Pháp: *mille deux, mille trois*): 1002, 1003; số hiệu của hai viên cảnh sát.

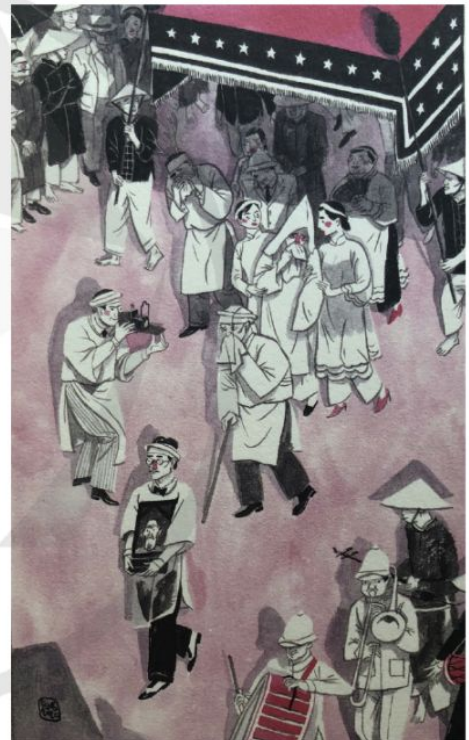
tang gia ai cũng vui vẻ cả, trừ một Tuyết. Tại sao Xuân lại không đến phúng viếng gì cả? Tại sao Xuân lại không đi đưa? Hay là Xuân khinh mình? Những câu hỏi ấy đã khiến Tuyết đau khổ một cách rất chính đáng, có thể muốn tự tử được. Tìm kiếm khắp mặt trong bọn người đi đưa đám ma cũng không thấy “bạn giai” đâu cả, Tuyết như bị kim châm vào lòng.

Chú ý ý nghĩ, tâm trạng và hành động của nhân vật Tuyết.

Hôm nay, Tuyết mặc bộ y phục *Ngây thơ* – cái áo dài voan mỏng, trong có coóc-sê⁽¹⁾, trông như hở cả nách và nửa vú – nhưng mà viền đen, và đội một cái mũ mấn xinh xinh. Thấy rằng thiên hạ đồn mình hư hỏng nhiều quá, Tuyết bèn mặc bộ *Ngây thơ* để cho thiên hạ phải biết rằng mình chưa đánh mất cả chữ trinh⁽²⁾. Với cái tráp trầu cau và thuốc lá, Tuyết mời các quan khách rất nhanh nhẹn, trên mặt lại hơi có một vẻ buồn lãng mạn rất đúng một một nhà có đám. Những ông bạn thân của cụ cố Hồng, ngực đầy những huy chương như: Bắc Đẩu bội tinh, Long bội tinh, Cao Môn bội tinh, Vạn Tượng bội tinh, vân vân... trên mép và cằm đều đủ râu ria, hoặc dài hoặc ngắn, hoặc đen hoặc hung hung, hoặc lún phún hay rậm rậm, loăn quăn, những ông tai to mặt lớn thì sát ngay với linh cữu, khi trông thấy làn da trắng thập thò trong làn áo voan trên cánh tay và ngực Tuyết, ai nấy đều cảm động hơn những khi nghe tiếng kèn Xuân nữ⁽³⁾ ai oán, náo nùng.

Với một đám ma theo cả lối Ta, Tàu, Tây có kiệu bát cống⁽⁴⁾, lọng quay đi lọng⁽⁵⁾, cho đến lóc bóc xoảng⁽⁶⁾ và bú dích⁽⁷⁾ và vòng hoa, có đến ba trăm câu đối, vài ba trăm người đi đưa, lại có cậu tú Tân chỉ huy những nhà tài tử chụp ảnh đã thi nhau như ở hội chợ. Thật là một đám ma to tát có thể làm cho người chết nằm trong quan tài cũng phải mỉm cười sung sướng, nếu không gật gù cái đầu...!

Khi đi được bốn phố, giữa lúc Typn và bà vợ, bà Phó Đoan và ông Giô-dép (Joseph) Thiệt, và mấy người nữa đương lao xào phê bình thái độ



Đám tang cụ cố tổ
qua nét vẽ Thành Phong
(Ảnh: Đông A)

(1) *Coóc-sê* (tiếng Pháp: *corset*): áo ngực của phụ nữ.

(2) *Chữ trinh*: trinh tiết, nói về sự trong trắng của người con gái khi chưa có chồng.

(3) *Tiếng kèn Xuân nữ*: tên một điệu nhạc thường cử hành trong đám tang.

(4) *Kiệu bát cống*: loại kiệu sang trọng có 8 đòn, 16 người khiêng, được sơn son thiếp vàng.

(5) *Lọng quay đi lọng* (*lọng*: đồ dùng để che nắng mưa, gần giống cái ô nhưng lớn hơn, chỉ dùng cho người quyền quý hoặc trong các đám rước thần thánh): ở đây con lọng quay được che lọng.

(6) *Lóc bóc xoảng*: trống và phèng la; tên các nhạc cụ được gọi theo lối dân dã, mô phỏng âm thanh mà nó phát ra.

(7) *Bú dích* (đọc chệch âm tiếng Pháp *musique*, nghĩa là âm nhạc): kèn đồng của Tây.

của Xuân thì thấy cả đám phải đứng dừng lại như hàng đầu gặp phải một nạn xe cộ vậy. Giữa lúc ấy, sáu chiếc xe, trên có sư chùa Bà Banh, xe nào cũng che hai lọng, từ một ngã len vào chiếm chỗ sau năm lá cờ đen. Hai vòng hoa đồ sộ, một của báo *Gõ mõ*, một của Xuân, cũng len vào hàng đầu. Cậu tú Tân vội chạy lên bấm máy ảnh lách tách rồi xuống thưa với mẹ. Cụ bà hốt hải chạy lên, rồi cảm động hết sức, vì nó là phần của ông Xuân, ông Xuân đốc tờ, và ông Xuân cố vấn báo *Gõ mõ*, nên mới có sự long trọng như thế thêm cho đám ma. Cụ sung sướng kêu: “Ấy, giá không có món ấy thì là thiếu, chưa được to, may mà ông Xuân đã nghĩ hộ tôi!”. Sư cụ Tăng Phú thì sung sướng và vênh váo ngồi trên một chiếc xe, vì sư cụ chắc rằng trong số thiên hạ đứng xem ở các phố, thế nào cũng có người nhận ra rằng sư cụ đã đánh đổ được Hội Phật giáo, và như thế thì là một cuộc đắc thắng đầu tiên của báo *Gõ mõ* vậy.

Xuân Tóc Đỏ cất đặt đầu vào đấy rồi mới xuống chỗ những người đi đưa. Tuyết đã liếc mắt đưa tình cho nó để tỏ ý cảm ơn. Mọi người đã ngợi khen nó hoặc ghen ghét nó...

Đám ma đưa đến đâu làm huyền não đến đấy. Cả một thành phố đã nhón nháo lên khen đám ma to, đúng với ý muốn của cụ cố Hồng. Thiên hạ chú ý đặc biệt vào những kiểu quần áo tang của tiệm may Âu hoá như ý ông Typn và bà Văn Minh. Cụ bà sung sướng vì ông đốc Xuân đã không giận mà lại giúp đáp, phúng viếng đến thế, và đám ma như kẻ đã là danh giá nhất tất cả.

Chú ý cử chỉ, hành động, lời nói của các nhân vật khi đi đưa tang.

Đám cứ đi...

Kèn Ta, kèn Tây, kèn Tàu lần lượt thay nhau mà rộn lên. Ai cũng làm ra bộ mặt nghiêm chỉnh, song le sự thật thì vẫn thì thầm với nhau chuyện trò về vợ con, về nhà cửa, về một cái tủ mới sắm, một cái áo mới may. Trong mấy trăm người đi đưa thì một nửa là phụ nữ, phần nhiều tân thời, bạn của cô Tuyết, bà Văn Minh, cô Hoàng Hôn, bà Phó Đoan, vân vân... Thật là đủ giai thanh gái lịch, nên họ chim⁽¹⁾ nhau, cười tình với nhau, bình phẩm nhau, chê bai nhau, ghen tuông nhau, hện hò nhau, bằng những vẻ mặt buồn rầu của những người đi đưa ma.

Chen lẫn vào những tiếng khóc lóc, mĩa mai nhau của những người trong tang gia, người ta thấy những câu thì thảo như sau này:

– Con bé nhà ai mà kháu thế? – Con bé bên cạnh đẹp hơn nữa! – Ủ, ừ, cái thằng ấy bạc tình bỏ mẹ! – Xưa kia vợ nó bỏ nó chớ? – Hai đời chồng rồi! – Còn xuân chán! – Gớm cái ngực, đằm⁽²⁾ quá đi mất! – Làm mối cho tớ nhé? – Mỏ vàng hay mỏ chì?⁽³⁾ – Không, không hện hò gì cả. – Vợ béo thế, chồng gầy thế thì mọc sừng mất! Vân vân...

(1) *Chim*: ở đây có nghĩa là tán tỉnh, ve vãn.

(2) *Đằm* (đọc chệch từ tiếng Pháp: *dame*): chỉ đàn bà, con gái phương Tây.

(3) *Mỏ vàng hay mỏ chì*: *mỏ vàng* – ý nói giàu có, nhiều của chim của nỏ; *mỏ chì* – ý nói nghèo, tài sản không có gì.

Và còn nhiều câu nói vui vẻ, ý nhị khác nữa, rất xứng đáng với những người đi đưa đám ma.

Đám cứ đi...

3 Đến huyết, lúc hạ quan tài, cậu tú Tân luộm thuộm trong chiếc áo thụng trắng đã bắt bẻ từng người một, hoặc chống gậy, hoặc gục đầu, hoặc cong lưng, hoặc lau mắt như thế này, như thế nọ... để cậu chụp ảnh kỉ niệm lúc hạ huyết. Bạn hữu của cậu rầm rộ nhảy lên những ngói mả khác mà chụp để cho ảnh khỏi giống nhau.

Chú ý cảnh làm lễ hạ huyết.

Xuân Tóc Đỏ đứng cầm mũ nghiêm trang một chỗ, bên cạnh ông Phán mọc sừng. Lúc cụ Hồng ho khạc mếu máo và ngắt đi, thì ông này cũng khóc to “Hút!... Hút!... Hút!... Hút!...”.

Ai cũng để ý đến ông cháu rể quý hoá ấy.

Ông ta khóc quá, muốn lặn đi thì may có Xuân đỡ khỏi ngã. Nó chạt vật mãi cũng không làm cho ông đứng hẳn lên được. Dưới cái khăn trắng to tướng, cái áo thụng trắng loè xoè, ông phán cứ oặt người đi, khóc mãi không thôi.

– Hút!... Hút!... Hút!...

Xuân Tóc Đỏ muốn bỏ quách ra thì chợt thấy ông Phán dúi vào tay nó một cái giấy bạc năm đồng gấp tư... Nó nắm tay cho khỏi có người nom thấy, rồi đi tìm sự cụ Tăng Phú lạc trong đám ba trăm người đương buồn rầu và đau đớn về những điều sơ suất của khổ chủ.

Hình dung bối cảnh và hành vi của nhân vật ông Phán.

(*Tuyển tập Vũ Trọng Phụng*, tập III, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)



1. Hãy cho biết mối liên hệ giữa nhan đề *Hạnh phúc của một tang gia* và tình huống truyện.
2. Xác định mối quan hệ giữa các nhân vật trong gia đình có tang và địa vị của những nhân vật dự đám tang.
3. Phân tích tâm trạng và hành động của những người trong tang gia. Theo em, tác giả đã phản ánh những khía cạnh nào trong tình cảm gia đình và đạo đức xã hội thời ấy?
4. Cảnh cất đám, đưa đám và hạ huyết được quan sát và miêu tả như thế nào? Chỉ rõ những biểu hiện của phong cách hiện thực được thể hiện qua cách quan sát, miêu tả đó.
5. Hãy phân tích một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng của tác giả Vũ Trọng Phụng qua đoạn trích. (Gợi ý: cách tác giả dùng từ ngữ, so sánh, đặt câu và sử dụng giọng điệu).
6. Qua văn bản này, Vũ Trọng Phụng nêu lên thông điệp gì? Theo em, thông điệp ấy có ý nghĩa như thế nào trong bối cảnh xã hội ngày nay?
7. Em thích nhất chi tiết nghệ thuật nào trong văn bản *Hạnh phúc của một tang gia*? Vì sao?

1 Chuẩn bị

– Đọc trước đoạn trích *Ánh sáng cứu rời*, tìm hiểu thêm thông tin về nhà văn Bảo Ninh và tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh*.

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây để hiểu bối cảnh đoạn trích:

Nỗi buồn chiến tranh là tiểu thuyết đầu tay của Bảo Ninh, xuất bản lần đầu năm 1987 với nhan đề *Thân phận của tình yêu*. Đây là cuốn tiểu thuyết tâm lý lấy cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước làm bối cảnh, người lính binh nhì tên Kiên là nhân vật trung tâm. Thuở hoa niên, Kiên sống cùng cha ở Hà Nội, xung quanh là bạn bè thân yêu. Năm 1965, ở tuổi 17, Kiên tình nguyện nhập ngũ, chiến đấu ở chiến trường B3 Tây Nguyên. Cuộc chiến tranh kéo dài và vô cùng ác liệt, đơn vị của Kiên chịu rất nhiều thương vong. Sau khi chiến tranh kết thúc, Kiên trở lại chiến trường, tham gia đội thu nhặt hài cốt tử sĩ của sư đoàn. Năm 1976, Kiên xuất ngũ và trở về Hà Nội. Niềm vui hoà bình, nỗi buồn được sống sót, nỗi tiếc thương mối tình đầu dang dở và sự ám ảnh khôn nguôi về thân phận con người trong và sau cuộc chiến đã thúc đẩy Kiên cầm bút. Anh nguyện “là một cây bút của những người đã hi sinh, là tiên tri của những năm tháng đã qua đi, người báo trước thời quá khứ”. Sau nhiều đêm chong đèn thức trắng để viết, Kiên để lại chồng bản thảo lộn xộn cho người đàn bà cầm sống trên căn phòng gác mái và bỏ đi đâu không ai biết.



Bảo Ninh, sinh năm 1952, quê ở Quảng Bình

Đoạn trích dưới đây trích từ chương 6, kể lại kỉ niệm “bi thảm, thương tâm và hiềm nghèo nhất” trong kí ức chiến tranh của Kiên.

2 Đọc hiểu

1 Trong không đầy nửa tháng mùa khô, hai lần bị bao vây, hai lần liều mạng mở đường máu, đơn vị Kiên tan nát, vụn ra từng tốp, vừa đánh vừa chạy. Kiên cùng ba chiến sĩ nữa trong đại đội hợp thành một nhóm vượt qua sông Pô-cô, rồi lách ngang vùng Đồi Đen bị B52⁽¹⁾ chần ra bột, nhằm hướng Mặt Trời lặn mà tháo thân.

Ngang qua vùng rừng trũng dưới chân Ngọc Bơ Rẫy, bọn anh gặp một đoàn chừng hai chục cáng thương đang trên đường lánh sang đất Miên, bên kia sông Sa Thầy. Đã gặp thì phải nhập vào với họ chứ thực tình Kiên

Hình dung về tình cảnh của Kiên và đồng đội.

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(1) B52: loại máy bay ném bom chiến lược, hạng nặng, tầm xa của quân đội Mỹ.

chẳng muốn chút nào. Lực lượng này đã quá tồi tệ. Đạn dược thiếu, lương thực gần hết. Sức cùng lực kiệt. Và mặc dù họ có một giao liên dẫn đường nhưng lại là nữ giao liên, mà gái Bắc chứ không phải gái Thượng⁽¹⁾.

Từ bề toàn lính Mỹ, khắp các góc rừng họ đều có thể đụng phải chúng hoặc gặp dấu vết chúng vừa đi ngang. Ở các nguồn nước còn sót lại trong các vạt rừng trơ trụi và xác xơ của mùa khô đều có nguy cơ sa vào ổ phục kích. Bom pháo rơi bừa, trực thăng và thám báo hoành hành. Sau những cuộc chạm súng bất ngờ, thương binh đông lên mà tải thương ít dần. Bây giờ cứ phải ba người khiêng hai cáng. Thế mà trầy trật, rỗng rần mãi vẫn chưa nghe thấy tiếng Sa Thầy reo, vẫn cứ quần quanh dưới Ngọc Bơ Rẫy. Kiên tỏ ý ngờ là đã lạc lối song Hoà, cô giao liên, một mực quả quyết là không thể đi sai đường được. Không có bản đồ, không có địa bàn nên Kiên cũng đành nhắm mắt phó mặc hướng hành trình cho cô gái. Nhưng tới buổi sáng của ngày đường thứ ba thì tình hình trở nên tuyệt vọng, đáng lẽ là bờ đông Sa Thầy thì trước mặt họ trải rộng ra một đầm lầy không thể có cách nào vượt qua.

– Chết rồi! – Hoà buột thốt lên – Hồ Cá Sấu!

Kiên đứng lặng trên bờ cỏ ở mép hồ nhìn làn hơi thổi hoặc bốc lên, quánh lại, đập dòn phủ lên các vạt lau lách. Đây đó mấy con cá sấu giương những cặp mắt không mi thao láo trên vầng nước xanh lè.

– Hồ Cá Sấu à? Thì ra cái hồ hôi thối này là nơi cô muốn đưa chúng tôi đến để vắng cảnh phải không? – Kiên hát hàm nói, giọng khản đặc, hung dữ.

– Em có lỗi! – Hoà cúi mặt xuống, nói nhỏ.

– Không phải lỗi lầm mà là một tội ác! – Kiên tàn nhẫn dần giọng – Cần phải xử bắn cô. Hiểu chưa! Nhưng vì đạn chẳng còn nhiều...

Hoà ngẩng lên, cặp mắt to rân rần lệ, môi run run nói:

– Tôi sẽ chuộc tội, tôi xin chuộc tội này... Tôi sẽ tìm thấy đường...

Chú ý lời nói, thái độ của Kiên và Hoà.

– Cô sẽ cho anh em thương binh tắm bùn chứ?

– Không. Hồ Cá Sấu, nghĩa là cũng rất gần bờ sông... Đồng chí cứ để tôi đi lần lại đường. Sẽ tìm thấy ngay thôi... Giờ thì ta tạm lui về ẩn dưới cái khe cạn vừa vượt qua khi nãy. Cho tôi thời gian xác định lại lối ra bờ sông. Rồi đến tối sẽ hành quân tiếp.

L-19⁽²⁾ lượn vòng rất thấp trên mái rừng. Đạn pháo như tiếng nấc nghẹn chụp xuống một loạt ở bên kia hồ. Rồi một loạt nữa. Một loạt nữa cấp tập. Mặt đất xóc nảy lên. Sóng nổi làm mặt hồ buồn thảm phù nề nhẵn nhúm lại.

– Tôi sẽ chuộc lỗi các đồng chí ạ! – Hoà nhắc lại, nôn nóng – Ngay bây giờ, tôi sẽ... Nhưng ta cần đưa thương binh về nấu dưới khe. [...]

(1) *Gái Thượng*: ở đây chỉ nữ thanh niên người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực Tây Nguyên.

(2) *L-19*: tên một loại máy bay thám sát và liên lạc của quân đội Mỹ.

Họ đi chéo lên hướng tây bắc và tìm thấy dấu một đường giao liên đã bỏ hoá, luôn dưới đáy những lạch suối đã tắt ngấm mạch nước. Vừa chạm vào đường giao liên đã có thể cảm thấy hơi hướng của dòng sông. Rừng có vẻ xanh tươi hơn. Không khí như có chút hơi mát. Từ đây, Hoà có vẻ chắc chắn là mình không lạc đường nữa. Cô dẫn Kiên đi chuyển một cách tự tin qua các vùng ánh sáng và bóng tối, vùng khô thoáng và ẩm ướt, vùng nồng nặc hơi thở rữa nát của những hố lầy lớn nhỏ và vùng ngào ngạt hương thơm của các trảng⁽¹⁾ cỏ đỏ ối những hoa là hoa. Đường giao liên không rõ nét dưới những thảm cỏ đã hoá mùn, đôi lúc lặn mất tăm. Nhưng dòng trôi trầm trầm của Sa Thầy mỗi lúc một rõ. Hai người đi ngang qua một nương sắn đã bỏ hoang lút cỏ dại và dừng lại trước một con đường dốc có xẻ bậc dẫn xuống một vực sâu màu lục.

– Dòng sông! – Hoà nói, tươi hẳn nét mặt lên nhìn Kiên.

Giữa lòng thung sâu, Sa Thầy hiện lên thấp thoáng dưới mái rừng. Mặt nước sáng bạc lấp lánh ánh nắng phản chiếu không ngừng uốn lượn và gấp khúc. Dòng sông cất giọng thì thầm, trầm và sâu, thấp hơn tiếng cây cối thì thảo một âm bậc.

Hình dung về quang cảnh nơi Kiên và Hoà đi qua.

– Không cần phải xuống tận nơi đâu, anh ạ. Đường thế là rõ rồi. Ta về đưa mọi người đi ngay thôi. Về tới khe cạn chắc cũng vừa tới.

– Ừ. Nhưng ngồi nghỉ một lát đã.

– Vâng. Em cũng hết cả hơi rồi.

Họ ngồi xuống cạnh nhau trên đỉnh dốc. Dưới xa dòng sông. Mãi tới lúc này Kiên mới nhìn Hoà. Anh muốn khen ngợi cô, muốn xin lỗi vì đã nặng lời nhưng không biết nên nói thế nào. [...]

– Hoà chiến đấu lâu chưa?

– Em vào B⁽²⁾ năm 66. Hai năm rồi, nhưng chủ yếu ở dưới cánh trung. Vùng này, em không thạo lắm. Mà cũng chưa bao giờ phải trải qua tình cảnh khó khăn như lần này. Cảnh này có lẽ còn kéo dài anh nhỉ?

– Khó khăn chung của toàn chiến trường. Có thể chỉ mới bắt đầu.

Xa xa đại bác âm ỉ. Đâu đó phành phành tiếng trực thăng.

– Anh nhớ đường cho chắc nhé! – Hoà bỗng nói.

– Ừ. Nhưng Hoà còn nhớ chắc hơn chứ.

– Vâng. Nhưng mà nhớ ra em lại mắc lỗi gì, anh tử hình em thì sao?

– A, nhắc gì chuyện đó nữa, Hoà! Nóng giận lên ấy mà. Kể gì.

– Không, em biết tội em chứ. Những lúc sợ lên em hay quên mất lỗi. Với lại cảnh rừng thường làm em lú lẩn. Vì em quê miền biển, quê Hải Hậu. Thế mà lại làm giao

(1) Trảng: khu đất rộng giữa rừng hoặc giữa hai khu rừng.

(2) B: kí hiệu khu vực chiến trường thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước (ở đây chỉ Tây Nguyên).

liên đường rừng thì anh bảo... Lúc này, lúc cùng anh rời khỏi khe, em hãi lắm, không dám thú nhận là đã quên tiết đường đi lối lại. May sao mà chạm được cái khối đá hình thăng người là vật chuẩn để nhớ, em mới lại hồn mà định hướng được.

– Hồi đi B, Hoà bao nhiêu tuổi?

– Mười tám. Hai năm rồi, thế mà vẫn chưa sao quen được.

– Ai mà có thể quen nổi, – Kiên thở dài, dụi điều thuốc xuống đất rồi bảo:

– Bây giờ, Hoà ở lại đây chờ. Mình mình quay lại đón mọi người thôi. Hoà ngồi chờ ở đây, tranh thủ mà nghỉ đi. Đường còn xa, còn vất vả lắm.

– Không. Sao lại thế. Em là giao liên cơ mà. Với lại, ngồi một mình thế này em kinh lắm. Và, em muốn đi với anh, Kiên à!

– Thế thì ta đi đi – Kiên nói khẽ và quàng tay ôm lấy vai Hoà. Trìu mến, dịu hiền, Hoà từ từ ngả đầu vào vai anh. Họ ngồi tựa vào nhau như thế một lúc nữa, một lúc lâu. Tiếng ù ù của chiếc AD6⁽¹⁾ bay tuần tra trên sông kéo họ ra khỏi thoáng êm đềm. Miễn cưỡng, Kiên đỡ Hoà đứng dậy.

Suy nghĩ về tình đồng đội giữa Kiên và Hoà.

2 Trên đường về, cả hai đều rảo bước. Bóng của họ ngả dài. Trên rừng Ngọc Bơ Rẫy, ánh tà nhuộm đỏ các đỉnh núi. Cảnh rừng trong bóng chiều im lặng nặng nề. Một nỗi căng thẳng khó chịu của tâm trạng hai người. Họ đi mau, không trò chuyện. Tiếng gió lao xào và tiếng cành khô gãy. Một con rắn hổ mang lướt nhanh qua lối mòn. Gió từ mạn hồ Cá Sấu thổi tới mùi bùn nồng nặc. Chỉ còn một đoạn mười phút nữa là về tới khe cận chỗ anh em thương binh đang đợi. Họ đã vượt qua tảng đá hình đầu người và bắt đầu đi vào rừng tre gai. Chim chóc từ rừng bay ra gặp hơi nóng ngoài trời liền bay lộn vào kêu inh ỏi. Mới đi qua mấy lùm tre chằng chịt ở bìa rừng, Kiên dừng lại. Nghẽn trong cổ họng một tiếng kêu. Kiên tái mặt kéo Hoà ngồi thụp xuống. Bọn Mỹ!

Chẳng hiểu sao chỉ cách vài bước chân, vướng một lùm cây mà bọn địch không kịp phát hiện ra Kiên và Hoà. Chúng cũng vừa tiến vào khu rừng này nhưng theo một hướng khác, cắt một góc hẹp với hướng đi của hai người. Chỉ chậm một loáng nữa thôi thì họ đã chạm phải tên Mỹ đi đầu. Thực ra, Kiên trông thấy trước tiên là con chó. Con vật nhô ra khỏi lùm tre ken dày như bức tường phía tay trái anh cách qua một bãi cỏ hẹp. Con vật to tày con bê, lông xám với những đốm vá bên sườn. Cái mũi rất thính lia trên mặt đất, con béc-giê thông thả chạy chềch lên phía lùm cây trước mặt Kiên. Tên Mỹ đi đầu xuất hiện ngay sau con chó là một tên lính da đen mặc áo giáp, đầu đội sắt bọc lưới, chân dận bốt đờ xô⁽²⁾, tay nắm đầu sợi dây da dài bị con chó săn kéo căng ra. Theo sau hắn, cũng một tên da đen, cời trần, những băng đạn vắt

Chú ý cách tác giả quan sát, miêu tả toán lính Mỹ.

(1) AD6: tên một loại máy bay cường kích trên hạm của quân đội Mỹ.

(2) Bốt đờ xô: một loại giày của quân đội Mỹ.

kín đôi vai lực lưỡng. Rồi tên thứ ba, tóc vàng hoe, cũng gần như trần truồng, to cao, khoẻ như vâm, tiêu liên lăm lăm trong tay. Tên thứ tư... Kiên thấy loáng thoáng bóng những tên khác sau lùm tre, không rõ có bao nhiêu tên. Chúng tiến hàng dọc, dẫn cách thưa, cao lớn âm thầm, bước mau nhưng rất nhẹ chân, gần như không có tiếng động, đáng dấp tàn ác và gian manh của những con sói. Con chó béc-giê to lớn dừng lại ở bụi cây phía trước Kiên hít hít một vật gì đó. Tên quân chó bước tới đưa mũi súng khều vật ấy lên. Co rúm người lại, mắt mở trừng trừng, Kiên nhận ra ở mũi khẩu M16⁽¹⁾ một dải băng trắng. Kiên xiết chặt quả lựu đạn, lòng tê bại, thấp thỏm. Miễn sao con chó không bắt được hơi của anh và Hoà, miễn sao những thằng Mỹ không nảy ra ý định lục soát xung quanh đây, Kiên run rẩy nghĩ, nhưng anh không hề thoáng nghĩ rằng bọn lính đang lần theo dấu vết của đoàn tải thương để lại trên đường di chuyển từ hồ Cá Sấu về khe cạn. Thậm chí anh không để ý rằng, Hoà đã lẳng lẳng trườn xa chỗ anh nấp.

Theo dõi phản ứng và hành động của Hoà và Kiên.

Những tên Mỹ còn khuất trong lùm tre phía bên trái cất tiếng lau nhàu. Chắc là chúng chửi rửa. Tên quân chó giật giật sợi dây da. Con chó lại dí mũi xuống sát đất ngoắt ngoắt đuôi, nhanh nhẹn chạy chếch lên phía trước theo hướng mục tiêu mà nó bắt được trong thính giác. Kiên kín đáo thở phào. Đúng giây lát đó, thành linh vang lên một phát súng lục. Tiếng súng ngắn nhưng làm bầu không khí lạnh phắc của rừng chiều giật nảy lên. Con chó săn học một tiếng kêu đau đớn. Bọn Mỹ phản ứng cực nhanh, nằm rạp xuống và lăn tẩn ra. Tên quân chó buông sợi dây da. Phát K59⁽²⁾ thứ hai vang lên. Bây giờ Kiên mới kịp hiểu là Hoà đã bắn, anh choáng hồn. Con chó có lẽ đã trúng đạn nhưng nó hăng lên, hung dữ như cọp, hú lên, rẽ ngang lao dạt tới nơi phát ra tiếng súng. Sau một ụ môi chếch bên tay mặt Kiên chừng chục bước chân, Hoà nhô hẳn người lên. Mặt Trời xuống thấp lùa ánh sáng qua cửa rừng, những làn ánh sáng cuối cùng trong ngày, đỏ thẫm như máu. Hoà đứng hơi nghiêng trước nắng tà nên thân hình mảnh mai nổi lên đậm nét với những đường cong sẫm tối và những vệt da bắt sáng. Mái tóc xõa trên vai. Cái cổ cao yếu ớt, áo cộc, quần đùi, đôi chân trần đầy vết gai cào. Con chó lao xộc tới, tung mình chồm lên, hứng gọn hai phát đạn, bật lộn ra sau như bị đá thốc vào ngực. Tất cả diễn ra trong chớp mắt. Hoà quăng khẩu súng hết đạn về phía bọn Mỹ đang chồm dậy, và xoay người chạy lao ra khỏi rừng băng vào trong trắng. Bọn Mỹ không bắn, rầm rập đuổi theo. Tên xông qua gần chỗ Kiên nhất, để giày như suýt đập vào tay anh. Chừng hơn chục tên, phần đa là Mỹ da đen, nhanh nhẹn và cực khoẻ. Chúng lao như gió. Có lẽ ngay lập tức đã đuổi kịp Hoà. Chúng reo ồ lên. Tuy nhiên, hướng chạy của Hoà kéo chúng ra xa Kiên, đồng thời cũng hút chúng lệch khỏi vết đường có thể dẫn tới khe cạn. [...] Chỉ trong tầm

(1) M16: một loại súng thông dụng của quân đội Mỹ.

(2) K59: một loại súng ngắn bán tự động của Quân đội nhân dân Việt Nam

ba chục thước không hơn, Kiên đủ sức “cả cái” trái cầu thép này vào giữa đám, quét đi ít nhất là non nửa số Mỹ đang chất đống. Nhưng nín lặng, gần như nín cả thở nữa, Kiên cứ như thế quỳ mãi, náu kín mình sau lùm cây ở bìa rừng. Đã đến lúc phải cắt ngang cận cảnh dã man này, phải đánh dấu chấm hết lên đầu bọn khỉ đột, song cái dấu chấm hết ấy vẫn bị giữ lại khư khư trong lòng bàn tay Kiên. Hoàng hôn trùm lấp anh. Sương mù dâng cuộn cuộn và muỗi đàn đàn bu tới. Trong những tia hồi quang mờ lụi của phút tận chiều nhá nhem, Kiên như càng thấy rõ hơn cảnh tượng rừng rợn. Vậy mà lẳng lặng anh tra lại chốt cho quả u é t rời từ từ bỏ lui. Và cùng với bóng tối đang buông xuống rừng từng đợt anh êm thấm trở về chỗ khe cạn.

Chú ý tâm trạng và hành động của Kiên.

Đoàn tải thương lập tức dất dúi, khiêng cáng nhau di chuyển. Và mặc dù đêm tối trời đen đặc lại phải đi tránh khỏi cái trắng có tảng đá hình đầu người dùng làm vật chuẩn, Kiên vẫn định được hướng. Trong đêm, theo lối mòn, Hoà đã tìm thấy khi chiều. Anh dẫn cả đoàn tiếp cận bờ sông và vượt sang ngang trót lọt. Do không chạm địch nên Kiên không phải dùng tới trái lựu đạn. Cả đêm anh giữ nó lăm lăm trong tay, làm nóng lớp vỏ thép.

3 Sau đây chẳng thấy ai hỏi gì anh về Hoà cả. Anh cũng chẳng kể, rồi cũng băng quên. Có lẽ, đức hi sinh, sự quên mình là cái gì quá giản dị, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ quên. Một người ngã xuống để người khác có thể sống, chuyện đó quá thông thường. Phải rất nhiều năm sau, nhờ tham gia vào đội thu nhật hài cốt tử sĩ của sư đoàn, Kiên mới có dịp trở lại vùng hồ Cá Sấu. Tất nhiên anh nhớ ngay tới Hoà và muốn đi tìm lại đoạn đường rừng ngày trước. Nhưng cái trắng trắng ấy không hiểu sao chẳng còn dấu vết. Tảng đá hình đầu người, chứng tích duy nhất như thể đã bị nhòa trong thời gian. Chỉ còn lại đó ngàn cây âm u, những thảm lá mục nát lấp lên đáy rừng, các khe cạn, tiếng chim chóc, tiếng gió, tiếng những nguồn nước thì thào xa xôi và hương thơm hoa chạch chấu, hoa vôi vôi, hoà quyện vào nhau gợi nhớ và lưu giữ một điều gì đấy thắm lặng, mơ hồ, phảng phất đâu đây.

Ngồi xuống ở một bìa rừng trong bóng hoàng hôn, nhắm mắt lại dõi nhìn vào cõi xa khuất, lặng lẽ Kiên trông thấy toàn cảnh của những gì mà trí nhớ đã lãng tránh suốt bao năm từ bấy đến giờ. Anh cảm thấy lại cả trái lựu đạn đã rút chốt mà không dám phát nổ của mình buổi chiều hôm đó đang nằm nặng nề trong lòng bàn tay. Tuy nhiên, bao nhiêu sợ hãi và đau đớn, uất giận và căm hờn, những trạng thái tinh thần bạo liệt đã co giập và giằng xé trong lòng anh khi ấy trước tình cảnh kinh khủng quá sức chịu đựng ấy, không còn có thể trôi dạt cùng với hồi tưởng. Bây giờ đây chỉ có nỗi buồn, mệnh mang nỗi buồn – nỗi buồn được sống sót, nỗi buồn chiến tranh – tràn phủ tâm hồn anh.

Chú ý sự thay đổi của thời gian.

Nếu không nhờ có Hoà cùng biết bao đồng đội thân yêu ruột thịt, vô số và vô danh, những người lính thường, những liệt sĩ của lòng nhân, đã làm sáng danh đất nước này và đã làm nên vẻ đẹp tinh thần cho cuộc kháng chiến, thì đối với Kiên, chiến tranh với bộ mặt gớm guốc của nó, với những móng vuốt của nó, với những sự thật trần trụi bất nhân nhất của nó sẽ chỉ đơn thuần có nghĩa là một thời buổi và một quãng đời mà bất kì ai đã phải trải qua, đều mãi mãi bị ám ảnh, mãi mãi mất khả năng sống bình thường, mãi mãi không thể tha thứ cho mình. Bản thân anh nếu không nhờ được sự che chở đùm bọc, được cứu mang và được cứu rỗi trong tình đồng đội bác ái thì ắt rằng đã chết từ lâu. [...]

Chính là từ chuyến đi tảo mộ năm ấy, trên con đường hành hương xuyên giữa rừng rậm chằng chịt những sự tích bị lãng quên, qua hồ Cá Sấu với Hoà, qua Trùng Gội Hồn với anh em trong trung đội trinh sát mà Kiên đã bắt đầu quá trình lâu dài cảm nhận lại chiến tranh dưới làn ánh sáng chậm rãi của nỗi buồn.

Từng bước một, từng bước một, từng ngày, từng sự kiện được tái hiện trong lòng anh một cách trầm tĩnh và u buồn. Ánh sáng của nỗi buồn soi về quá khứ, ấy cũng là ánh sáng thức tỉnh, ánh sáng cứu rỗi của đời anh. Bằng sự trầm mình sâu xa trong hồi tưởng, trong nỗi đau buồn chiến tranh không bao giờ nguôi mà anh sẽ tồn tại đến trót đời với thiên chức là một cây bút của những người đã hi sinh, là nhà tiên tri những năm tháng đã qua đi, người báo trước thời quá khứ.

(*Nỗi buồn chiến tranh*, NXB Văn học, Hà Nội, 2006)

?

1. Nêu các chi tiết, sự kiện trong đoạn trích cho thấy tình thế hiểm nghèo của Kiên và đồng đội. Trong tình thế đó, Kiên và Hoà đã có phản ứng như thế nào?
2. Phân tích diễn biến tâm trạng và hành động của Kiên và Hoà khi đối mặt với toán lính Mỹ. Vì sao Kiên và Hoà có những phản ứng khác nhau khi đối mặt với kẻ thù?
3. Nhận xét về cốt truyện và cách kể chuyện của Bảo Ninh qua đoạn trích trên.
4. Trong đoạn trích, em có ấn tượng với chi tiết nào nhất? Vì sao?
5. Tại sao kỉ niệm về Hoà là “kỉ niệm bi thảm, thương tâm và hiểm nghèo nhất” trong kí ức chiến tranh của Kiên?
6. Suy nghĩ, cảm nhận của Kiên về chiến tranh và sự hi sinh của đồng đội như thế nào? Em ấn tượng với cảm nghĩ nào nhất? Vì sao?
7. Nhan đề *Ánh sáng cứu rỗi* có liên quan như thế nào đến chủ đề của đoạn trích? Nếu được đặt lại, em sẽ chọn nhan đề gì?



THIỆU NỮ VÀ CÂY SỎI GIÀ BÊN ĐƯỜNG^(*)

(Trích *Chiến tranh và hoà bình*)

LÉP TÔN-XTÔI

1 Chuẩn bị

– Đọc trước đoạn trích *Thiếu nữ và cây sỏi già bên đường*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Lép Tôn-xtôi và bộ tiểu thuyết *Chiến tranh và hoà bình*.

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây để hiểu xuất xứ đoạn trích:

Giữa năm 1805, khi các binh đoàn thiện chiến của Na-pô-lê-ông (Napoleon) đang hành quân tiến dần về phía đông thì các quý tộc Nga ở thủ đô Pê-téc-bua (Saint-Petersburg) chỉ biết tụ tập tiệc tùng, khiêu vũ, cờ bạc và tán gẫu. Công tước An-đrây Bôn-côn-xki (Andrei Bolkonsky) cảm thấy cuộc sống quý tộc ở thủ đô quá nhàm chán, giả dối và vô nghĩa. An-đrây quyết định nhập ngũ, tham gia đoàn quân viễn chinh, làm sĩ quan phụ tá bên cạnh tướng Cu-tu-dốp (Koutouzov), mơ sẽ lập được chiến công hiển hách, có được vinh quang chói lọi như Na-pô-lê-ông. Sau khi trải qua cuộc viễn chinh và bị thương trong trận Au-xtéc-lít (Austerlitz), tháng 12-1805, chàng tỉnh ngộ, trở về nhà đúng lúc vợ chàng tắt thở vì sinh nở. Những thất vọng và mất mát liên tiếp khiến chàng bi quan về cuộc sống. Mùa xuân năm 1809, An-đrây có chuyến đi đến nhà bá tước Rô-xtốp (Rostov), tình cờ gặp cô gái Na-ta-sa (Natasha), con gái của bá tước.

Đoạn trích dưới đây kể về những thay đổi trong tâm trạng của An-đrây trong và sau chuyến đi đến nhà bá tước Rô-xtốp.

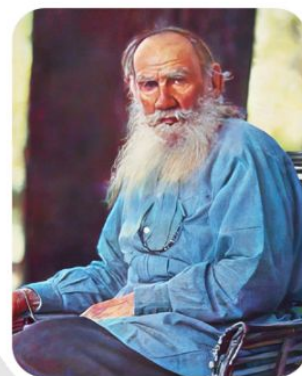
2 Đọc hiểu

1 Vì những công việc giám hộ điền trang Ri-a-dan (Ryazan), công tước An-đrây phải tiếp xúc với viên đô thống quý tộc⁽¹⁾ là bá tước I-ly-a An-đrây-ê-vích Rô-xtốp (Ilya Andreyevich Rostov), và vào trung tuần tháng Năm, công tước An-đrây đến nhà ông ta.

Mùa xuân bấy giờ đã chuyển sang tiết oi bức. Rừng đã khoác bộ áo xanh um tùm, không khí đầy bụi và khí trời nóng nực đến nỗi hễ đi ngang chỗ có nước là thấy thèm tắm.

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(1) *Đô thống quý tộc*: một người do các gia đình quý tộc trong một tỉnh hay một huyện bầu ra để lo các công việc riêng của giới quý tộc và giữ một chức vụ tương ứng trong các cơ quan tự quản của địa phương.



Lép Tôn-xtôi
(1828 – 1910), Nga

Công tước An-đây lòng không vui và tư lự vì nghĩ tới việc phải đến thỉnh cầu viên đô thống quý tộc về công việc. Xe chàng tiến vào khu vườn lớn của gia đình Rô-xtốp ở Ô-trát-nôi-ê (Otradnoye). Về bên phải, sau mấy khóm cây, chàng bỗng nghe một giọng con gái vui vẻ reo lên, rồi thấy một tốp thiếu nữ chạy ủa về phía lối xe đi. Người chạy trước đến gần xe nhất là một cô thiếu nữ mắt đen, tóc đen, vóc người mảnh dẻ lạ lùng, mặc chiếc áo dài bằng vải hoa vàng, đầu chít một tấm khăn mùi xoa trắng để tuột ra ngoài mấy món tóc rối. Cô thiếu nữ vừa chạy vừa cất tiếng reo to, nhưng chợt nhận ra người lạ, cô nhìn lảng đi nơi khác rồi phì cười bỏ chạy trở lại.

Công tước An-đây chợt thấy lòng se lại, chẳng hiểu vì sao. Ngày hôm nay trời đẹp quá, ánh nắng rực rỡ quá, chung quanh tươi vui quá; và cô gái mảnh dẻ, xinh xắn kia không hề biết và không muốn biết rằng có chàng tồn tại trên đời này, cô bằng lòng và vui sướng với cuộc sống riêng của mình – chắc là một cuộc sống vô nghĩa nhưng vui tươi và hạnh phúc.

Chú ý các từ ngữ thể hiện tâm trạng, tình cảm của nhân vật An-đây.

“Cô ta có chuyện gì mà vui thế? Cô nghĩ đến cái gì? Hẳn không phải đến quy chế quân sự hay việc tổ chức nông dân ở điền trang Ri-a-dan. Cô ta nghĩ gì thế? Cái gì làm cho cô ta sung sướng?” – Công tước An-đây bất giác băn khoăn tự hỏi.

Bá tước I-li-a An-đây-ê-vích năm 1809 cũng sống ở Ô-trát-nôi-ê như mọi năm trước, nghĩa là tiếp đãi hầu hết cả tỉnh, suốt ngày săn bắn, tiệc tùng, diễn kịch, đàn sáo. Cũng như đối với bất cứ người khách nào mới đến, bá tước Rô-xtốp mừng rỡ tiếp đãi công tước An-đây và khăng khăng nài ép chàng nghỉ lại nhà.

Suốt một ngày dài dằng dặc, công tước An-đây phải trò chuyện với hai ông bà Rô-xtốp và các vị thượng khách đến chật cả nhà để dự mấy ngày lễ thánh sắp đến. Bôn-côn-xki mấy lần nhìn Na-ta-sa vui đùa giữa đám thanh niên, trong lòng cứ băn khoăn tự hỏi: “Không biết cô ấy nghĩ gì? Cái gì làm cô ta sung sướng thế?”.

Đến tối, nằm một mình trong phòng lạ, chàng lạ nhà không sao ngủ được. Chàng lấy sách đọc, rồi tắt nến đi, rồi lại thấp lên. Căn phòng đóng cửa sổ kín mít, rất nóng bức. Chàng thấy bức cái lão già ngốc nghếch kia (chàng gọi bá tước Rô-xtốp như vậy) đã giữ chàng lại, bảo là các giấy tờ cần thiết đang ở trên tỉnh, còn phải cho người lên lấy. Chàng nghĩ bức mình sao mình lại ở lại đây làm gì.

Công tước An-đây đứng dậy, ra mở cửa sổ. Chàng vừa mở cánh cửa chớp ra thì ánh trăng lùa vào phòng, tựa hồ nãy giờ đã chực sẵn từ lâu ngoài cửa sổ. Chàng mở rộng cửa. Đêm hôm ấy mát mẻ, trong sáng và yên tĩnh. Ngay trước cửa sổ có một hàng cây xén phẳng, một phía thì tối đen, phía kia thì óng ánh như bạc. Ở phía dưới hàng cây cao có những khóm cây gì ướt mọng, cánh lá lăn tăn phản chiếu ánh trăng bạc. Xa hơn, ở phía sau hàng cây đen có một cái nhà sương đọng lấp lánh, về phía bên phải có một cây to um tùm, thân và cành đều trắng muốt, và ở phía trên là vầng trăng gần tròn, trên nền trời xuân trong sáng chỉ lác đác mấy vì sao. Công tước An-đây chống khuỷu tay lên khung cửa sổ, mắt chàng đăm đăm nhìn lên bầu trời.

Hình dung khung cảnh đêm trăng ở Ô-trát-nôi-ê.

Phòng của công tước An-đrây ở tầng giữa; các phòng tầng trên cũng có người, họ cũng chưa ngủ. Chàng nghe có tiếng nói của một người con gái ở phía trên vắng xuống:

– Một lần nữa thôi mà. – Công tước An-đrây nhận ngay ra giọng người con gái vừa nói câu này.

– Thế thì bao giờ cô mới chịu đi ngủ? – Một giọng khác đáp lại.

– Em không ngủ, em không thể ngủ được đâu, biết làm thế nào được! Nào, lần cuối cùng thôi mà...

Hai giọng phụ nữ hoà nhau hát một câu, có lẽ là câu cuối của một bài nhạc nào đấy.

– Chà, tuyệt quá! Thôi, bây giờ thì ngủ nhé.

– Chị đi ngủ đi, còn em thì chịu. – Giọng người ban nãy đáp, nghe như đang đi ra phía cửa sổ. Có lẽ cô thiếu nữ nhô hẳn người ra ngoài cửa sổ, vì có thể nghe rõ cả tiếng áo sột soạt và tiếng thở. Mọi vật đều im bật và lắng lại như vàng trắng, như ánh trắng và bóng tối trong vườn. Công tước An-đrây cũng không dám cử động, sợ máy cô gái ở tầng trên biết mình đang thức. Giọng nói ban đầu lại vắng xuống:

– Xô-nhi-a (Sonya)! Xô-nhi-a! Ngủ làm sao được kia chứ! Xem này, tuyệt quá! Ôi! Đẹp quá đi mất! Kìa dậy đi, chị Xô-nhi-a. – Giọng nói nghe gần như muốn khóc – Thật chưa bao giờ, chưa bao giờ có một đêm huyền diệu như thế này.

Xô-nhi-a cắn nhả đáp lại một câu gì không rõ.

– Không, chị phải ra đây xem cơ, trăng đẹp quá... Ôi! Tuyệt quá! Chị ra đây. Xô-nhi-a ơi, Xô-nhi-a yêu quý của em, chị ra đây! Đây, chị thấy không? Đây này, cứ ngồi xôm như thế này nhé, vòng tay xuống dưới hai đầu gối thế này ôm thật chặt, thật chặt vào, phải cố lấy sức thì thế nào cũng bay bổng lên cho mà xem. Đây này!

– Thôi thôi, lại ngã bây giờ.

Có tiếng hai người giằng co nhau, rồi giọng trách móc của Xô-nhi-a.

– Hơn một giờ sáng rồi còn gì.

– Ô, chị thì chỉ làm hỏng hết cái thú của em thôi. Chị đi đi, đi đi...

Mọi vật lại im lặng, nhưng công tước An-đrây biết rằng nàng vẫn ngồi đấy; thỉnh thoảng chàng lại nghe tiếng cử động khe khẽ, thỉnh thoảng lại có tiếng thở dài.

– Ô, trời ơi! Trời ơi! Làm sao thế này! – Nàng bỗng kêu lên. – Thôi, đi ngủ thì đi ngủ vậy! – Rồi nàng đóng cửa lại.

Hình dung tâm trạng vui tươi, cảm giác bay bổng của nhân vật Na-ta-sa.

Minh họa dưới đây liên quan gì đến nội dung văn bản?



Natasha ở Ô-trát-nôi-ê, minh họa của Đ. A. Xma-ri-nốp (D. A. Shmarinov)
(Ảnh: tretyakovgallerymagazine.com)

“Vẫn không hay biết gì đến ta!” – Công tước An-đây nghĩ trong khi lắng tai nghe tiếng nói của nàng, và không hiểu tại sao, chàng cứ chờ đợi và sợ rằng nàng sẽ nói một điều gì về mình. “Lại cô ấy, cứ như là cố tình vậy.” – Chàng nghĩ. Trong tâm hồn chàng bỗng trào lên một mớ ý nghĩ rối ren bất ngờ cùng với bao nhiêu hi vọng trẻ trung không ăn nhập gì với cuộc đời chàng. Cảm thấy mình không đủ sức hiểu nổi tâm trạng mới mẻ của mình, công tước An-đây vào giường ngủ thiếp đi.

2 Sáng hôm sau, công tước An-đây từ biệt mỗi một mình lão bá tước và ra về trước khi các tiểu thư xuống phòng khách.

Bảy giờ đã là đầu tháng Sáu. Trên đường về nhà, công tước An-đây lại đi ngang khóm rừng bạch dương có cây sồi già đã từng gọi cho chàng những ấn tượng kì lạ khó quên. Tiếng lục lạc trong rừng nghe còn mơ hồ xa xăm hơn một tháng rưỡi trước đây. Cánh rừng đã rậm rạp và um tùm thông non rải rác trong rừng không còn tương phản với cảnh đẹp chung quanh, bây giờ chúng đã hoà mình vào khung cảnh chung, đã đâm những búp chồi non xanh mơn.

Chú ý những chòm lá xanh mơn mơn trên cây sồi già.

Suốt ngày hôm ấy, trời oi bức. Đầu đây một trận dông đang sửa soạn kéo đến, nhưng chỉ có một đám mây đen nhỏ hắt mấy giọt mưa trên bụi đường và trên khóm lá xanh mọng. Phía bên trái, cánh rừng tối sẫm với những bóng cây rợp mát; phía bên phải, rừng ẩm ướt, bóng lộn, lá cây óng ánh dưới nắng, chỉ khẽ đung đưa trong gió nhẹ. Cảnh vật đều nở hoa; có tiếng hoạ mi thánh thót khi xa khi gần.

“Phải, ở đây, trong khóm rừng này có cây sồi mà đạo nọ ta đã từng đồng tình. – Công tước An-đây nghĩ thầm. – Nó đâu rồi nhỉ?”. Chàng nhìn sang bên trái đường và bất giác đưa mắt ngắm nghía một cây sồi lớn, không nhận ra rằng đây chính là cây sồi mà chàng đang tìm kiếm. Cây sồi già bây giờ đã hoàn toàn đổi mới, toả rộng một vòm lá xum xuê xanh tốt thắm màu, đang như say sưa ngất ngây, khẽ đung đưa trong ánh nắng chiều. Không còn thấy những ngón tay co quắp, những vết nứt sọc; vẻ ngờ vực và buồn rầu trước kia cũng không còn dấu vết. Xuyên qua lớp vỏ cứng già hàng thế kỉ, những đám lá non xanh tươi đã đâm thẳng ra ngoài. Thật khó lòng tin được rằng, chính cây sồi cằn cỗi kia đã sinh ra những chòm lá xanh mơn mơn ấy.

“Phải, chính cây sồi đạo trước.” – Công tước An-đây nghĩ, và chàng bỗng vô cớ có một cảm giác vui mừng, sáng khoái, tưởng chừng như mỗi tế bào trong mình đã đổi mới, sống lại. Và trong cùng một lúc, chàng nhớ lại

Chú ý tâm trạng vui vẻ, hạnh phúc của nhân vật An-đây.

tất cả những giờ phút tốt đẹp nhất của đời mình. Chiến trường Au-xtéc-lít với bầu trời cao lồng lộng, khuôn mặt đầy vẻ trách móc của vợ khi đã tắt thở, Pi-ơ (Pierre) trên chuyến phà, người con gái bồi hồi rung động trước cảnh đẹp đêm ấy, và cả cái đêm hôm ấy, vàng trắng – tất cả những cái đó đều cùng hiện lên trong kí ức của chàng.

“Không, cuộc đời chưa chấm dứt ở tuổi ba mươi mốt! Công tước An-đây đột nhiên nghĩ thầm, và ý nghĩ này có cái sức mạnh của một điều quyết định, không thể nào

thay đổi được nữa. – Ta biết rõ những gì ở trong ta ư? Không đủ. Phải làm thế nào cho mọi người cùng đều biết kia: cả Pi-ơ, cả người con gái đêm nào muốn bay lên trời; phải làm sao cho mọi người đều biết rõ ta, sao cho cuộc sống của ta trôi qua không phải chỉ vì mình ta, sao cho họ đừng sống cách biệt với cuộc sống của ta như vậy, sao cho cuộc đời của ta phản chiếu lên tất cả mọi người, và mọi người cùng sống chung với ta!”.

(Chiến tranh và hoà bình, tập một, NXB Văn học, Hà Nội, 2017)

?

1. Nhân vật An-đrây Bôn-côn-xki chú ý đến cô gái Na-ta-sa Rô-xtốp trong tình huống nào? Nêu cảm nghĩ của em về vẻ đẹp của nhân vật Na-ta-sa trong đêm trăng ở Ô-trát-nôi-ê.
2. Vì sao An-đrây quan tâm đến cây sồi già bên đường? Nêu những chi tiết cho thấy sự thay đổi của cây sồi già. Theo em, cây sồi này có thể tượng trưng cho điều gì?
3. Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật An-đrây. Từ đó, nhận xét về cách tiếp cận của nhà văn Tôn-xtôi đối với tâm hồn con người.
4. Phân tích, đánh giá nghệ thuật miêu tả thiên nhiên và sử dụng lời đối thoại, độc thoại của tác giả trong đoạn trích.
5. Trên đường về nhà, An-đrây Bôn-côn-xki đã tìm được lẽ sống mới. Lẽ sống đó là gì? Em suy nghĩ gì về lẽ sống đó.
6. Em thích nhất hình ảnh, nhân vật hoặc sự việc nào trong đoạn trích? Vì sao?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

BIỆN PHÁP TU TỪ NGHỊCH NGỮ

(Tiếp theo)

1. Tìm biện pháp tu từ nghịch ngữ được Vũ Trọng Phụng sử dụng trong các đoạn văn sau (trích từ tiểu thuyết *Số đỏ*):

a) *Người ta đã nghĩ đến cả thuốc thánh đèn Bia vừa mới chữa một người ho lao và một người cảm thương hàn bằng bùn đen và củi trâu, công hiệu đến nỗi họ mất mạng, và quan trên lại điều tra rằng có một tội cường hào tổ chức ra thánh, mà tội cường hào ấy lại ăn cắp tiền quỹ nữa, nên tự nhiên cũng hết thiêng liêng... Những việc rắc rối như thế đã làm cho ông già hơn tám mươi tuổi phải chết một cách bình tĩnh.*

b) *Sáng hôm sau, đúng 7 giờ thì bắt đám. Hai viên cảnh sát thuộc bộ thứ 18 là Min Đơ và Min Toa đã được thuê giữ trật tự cho đám ma. Giữa lúc không có ai đáng phạt mà phạt, đương buồn rầu như những nhà buôn sắp vỡ nợ, mấy ông cảnh binh*

này được có đám thuê thì sung sướng cực điểm, đã trông nom rất hết lòng. Thành thử tang gia ai cũng vui vẻ cả, trừ một Tuyết.

c) Thấy không “giới thiệu” bà Phó nữa thì hỏng, Xuân lại nói:

– Đây là bà Phán, một phụ nữ đã thủ tiết với hai đời chồng, một bậc mẹ hiền, có công với làng thể thao!

d) Xuân Tóc Đỏ chỉ nghe lỏm được có thế. Ở quây bên cạnh, từ đây trở đi chỉ còn thấy tiếng đĩa bát lạch cạch, vì hai người thám tử đã nhất định giữ kín những bí mật đã hở.

2. Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp nghịch ngữ trong các đoạn trích sau:

a) Phải viết thôi! Viết để quên đi, viết để nhớ lại. [...] Cần phải viết về những người thân yêu cũng như về những con người xa lạ hằng ngày nườm nượp qua đường vô tình trở thành những chứng nhân của cuộc đời nhau. (Bảo Ninh)

b) Sự sống nảy sinh từ trong cái chết, hạnh phúc hiện hình từ những hi sinh, gian khổ, ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua những ranh giới ấy. (Nguyễn Khải)

c) Rồi y sẽ chết mà chưa làm gì cả, chết mà chưa sống!... Nghĩ thế thấy ghen ngào, thấy uất ức vô cùng! Không! Y sẽ không chịu về quê. Y sẽ đi bất cứ đâu, mặc rủi may, sống bất cứ thế nào và chết thế nào cũng được. Chết là thường. Chết ngay trong lúc sống mới thật là nhục nhã. (Nam Cao)

3. Khảo sát các tiêu đề bài viết hoặc nội dung quảng cáo chứa nghịch ngữ trên báo chí điện tử và các phương tiện truyền thông.

4. Viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) về một tác phẩm văn học (hoặc một bộ phim, một ca khúc, một hiện tượng xã hội,...) mà em yêu thích. Đặt tiêu đề cho đoạn văn bằng một biểu thức nghịch ngữ.

VIẾT

VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM KÍ

1 Định hướng

1.1. Nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí

– Ở Bài 1, các em đã được rèn luyện kĩ năng viết bài văn so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện gắn với yêu cầu làm rõ vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, liên hệ

với vai trò của yếu tố này trong truyện cổ tích. Bài 7 tiếp tục luyện tập rèn luyện kỹ năng so sánh hai tác phẩm văn học gắn với yêu cầu so sánh một yếu tố nội dung hoặc hình thức nổi bật của hai tác phẩm kí (thông qua đoạn trích).

1.2. Để viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí, các em cần chú ý: Tham khảo các lưu ý đã nêu ở Bài 1, phần *Viết*, mục 1.2 (trang 36 – 38).

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập: *Hãy so sánh nghệ thuật trần thuật của các tác giả qua hai đoạn trích “Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm” (Đặng Thuỳ Trâm) và “Một lít nước mắt” (Kito A-ya (Kito Aya)).*

a) Chuẩn bị

– Đọc kĩ đề bài và xác định các vấn đề đặt ra trong đề bài.

– Đọc lại hai đoạn trích *Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm* và *Một lít nước mắt*. Tìm và ghi lại những chi tiết liên quan đến sự kiện, miêu tả, nghị luận, trữ tình trong đoạn trích của hai tác giả.

– Đọc kĩ các yêu cầu khi viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học đã nêu ở Bài 1, phần *Viết*, mục 1.2 (trang 36 – 38) và nội dung phần *Kiến thức ngữ văn* về tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật trong nhật kí, phóng sự, hồi kí (trang 47 – 48)

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết bằng cách nêu và trả lời các câu hỏi sau:

+ Trong nhật kí của hai tác giả, người kể chuyện là ai? Nội dung câu chuyện gồm những sự việc và trải nghiệm nào? Có gì giống và khác nhau trong công việc, quan hệ xã hội, tâm trạng, tình cảm, ước mơ và lẽ sống của hai tác giả?

+ Thủ pháp trần thuật kết hợp giữa kể chuyện với miêu tả, nghị luận, trữ tình trong nhật kí của hai tác giả biểu hiện như thế nào? Có gì giống và khác nhau trong cách hai tác giả sử dụng kết hợp các thủ pháp nghệ thuật đó?

+ Em có nhận xét, đánh giá như thế nào về lời trần thuật và hiệu quả của thủ pháp nghệ thuật kết hợp trần thuật với miêu tả, nghị luận, trữ tình của hai tác giả?

– Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

c) Viết

Dựa vào dàn ý đã chuẩn bị để thực hành viết với những yêu cầu khác nhau.

- Viết đoạn mở bài hoặc một đoạn trong phần thân bài.
- Viết bài văn hoàn chỉnh.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Viết*, mục d (trang 28); đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

2.2. Rèn luyện kĩ năng viết: Vận dụng tổng hợp các thao tác nghị luận

a) Cách thức

Trong văn nghị luận, để làm sáng tỏ vấn đề và thuyết phục người đọc, người viết cần tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau. Điều này đồng nghĩa với việc phải đặt ra và trả lời các câu hỏi như: Vấn đề đó là gì?, Có những khía cạnh nào?, Mang ý nghĩa, giá trị gì?, Được thể hiện như thế nào trong cuộc sống và trong văn chương?,... Trả lời các câu hỏi ấy chính là đang dùng các thao tác nghị luận như giải thích, chứng minh, phân tích, bác bỏ, so sánh, bình luận. Tuy nhiên, không phải mọi bài văn nghị luận đều cần sử dụng phối hợp các thao tác nghị luận. Tùy thuộc vào vấn đề nghị luận và đối tượng tiếp nhận mà người viết lựa chọn, phối hợp một số thao tác nghị luận nhằm đạt hiệu quả mong muốn.

Để vận dụng tổng hợp các thao tác nghị luận, các em cần:

- Hiểu rõ đặc điểm và công dụng của từng thao tác.
- Xác định đúng yêu cầu: để làm rõ vấn đề cần sử dụng thao tác nào cho phù hợp và có hiệu quả.
- Thao tác nào có vai trò nòng cốt tạo nên mạch lập luận của vấn đề đưa ra để nghị luận, và những thao tác nào phối hợp giúp cho lập luận được sinh động, có chiều sâu.

b) Bài tập: *Đọc đoạn văn sau đây và cho biết người viết đã phối hợp những thao tác lập luận nào?*

“Tôi đọc nhật kí của An-nơ Phrăng (Anne Frank) khi còn là sinh viên, mà nay tôi đã 52 tuổi. *Nhật kí An-nơ Phrăng* khi ấy là tác phẩm bắt buộc đọc đối với các sinh viên Mỹ. Vì là người Mỹ gốc Do Thái, tôi thật sự bị lay động khi đọc nó. Tôi tin rằng có nhiều điểm tương đồng giữa nhật kí của Phrăng và của Trâm. Chúng đều viết về tình yêu và nỗi buồn, về sự tức giận và sự cam chịu. Tuy nhiên, từ quan điểm của một người Mỹ, hai tình huống này có phần khác biệt. Có lẽ người Mỹ dễ thông cảm với An-nơ Phrăng hơn, vì phát xít Đức đã từng là kẻ thù của chúng tôi và họ đã gây ra những cuộc tàn sát kinh khủng nhất trong lịch sử. Còn đối với nhật kí của Trâm⁽¹⁾, một vài người Mỹ, tôi muốn nhấn mạnh là rất ít thôi, có thể sẽ gặp một chút khó khăn khi bị xúc động vì một người đã từng là đối thủ của mình. Nhưng tôi nghĩ hầu hết

(1) *Nhật kí của Trâm*: ở đây là *Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm*.

những người Mỹ đã từng đọc cuốn nhật kí này đều tin và nhận ra rằng tất cả chúng ta đều là những con người, với cùng một tình yêu cuộc sống, gia đình và đất nước. Và rằng bác sĩ Trâm, mặc dù cô ấy đã căm thù sôi sục những người Mỹ hiếu chiến, nhưng chung quy, cô ấy đã đơn giản viết lên những gì mình nhìn thấy và cảm nhận, với tư cách một người bình thường trên Trái Đất này khi phải sống trong một thời kì vô cùng khắc nghiệt.”.

(Theo Dây-vít Peo-mát (David Perlmutter), 2005, theo <https://tuoitre.vn>, 13-10-2005)

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY VỀ SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM KÍ

1 Định hướng

a) Trong phần *Viết*, các em đã được hướng dẫn cách làm bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hình thức và nội dung của hai tác phẩm kí. Phần *Nói và nghe*, các em chuyển nội dung bài viết thành bài thuyết trình.

b) Để trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí, các em cần lưu ý:

– Xem lại dàn ý và bài viết đã thực hiện ở phần *Viết*, suy nghĩ kĩ để tìm ý hoặc bổ sung ý mới, điều chỉnh dàn ý cho mạch lạc, phù hợp; chọn điểm trọng tâm / yêu thích để tập trung khi trình bày, tạo điểm nhấn cho bài thuyết trình.

– Xác định mục đích, bối cảnh, đối tượng nghe thuyết trình để có hình thức trình bày phù hợp.

2 Thực hành

Bài tập: *Hãy so sánh nghệ thuật trần thuật của các tác giả qua hai đoạn trích “Nhật kí Đặng Thùy Trâm” (Đặng Thùy Trâm) và “Một lít nước mắt” (Ki-tô A-ya).*

a) Chuẩn bị

– Đọc lại hai đoạn trích *Nhật kí Đặng Thùy Trâm*, *Một lít nước mắt* và các tài liệu có liên quan đến tác giả, tác phẩm.

– Đọc lại dàn ý đã chuẩn bị ở phần *Viết*.

– Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video clip, máy chiếu, màn hình (nếu có).

– Để bài thuyết trình thêm phong phú, sinh động, thu hút, các em cần chú ý:

+ Nêu vấn đề cho người nghe cùng thảo luận và tham gia vào việc nhận xét, góp ý.

+ Cung cấp thêm tài liệu và nguồn tham khảo cho các bạn muốn tìm hiểu sâu hơn về hai tác phẩm nhật kí.

b) Tìm ý và lập dàn ý

Xem lại dàn ý và bố cục ở phần *Viết*, cân nhắc bổ sung ý mới (nếu có).

c) Nói và nghe

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 31); đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 31); đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau, chọn phương án đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 4) và trả lời các câu hỏi (từ câu 5 đến câu 10):

Con người không thể bị đánh bại

(Trích *Ông già và biển cả*)

(Tóm tắt: “*Ông già và biển cả*” là một tiểu thuyết ngắn, xuất bản lần đầu vào năm 1952, giành giải Pu-lít-đơ (Pulitzer) năm 1953 và góp phần mang lại cho tác giả giải Nô-ben (Nobel) năm 1954. Tác phẩm kể chuyện về một ông lão đánh cá nghèo đầy ý chí và nghị lực, mặc cho 84 lần ra khơi không câu được con cá nào nhưng ông không nản chí; đến lần thứ 85, ông lão giương thuyền ra khơi xa và may mắn câu được một con cá kiếm khổng lồ, nhưng trên đường đưa con cá kiếm quay về cảng, nó bị đàn cá mập rả sạch thịt. Đoạn trích dưới đây kể chuyện ông lão Xan-ti-a-gô (Santiago) chiến đấu với con cá mập đầu tiên đến tấn công con cá kiếm của lão.).

1 Lúc này, lão biết con cá có thật và tay và lưng lão không phải là mơ. Tay chóng khỏi thôi, lão nghĩ. Mình đã làm chúng chảy máu và nước mặn sẽ chữa lành chúng. Làn nước sẫm đen của chính dòng Nhiệt lưu vốn là phương thuốc chữa lành vết thương hiệu nghiệm nhất. Những gì mình phải làm là giữ cho đầu óc tỉnh táo. Đôi tay vẫn làm công việc của chúng và chúng ta⁽¹⁾ lái giỏi. Với cái miệng mím chặt và cái đuôi nhip nhàng, chúng ta lái thuyền đi như những người anh em. Rồi đầu óc lão bắt đầu trở nên hơi mụ mẫm đi và lão nghĩ con cá đưa ta hay ta đang đưa nó vào bờ? “Nếu ta đang kéo nó phía sau thì chẳng có vấn đề gì.”. Và nếu con cá ở trên thuyền, nằm đờ ra, thì cũng chẳng có vấn đề gì. Nhưng ông lão và con cá lại đang sát cánh đưa thuyền đi và ông lão nghĩ, cứ để cu cậu đưa mình vào bờ nếu cu cậu thích. Mình chỉ hơn cu cậu ở mảnh khoé mà thôi và cu cậu thì chẳng hề định làm gì hại mình.

(1) *Chúng ta*: ông lão xem con cá kiếm là bạn nên mới có cách xưng hô như thế.

Họ lái thuyền đi êm, ông lão nhúng hai bàn tay xuống nước mặn và cố giữ đầu óc tỉnh táo. Có những đám mây tích⁽¹⁾ cao và nhiều dải mây tơ⁽²⁾ bên trên, vì vậy ông lão biết gió nhẹ sẽ còn thổi suốt đêm. Ông lão thường xuyên nhìn con cá để chắc chắn là nó có thực. Một tiếng đồng hồ sau, con cá mập đầu tiên tấn công.

2 Không phải ngẫu nhiên mà con cá mập đến. Nó ngoi lên từ vùng nước sâu khi đám mây máu sẫm màu được hình thành rồi lan nhanh vào biển sâu ngàn thước. Nó ngoi lên rất nhanh và hoàn toàn bất cần đến mức đã xé tung mặt nước xanh thẳm, nhao mình trong ánh nắng. Rồi nó lại rơi xuống biển, bắt mùi và bắt đầu bơi theo hướng chiếc thuyền và con cá.

Thỉnh thoảng, nó để mất mùi. Nhưng nó lập tức bắt lại mùi hay chỉ một chút dấu vết gì đó, rồi cật lực bơi nhanh về hướng ấy. Nó là con cá mập ma-kô (mako) cực lớn, được cấu tạo để bơi nhanh như bất kì loài cá nào bơi nhanh nhất ở biển và mọi thứ trên người nó đều đẹp, chỉ trừ bộ hàm. Lưng nó cũng xanh như lưng loài cá kiếm, bụng nó ánh bạc, da bóng mượt và tuyệt đẹp. Nó được cấu tạo giống loài cá kiếm, trừ bộ hàm đồ sộ lúc này đang ngậm chặt khi lao nhanh mấp mé mặt nước với chiếc vi lưng cao ngồng thẳng nhiên cắt mặt biển. Bên trong cặp môi đôi mím chặt của bộ hàm, tất cả tám hàng răng đều nghiêng chếch vào trong. Chúng không phải là những chiếc răng hình kim tự tháp bình thường của đa số loài cá mập. Chúng có hình giống những ngón tay của con người khi bị rán cong tựa những cái vuốt. Chúng dài gần bằng ngón tay ông lão và sắc như dao cạo cả hai cạnh. Đây là giống cá được cấu tạo để ăn thịt tất cả các loài cá khác ở biển, chúng nhanh nhẹn, khoẻ mạnh và được trang bị lợi hại đến mức chẳng còn có bất kì đối thủ nào nữa. Bây giờ, khi bắt được mùi rõ hơn, con cá tăng tốc, cái vi lưng xanh xẻ nước.

3 Khi nhìn thấy nó lao đến, ông lão biết đấy là con cá mập không hề biết sợ hãi gì cả và sẽ làm đúng những gì nó muốn. Trong lúc quan sát con cá mập tiến đến, lão chuẩn bị cây lao và buộc dây vào. Sợi dây ngắn bởi vì lão đã cắt bớt để buộc con cá.

Bây giờ, đầu óc lão tỉnh táo và sáng suốt và tuy lão có đầy quyết tâm nhưng lại ít hi vọng. Cái quá tốt đẹp thì chẳng bền, lão nghĩ. Khi theo dõi con cá mập đang đến gần, lão liếc nhìn con cá kiếm khổng lồ. Cứ như thể là mơ ấy, lão nghĩ. Mình không thể ngăn hẳn đừng tấn công nhưng có lẽ mình sẽ giết được hẳn. Đen-tu-sô (dentuso), lão nghĩ. Xui rồi đấy con à.

(1) *Mây tích*: là loại mây có hình thù giống như những khối bông xốp trắng, cao khoảng dưới 10 ki-lô-mét trong lớp khí quyển. Mây tích là dấu hiệu của những ngày nóng nực.

(2) *Mây tơ*: là loại mây mỏng, màu trắng, ở độ cao từ 10 – 12 ki-lô-mét. Mây tơ là dấu hiệu của những ngày có thời tiết nắng đẹp.

Con cá mập áp nhanh phía sau thuyền và khi nó đớp con cá, ông lão trông thấy mồm nó mở rộng, đôi mắt kì lạ và cú răng bổ phập một tiếng khi nó đớp ngập vào chỗ thịt ngay phía trên đuôi. Đầu con cá mập nhô khỏi mặt nước và lưng nó cũng đang bênh lên và ông lão có thể nghe thấy tiếng da thịt rách toác ra trên mình con cá lớn khi lão cầm phập mũi lao xuống đầu con cá mập, ngay điểm giao nhau giữa đường nối hai mắt và đường chạy thẳng từ mũi vắt ra sau. Chẳng có những đường như vậy. Chỉ có cái đầu xanh, gân guốc, to đùng, cặp mắt lớn và bộ hàm đang ngoàm ngoạm ăn tống ăn táng. Nhưng đấy là vị trí của não và ông lão đã đâm vào đó. Lão đâm bằng cả hai bàn tay tứa máu, dốc hết sức lực ấn sâu mũi lao sắc ngọt xuống. Lão đâm không bằng hi vọng mà bằng quyết tâm và cả lòng căm hận.

Con cá mập lặn tròn ra và ông lão thấy mắt nó dại đi và khi lặn thêm lần nữa, con cá tự quấn sợi dây quanh mình hai vòng. Ông lão biết con cá đã chết nhưng nó không chấp nhận điều đó. Lát sau, nằm phoir bụng lên trời, đuôi quật mạnh, hai hàm răng đánh lách cách, con cá mập cày tung mặt nước như chiếc thuyền đua. Chỗ đuôi nó quật xuống, nước tung trắng xóa, ba phần tư cơ thể nó nhô khỏi mặt nước khi sợi dây bị kéo căng, run run rồi bật đứt. Con cá mập nằm im một lúc trên mặt nước và ông lão nhìn nó. Rồi nó từ từ, từ từ chìm xuống.

“Hắn đớp khoảng bốn mươi pao (pound)⁽¹⁾ rồi”, ông lão nói lớn. Hắn cũng đoạt luôn mũi lao và cả sợi dây nữa, lão nghĩ, còn bây giờ, con cá của mình lại chảy máu và rồi sẽ còn bọn khác.

Lão chẳng còn muốn nhìn con cá thêm chút nào nữa, kể từ lúc nó bị đớp toạc cả thịt da. Lúc con cá bị đớp thì như thể chính bản thân lão bị đớp.

Nhưng ta đã giết con cá mập – kẻ đớp con cá của ta, lão nghĩ. Và hắn là con đen-tu-sô lớn nhất mà ta đã từng thấy. Và Chúa chứng giám rằng ta đã thấy nhiều con cá lớn.

4 Cái quá tốt đẹp thì khó bền, lão nghĩ. Bây giờ mình ước giá mà chuyện này chỉ là một giấc mơ và mình chưa hề câu được con cá và hãy còn nằm ngủ một mình trên lớp giấy báo.

“Nhưng con người được sinh ra không phải để dành cho thất bại.”, lão nói. “Con người có thể bị huỷ diệt chứ không thể bị đánh bại.”.

LÊ HUY BẮC dịch

(HÊ-MINH-UÊ, *Ông già và biển cả*, NXB Văn học, Hà Nội, 2022)

(1) Pao: đơn vị đo lường của Anh – Mỹ, 1 pao = 0,454 ki-lô-gram.

1. Đọc đoạn (1) và cho biết con cá kiếm đang ở đâu cùng với ông lão Xan-ti-a-gô?

- A. Con cá trên thuyền, nằm chờ ra cạnh ông lão
- B. Con cá nằm im trên bờ, bên cạnh ông lão
- C. Con cá bơi dưới nước với cái miệng mím chặt, cái đuôi nhip nhàng
- D. Con cá nằm trên mặt nước, phơi bụng lên trời

2. Câu nào sau đây miêu tả chi tiết, cụ thể hình dáng của con cá mập:

A. Nó ngoi lên rất nhanh và hoàn toàn bất cần đến mức đã xé tung mặt nước xanh thẳm, nhao mình trong ánh nắng.

B. Nó là con cá mập ma-kô cực lớn, được cấu tạo để bơi nhanh như bất kì loài cá nào bơi nhanh nhất ở biển và mọi thứ trên người nó đều đẹp, chỉ trừ bộ hàm.

C. Lưng nó cũng xanh như lưng loài cá kiếm, bụng nó ánh bạc, da bóng mượt và tuyệt đẹp.

D. Đây là giống cá được cấu tạo để ăn thịt tất cả các loài cá khác ở biển, chúng nhanh nhẹn, khoẻ mạnh và được trang bị lợi hại đến mức chẳng còn có bất kì đối thủ nào nữa.

3. Đọc kĩ đoạn (3) và cho biết nội dung chính của đoạn này là gì?

- A. Miêu tả tâm trạng của ông lão khi đưa con cá kiếm vào bờ
- B. Miêu tả hình dáng, cấu tạo của cá mập ma-kô
- C. Miêu tả cuộc chiến đấu giữa ông lão và con cá mập
- D. Suy nghĩ của ông lão về những điều tốt đẹp ở trên đời

4. Câu trích dẫn nào sau đây thể hiện rõ ý chí của ông lão Xan-ti-a-gô?

- A. Con người có thể bị huỷ diệt chứ không thể bị đánh bại.
- B. Cái quá tốt đẹp thì khó bền.
- C. Hắn đớp khoảng bốn mươi pao rồi.
- D. Mình chỉ hơn cu cậu ở mảnh khoé mà thôi còn cu cậu thì chẳng hề định làm gì hại mình.

5. Trong đoạn trích, có mấy lần xuất hiện từ “lão nghĩ” và “lão nói”? Việc sử dụng nhiều lần các cụm từ đó có tác dụng gì?

6. Hãy cho biết suy nghĩ của ông lão Xan-ti-a-gô trong đoạn **1**. Tại sao ông lão lại có tâm trạng và suy nghĩ đó?

7. Nêu nhận xét của em về nghệ thuật miêu tả con cá mập ma-kô của tác giả. Thái độ của ông lão Xan-ti-a-gô đối với con cá mập như thế nào?
8. Chân dung ông lão Xan-ti-a-gô được tạo dựng qua những phương diện nào? Nêu các chi tiết trong văn bản cho thấy rõ niềm tin, ý chí và nghị lực của ông lão.
9. Em suy nghĩ gì về câu nói của nhân vật ông lão Xan-ti-a-gô: “Con người có thể bị huỷ diệt chứ không thể bị đánh bại.”?
10. Phương pháp những “tảng băng trôi” do Hê-minh-uê phát hiện và thực hành. Theo đó, ngôn từ trong tác phẩm thường rất trong sáng, cô đọng, không có gì dư thừa. Các hình tượng nghệ thuật thường được tạo nên bởi các hình ảnh tượng trưng. Bên dưới lớp ngôn từ và hình ảnh tưởng chừng đơn giản, ý nghĩa của tác phẩm rất phong phú, sâu sắc, nhiều tầng bậc. Theo em, tác giả đã áp dụng “phương pháp của những tảng băng trôi” trong văn bản này như thế nào?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Đọc sách, báo hoặc truy cập Internet để tìm hiểu và thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến bài học: Vũ Trọng Phụng và tiểu thuyết *Số đỏ*, Bảo Ninh và tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh*, Lép Tôn-xtôi và tiểu thuyết *Chiến tranh và hoà bình*, Hê-minh-uê và tiểu thuyết *Ông già và biển cả*; các bài giới thiệu, điểm sách, phê bình, nghiên cứu văn học có liên quan đến các tác giả, tác phẩm nêu trên.
2. Tìm đọc toàn bộ tiểu thuyết *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng, *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh, *Chiến tranh và hoà bình* của Lép Tôn-xtôi và *Ông già và biển cả* của Hê-minh-uê.

BÀI 8

THƠ HIỆN ĐẠI

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Phân tích, đánh giá được chủ đề, tư tưởng, giá trị nhận thức, thẩm mỹ, triết lí nhân sinh của văn bản thơ trữ tình thông qua các yếu tố hình thức nghệ thuật như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực,...
- ▶ Hiểu và có ý thức giữ gìn và phát triển tiếng Việt.
- ▶ Viết được văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- ▶ Biết trình bày và lắng nghe, trao đổi về so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- ▶ Gắn bó với quê hương, đất nước, yêu mến, gìn giữ vẻ đẹp văn hoá truyền thống của dân tộc; biết trân trọng quá khứ, sống tình nghĩa; có ý thức đổi mới, sáng tạo.

Kiến thức ngữ văn

1. Thơ trữ tình hiện đại là khái niệm vừa chỉ các sáng tác thơ thời hiện đại (từ đầu thế kỉ XX đến nay), để phân biệt với thơ ca trung đại (từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX), vừa thể hiện tính chất cách tân, đổi mới của thơ so với thơ ca truyền thống, nhất là thơ Đường luật. Trong thơ trữ tình hiện đại, sự giải phóng cái “tôi” trữ tình, hình thức câu thơ, bài thơ, sự sáng tạo ngôn từ, hình ảnh, cấu tứ, biện pháp nghệ thuật được xem là những biểu hiện rõ rệt nhất về tính hiện đại.

2. Thơ có yếu tố siêu thực là thơ có những hình ảnh hư ảo, mơ hồ, trừu tượng, khó hình dung, lí giải một cách tường minh. Những hình ảnh này là sự thể hiện của thế giới siêu thực – thế giới được cảm nhận trong giấc mơ, trong cõi vô thức, tiềm thức. Ví dụ:

Lời nguyện gấm xanh như màu huyền diệu

Não nề lòng viễn khách giữa lúc mơ

Trời từ bi cảm động ứa sương mờ

Sai gió lại lay hồn trong kẽ lá

Trăng choáng váng với hoa tàn cùng ngả

Anh đoán chừng cơn ấy em ngất đi

(Hãy nhập hồn em – Hàn Mặc Tử)

Khổ thơ trên có các hình ảnh chập chờn giữa thực và mộng (*Lời nguyện gắm xanh như màu huyền diệu, gió lay hồn trong kẽ lá*), có những cảm nhận, cảm giác của chiêm bao, vô thức (*Não nề... giữa lúc mơ, cảm động ứa sương mờ, trăng choáng váng, em ngất đi*).

Yếu tố siêu thực còn thể hiện ở cách viết phóng túng, đề cao những liên tưởng tự do, không cần sử dụng dấu chấm câu và tuân thủ trật tự ngữ pháp; dòng thơ, câu thơ được tổ chức theo hướng “lạ hoá”, phi lô gích với sự kết hợp bất thường của các từ ngữ, hình ảnh. Ví dụ:

- *Xua tan đi một ngày
hiển thị hình ảnh đàn ông tách rời khỏi ngoại hình,
nó làm mất đi khả năng bị phân tâm của đàn ông,
nó cứng như đá,
viên đá vô hình,
đá của chuyển động và thị giác,
và có ánh sáng rực rỡ đến nỗi tất cả áo giáp
và tất cả các mặt nạ đều bị làm giả*
(*Tấm gương của một khoảnh khắc – Pôn Ê-luya*)
- *Quỳnh hoa chiều động nhạc trầm mi
Hồn xanh ngát chỗ dấu xiêm y
Rượu hát bầu vàng cung ướp hương
Ngón hường say tóc nhạc trầm mi*
(*Buồn xưa – Nguyễn Xuân Sanh*)

Các dòng thơ trên có những kết hợp từ ngữ, hình ảnh khác lạ, dị thường, tạo ra những hình tượng thơ không dễ cảm nhận: *hình ảnh đàn ông tách rời khỏi ngoại hình, đá của chuyển động và thị giác, nhạc trầm mi, hồn xanh ngát, cung ướp hương,...*

3. Giữ gìn và phát triển tiếng Việt

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp.”. Tiếng Việt hình thành cùng với sự xuất hiện của dân tộc, là thành quả của lịch sử dân tộc. Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, vượt qua những thử thách lớn lao, đặc biệt là sự đồng hoá khốc liệt của phong kiến phương Bắc, các thế hệ cha ông đã không ngừng bảo vệ và hoàn thiện tiếng Việt để truyền lại cho chúng ta một ngôn ngữ rất giàu và đẹp. Sự giàu đẹp của tiếng Việt thể hiện ở âm điệu giàu nhạc tính, vốn từ hết sức phong phú và cách diễn đạt tinh tế, biểu cảm. Giữ gìn tiếng Việt là bảo vệ sự giàu đẹp của ngôn ngữ dân tộc, cụ thể là sự phong phú, đa dạng về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và sự trong sáng, chuẩn mực, thể hiện đặc điểm văn hoá, tư duy và tâm hồn của con người Việt Nam. Phát triển tiếng Việt là tiếp tục chuẩn hoá, phát triển vốn từ và ngữ pháp, mở rộng phạm vi sử dụng tiếng Việt, truyền bá tiếng Việt rộng khắp, đáp ứng yêu cầu của đất nước trong thời kì công nghiệp hoá,

hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Hai nhiệm vụ giữ gìn và phát triển tiếng Việt có mối quan hệ tương hỗ với nhau. Giữ gìn bản sắc là định hướng trong phát triển, còn phát triển là để không ngừng hoàn thiện bản sắc của ngôn ngữ dân tộc. Giữ gìn và phát triển tiếng Việt là trách nhiệm thiêng liêng của mọi người Việt Nam và con cháu mãi về sau.

ĐỌC

Đọc hiểu văn bản



ĐÀN GHI TA CỦA LOR-CA

THANH THẢO

1 Chuẩn bị

– Đọc trước văn bản *Đàn ghi ta của Lor-ca*; tìm hiểu thêm thông tin về nhà thơ Thanh Thảo và nhà thơ, nhạc sĩ nổi tiếng Tây Ban Nha Phê-đê-ri-cô Gác-xi-a Lor-ca (Federico García Lorca, 1896 – 1936).

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây để hiểu thêm về văn bản:

Đàn ghi ta của Lor-ca được rút ra từ tập thơ *Khối vuông ru-bích* – tập thơ thể hiện quan niệm sâu sắc, độc đáo của Thanh Thảo về thơ và cấu trúc thơ. Ru-bích là một khối vuông có nhiều mặt xoay. Dù bề mặt các ô màu có hỗn loạn nhưng tất cả vẫn tuân theo quy luật vận hành của nó. Cấu trúc thơ cũng vậy. Dù hình thức thơ có vẻ tản mạn, nhưng ở mạch ngầm văn bản, nó vẫn có sự thống nhất chặt chẽ. Nói cách khác, khi sáng tác thơ, Thanh Thảo đã “thiết lập trật tự” và xây dựng “quy luật vận hành” cho những liên tưởng phóng túng, tự do, thậm chí có phần hỗn loạn. Vì thế, các bài thơ trong *Khối vuông ru-bích* nói chung và *Đàn ghi ta của Lor-ca* nói riêng nhìn qua thì có vẻ lộn xộn nhưng thực chất chúng được kết dính với nhau bằng một thứ keo chắc chắn. Chất keo ấy là tư tưởng nghệ thuật và hình tượng thẩm mỹ của bài thơ.



Thanh Thảo sinh năm 1946, quê ở Quảng Ngãi

2 Đọc hiểu

Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn

(Ph.G. Lor-ca)

những tiếng đàn bọt nước

Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt

Đặc điểm của tiếng đàn có gì khác thường?

li-la li-la li-la⁽¹⁾
 đi lang thang về miền đơn độc
 với vầng trăng chênh choáng
 trên yên ngựa mỗi mòn



Tây Ban Nha
 hát nghêu ngao
 bỗng kinh hoàng
 áo choàng bê bết đỏ
 Lor-ca bị điệu về bãi bắn
 chàng đi như người mộng du
 tiếng ghi ta nâu
 bầu trời cô gái ấy
 tiếng ghi ta lá xanh biết mấy
 tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan
 tiếng ghi ta ròn ròn
 máu chảy
 không ai chôn cất tiếng đàn
 tiếng đàn như cỏ mọc hoang
 giọt nước mắt vàng trắng
 long lanh trong đáy giếng
 đường chỉ tay⁽²⁾ đã đứt
 dòng sông rộng vô cùng

Chú ý hình tượng Lor-ca trong tưởng tượng của nhà thơ.

Lor-ca hiện lên như thế nào qua tiếng đàn?

Xem chú thích và suy luận về ý nghĩa của hình ảnh “Lor-ca bơi sang ngang”.

(1) *li-la*: tên một loài hoa, còn gọi là hoa tử đinh hương; *li-la li-la li-la* cũng có thể hiểu là chuỗi âm thanh phát ra từ đàn ghi-ta.

(2) *Đường chỉ tay*: theo quan niệm nhân tướng học, những đường rãnh trên bàn tay, tượng trưng cho số mệnh của con người.

Lor-ca bơi sang ngang
trên chiếc ghi ta màu bạc
chàng ném lá bùa⁽¹⁾ cô gái Di-gan⁽²⁾
vào xoáy nước
chàng ném trái tim mình
vào lặn yên bất chợt
li-la li-la li-la...

Hành động của Lor-ca
tượng trưng cho điều gì?

(*Khối vuông ru-bích*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1985)



1. Bài thơ có đặc điểm gì đáng chú ý về hình thức của các dòng thơ, câu thơ, đoạn thơ?

2. Hình tượng Lor-ca đã được nhà thơ khắc hoạ như thế nào qua tiếng đàn, các hình ảnh, từ ngữ và biện pháp nghệ thuật? (Chú ý: tìm hiểu ý nghĩa tượng trưng của những hình ảnh thơ như: *tiếng đàn bọt nước*, *Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt*, *tiếng ghi ta ròng ròng máu chảy*, *không ai chôn cất tiếng đàn*, *tiếng đàn như cỏ mọc hoang*, *đường chỉ tay đã đứt*, *chàng ném trái tim mình vào lặn yên bất chợt*?) Từ đó, hãy chỉ ra tình cảm, suy nghĩ của Thanh Thảo về nhà thơ Lor-ca.

3. Em hiểu những câu thơ sau thế nào? Qua đó, hãy chỉ ra đặc điểm của thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực:

*giọt nước mắt vắng trắng
lạnh trong đáy giếng*

4. Có ý kiến cho rằng lời đề từ của bài thơ thể hiện tình yêu say đắm với cây đàn ghi ta, với nghệ thuật của Lor-ca. Nhưng cũng có người nêu suy nghĩ: Lor-ca không muốn nghệ thuật của ông cũng sẽ án ngữ, ngăn cản sự sáng tạo của những người đi sau. Vì thế, nhà thơ mong các thế hệ sau hãy “chôn” nghệ thuật của ông (cùng với ông) để bước tiếp. Em chọn cách hiểu nào? Vì sao?

5. Hãy xác định và phân tích tác dụng của các yếu tố văn hoá dân gian Tây Ban Nha được Thanh Thảo sử dụng trong bài thơ.

6. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 7 – 10 dòng) thể hiện suy nghĩ của em về một triết lí nhân sinh được đặt ra trong văn bản.

(1) *Lá bùa*: một vật thường bằng giấy, được tin là có thể ngăn cản hoặc trừ ma quỷ, tránh được rủi ro, khổ nạn.

(2) *Di-gan* (Digal): tên gọi tộc người thích sống tự do, mưu sinh bằng múa, hát, xem tướng và bùa chú.



BÀI THƠ CỦA MỘT NGƯỜI YÊU NƯỚC MÌNH

TRẦN VÀNG SAO^(*)

1 Chuẩn bị

- Đọc trước văn bản *Bài thơ của một người yêu nước mình*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Trần Vàng Sao và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.
- Nhan đề của bài thơ gợi cho em những suy nghĩ gì trước khi đọc?

2 Đọc hiểu

Buổi sáng tôi mặc áo đi giày
ra đứng ngoài đường

Chú ý đối tượng mà nhân vật trữ tình hướng tới.

Gió thổi những bông nứa trắng bên sông

Mùi toóc⁽¹⁾ khô còn thơm lúa mùa qua

Bầy chim sẻ đậu trước sân nhà

Những đứa trẻ đứng nhìn ngấp nghé

Tôi yêu đất nước này như thế

[...]

Đôi khi chợt nhớ một tiếng cười lạ

Một câu ca dao buồn có hoa bưởi hoa ngâu

Một vết bùn khô trên mặt đá

Không có ai chia tay

Cũng nhớ một tiếng còi tàu.

Mẹ tôi thức khuya dậy sớm

Năm nay ngoài năm mươi tuổi

Chồng chết đã mười mấy năm

Thuở tôi mới đọc được i tờ

Mẹ thương tôi mẹ vẫn tảo tần

Nước sông gạo chợ

Ngày hai buổi nhà không khi nào vắng người đòi nợ

Sống qua ngày nên phải nghiêng răng

Cũng không vui nên mẹ ít khi cười

Chú ý những hình ảnh, từ ngữ khắc họa hình ảnh người mẹ.

(*) Trần Vàng Sao (1941 – 2018), quê ở Thừa Thiên Huế.

(1) Toóc: rạ (phương ngữ miền Trung).

Những buổi trưa buổi tối
Ngồi một mình hay khóc
Vẫn thở dài mà không nói ra
Thương con không cha
Hăm hiu côi cút
[...]



Tôi yêu đất nước này áo rách
Căn nhà dột phen⁽¹⁾ không ngăn nổi gió
Vẫn yêu nhau trong từng hơi thở
Lòng vẫn thương cây nhớ cội hoài
Thắp đèn đêm ngồi đợi mặt trời mai
Tôi yêu đất nước này như thế
Như yêu cây cỏ ở trong vườn
Như yêu mẹ tôi chịu khó chịu thương
Nuôi tôi thành người hôm nay
Yêu một giọng hát hay
Có bài mái đầy thơm hoa dại
Có sáu câu vọng cổ⁽²⁾ chứa chan

Hãy hình dung về hình ảnh đất nước trong cảm nhận của nhân vật trữ tình.

(1) *Phên*: đồ đan bằng tre, nứa, thành tấm, dùng để ngăn, che, đây.

(2) *Vọng cổ*: điệu nhạc rất thịnh hành ở Đồng bằng sông Cửu Long, bắt nguồn từ bài *Dạ cổ hoài lang* (Nghe tiếng trống đêm, nhớ chồng) của cổ nhạc sĩ Cao Văn Lầu.

Có ba ông tảo thờ trong bếp⁽¹⁾
Và tuổi thơ buồn như giọt nước trong lá sen
[...]
Tôi yêu đất nước này lắm than
Mẹ đốt củi trên rừng cha làm cá ngoài biển
Ăn rau rìu rau có rau trai⁽²⁾
Nuôi lớn người từ ngày mở đất
Bốn ngàn năm nằm gai nệm mật
Một tác lòng cũng trứng Âu Cơ
Một tiếng nói cũng đầy hồn Thánh Gióng.
[...]
Đất nước này còn chua xót
Nên trông ngày thống nhất
Cho bên kia không gọi bên này là người miền Nam
Cho bên này không gọi bên kia là người miền Bắc
Lòng vui hôm nay không thấy chật
Tôi yêu đất nước này chân thật
Như yêu căn nhà nhỏ có mẹ của tôi
Như yêu em nụ hôn ngọt trên môi
Và yêu tôi đã biết làm người
Cứ trông đất nước mình thống nhất.

Liên hệ kiến thức lịch sử để hiểu điều tác giả mong muốn.

(In trong *Thơ Việt Nam 1945 – 1975*, NXB Giáo dục, 1985)

?

1. Trong cảm nhận của nhân vật trữ tình, đất nước hiện ra qua những hình ảnh nào? Đặc điểm chung của những hình ảnh ấy là gì?
2. Những từ ngữ, dòng thơ, câu thơ nào thể hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình với đất nước? Phân tích ý nghĩa của dòng thơ có tính chất như một điệp khúc trong văn bản.
3. Hãy tìm các biểu hiện về giọng điệu của nhân vật trữ tình trong văn bản *Bài thơ của một người yêu nước mình*. Qua đó, em có suy nghĩ gì về tình cảm, thái độ của nhân vật trữ tình đối với đất nước?

(1) *Ba ông tảo*: ba vị (Thần Đất, Thần Nhà, Thần Bếp) được người Việt tin là định đoạt phúc đức cho gia đình dựa trên việc làm đúng đạo lý của những người trong nhà.

(2) *Rau rìu, rau có, rau trai*: tên các loại rau thường được trồng nhiều ở miền Trung.

4. Phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ được nhà thơ sử dụng trong văn bản trên.

5. Quan niệm và cách thể hiện tình cảm đối với đất nước của Trần Vàng Sao trong bài thơ trên có gì giống và khác với Nguyễn Khoa Điềm qua đoạn thơ sau:

Đất là nơi anh đến trường

Nước là nơi em tắm

Đất Nước là nơi ta hò hẹn

Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm

(*Đất Nước*, trích trường ca *Mặt đường khát vọng*)

6. Chọn và thực hiện một trong các nhiệm vụ sau:

- Dựa vào văn bản trên, hãy vẽ một bức tranh về đất nước.
- Hãy viết một đoạn / bài thơ về đất nước với chủ đề “Đất nước tôi”.
- Viết một đoạn văn (khoảng 10 – 15 dòng) giới thiệu một vẻ đẹp của đất nước trong cảm nhận của nhà thơ Trần Vàng Sao.

Thực hành đọc hiểu



THỜI GIAN

VĂN CAO

1 Chuẩn bị

– Tìm hiểu và ghi lại những thông tin cần thiết về nhà thơ Văn Cao để vận dụng vào đọc hiểu bài thơ *Thời gian*.

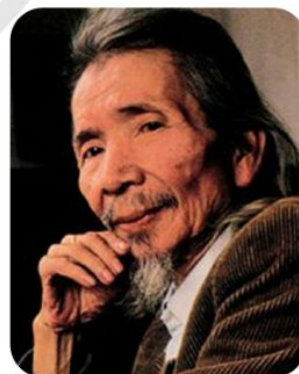
– Đọc trước bài thơ *Thời gian* và ghi lại những cảm nhận đầu tiên của em về tác phẩm.

– Hãy nhớ lại một trải nghiệm khó quên của bản thân về vai trò của thời gian đối với cuộc sống của em hoặc những người xung quanh.

– Em nghĩ gì về ý nghĩa của những câu nói sau:

+ “*Một giờ không phải một giờ, đó là một chiếc bình đầy hương vị, âm thanh, dự kiến và hoàn cảnh.*”. (Mác-xen Prút – Marcel Proust)

+ “*Đừng đi qua thời gian mà không để lại dấu vết.*”. (Ken-thau-din – Cantauzene)



Văn Cao
(1923 – 1995),
quê ở Hải Phòng

2

(Tác phẩm Thơ, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2013)

1. Dòng thơ đầu tiên cho thấy tác giả có cảm nhận như thế nào về thời gian?
2. Thời gian có ảnh hưởng như thế nào đến thế giới tự nhiên nói chung và nhân vật trữ tình nói riêng? Ảnh hưởng đó đem lại cảm xúc gì?
3. Hình ảnh “câu thơ”, “bài hát” tượng trưng cho điều gì? Việc lặp lại các từ “Riêng”, “còn xanh” cho thấy suy nghĩ của tác giả về mối tương quan giữa thời gian và ý nghĩa của những hình ảnh đó như thế nào?
4. Em hiểu dụng ý của nhà thơ trong hai dòng thơ cuối thế nào? Hãy giải thích cách hiểu của em.
5. Hãy chỉ ra các biểu hiện của thơ tượng trưng trong văn bản trên và nhận xét về tác dụng của các yếu tố ấy trong việc thể hiện nội dung tác phẩm.
6. Bài thơ đem đến cho em những suy ngẫm gì về cuộc sống?

GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN TIẾNG VIỆT

1. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu ở bên dưới:

[...] Khi nói đến việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt thì trước hết cần thấy rằng đó là một công việc bình thường, tự nhiên và thường xuyên, lâu dài trong suốt cả quá trình phát triển của tiếng Việt từ trước tới nay và từ nay về sau, nhằm bảo vệ và phát huy cái bản sắc, cái tinh hoa của tiếng Việt, không để cho mất đi một cái gì vô cùng quý báu khiến cho tiếng Việt là tiếng Việt.

Kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới cho thấy ngôn ngữ nào cũng trải qua những thời kì nổi bật lên nhiệm vụ giữ gìn sự trong sáng của nó. Như ở Nga, sau Cách mạng tháng Mười vĩ đại, Lê-nin (Lenin) đã kêu gọi mọi người không được “làm hỏng tiếng Nga”, “tuyên chiến với việc dùng những từ nước ngoài không cần thiết”.

Ở ta, từ những năm 50, trong cuốn “Sửa đổi lỗi làm việc”, Bác Hồ đã nói đến các thứ “bệnh” ngôn ngữ mà chúng ta thường hay mắc như: bệnh “sáo”, nghĩa là nói và viết theo một cái khuôn mẫu hoàn toàn như nhau bất kể về việc gì, ở cấp nào, cơ quan nào; bệnh “ba hoa”, “nói dài, nói đại, nói dai”, còn nội dung thì rỗng tuếch, “ba voi không được bát nước xáo”; bệnh “vẽ rắn thêm chân”; bệnh “nói chữ”. Sau này, Bác cũng nhiều lần nhấn mạnh: “khuyết điểm nặng nhất là dùng chữ nước ngoài quá nhiều, và nhiều khi dùng không đúng”. Bác thường xuyên nhắc nhở: “tiếng nào sẵn có thì dùng tiếng ta” và đồng thời chỉ rõ: “có những chữ ta không sẵn có và khó dịch đúng thì cần phải mượn chữ nước ngoài”.

Năm 1966, tại cuộc họp mặt về vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt (ngày 7 và ngày 10 tháng 2), tôi đã nêu ra ba khâu cần phải làm để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, giữ gìn sự giàu đẹp của nó, và hơn thế nữa làm cho nó ngày càng thêm giàu và đẹp. Đó là: giữ gìn và phát triển vốn chữ của tiếng ta; nói và viết đúng phép tắc của tiếng ta; giữ gìn bản sắc, phong cách của tiếng ta trong mọi thể văn (văn học, chính trị, khoa học, kĩ thuật,...); đồng thời phải có những đổi mới, phát triển, làm cho tiếng ta ngày thêm giàu trên cơ sở vốn cũ của tiếng ta.

[...] Một ngôn ngữ được đánh giá là phát triển khi nó ngày càng có tính chất “tri tuệ hoá và quốc tế hoá”. Điều này rất quan trọng khi ta đặt tiếng Việt trong bối cảnh thời đại ngày nay: thời đại của thông tin, của trí tuệ; thời đại của hội nhập khu vực, hội nhập toàn cầu, và do đó, tiếng Việt phải có những chuẩn bị, những thay đổi, để

có đủ thể và lực giao lưu, tiếp xúc với các ngôn ngữ khác trên thế giới mà không sợ bị tổn thương đến giá trị, bản sắc, đến sự giàu đẹp của nó.

(Phạm Văn Đồng, *Trở lại vấn đề: Vì sự trong sáng và phát triển của tiếng Việt*,
Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 6, năm 1999)

- a) Vì sao phải giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt? Nội dung nhiệm vụ đó là gì?
- b) Thế nào là một ngôn ngữ phát triển? Vấn đề phát triển tiếng Việt có ý nghĩa như thế nào trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hoá hiện nay?

2. Từ hiểu biết và kinh nghiệm cá nhân, hãy nêu một số biểu hiện cụ thể của việc sử dụng tiếng Việt thiếu trong sáng, không chuẩn mực.

3. Viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng) phân tích vẻ đẹp của tiếng Việt thể hiện trong một bài thơ mà em đã học.

VIẾT

VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

1 Định hướng

a) Tiếp nối bài học về nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện ở Bài 1 và hai tác phẩm kí ở Bài 7, bài này tập trung vào so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. Viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ là trình bày một cách thuyết phục những điểm tương đồng và khác biệt hoặc chỉ tương đồng hay khác biệt về nội dung, hình thức nghệ thuật của hai văn bản thơ, từ đó, bình luận, nhận xét giá trị độc đáo của mỗi thi phẩm,... Chẳng hạn, khi phân tích những bài thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh, nhiều người thường liên hệ với những bài thơ Đường, Tống, so sánh để thấy rõ thơ của Người “rất Đường mà lại không Đường một tí nào” (Hoàng Trung Thông). Xuân Diệu đã so sánh một loạt bài thơ về mưa của tác giả Huy Cận như: *Điệu buồn, Mưa, Buồn đêm mưa* (trong tập *Lửa thiêng*), *Mưa mười năm sau* (1949), thậm chí còn so sánh với các bài thơ về mưa trong thơ Đỗ Phủ, thơ Nguyễn Du, trong ca dao, dân ca,... từ đó, chỉ ra niềm vui khoẻ khoắn của Huy Cận trong bài *Mưa xuân trên biển* (1959). Khi bình bài *Sáng tháng Năm* của Tố Hữu, Hoài Thanh đã so sánh hình ảnh mái tóc bạc của Hồ Chí Minh trong bốn bài thơ khác nhau của Tố Hữu để nói lên “sức sáng tạo không ngừng” của thi sĩ,...

Trong bài nghị luận, so sánh là một thao tác lập luận, thông qua việc phân tích điểm giống và khác nhau giữa hai văn bản thơ về một hoặc một số yếu tố như đề tài, chủ đề, nhân vật trữ tình, hình ảnh, cấu tứ, giọng điệu, nhạc điệu,... để thuyết phục người đọc về một phương diện nào đó cần được làm sáng tỏ của các hiện tượng thơ hoặc đời sống văn học. Từ kết quả của việc so sánh, người viết đưa ra những nhận xét, đánh giá.

Bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ có thể hình thành từ nhiều yêu cầu khác nhau: so sánh cả tác phẩm, so sánh một yếu tố nội dung hoặc hình thức, hoặc so sánh một khổ, một câu, một đoạn hoặc một chi tiết, hình ảnh cụ thể nào đó,... trong hai văn bản thơ.

b) Để viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, các em cần chú ý:

- Xác định mục đích so sánh, đánh giá (để thuyết phục hoặc làm rõ vấn đề văn học gì).
- Xác định đối tượng và phạm vi so sánh (hai văn bản thơ nào) (với trường hợp người viết phải tự xác định).
- Lựa chọn một số tiêu chí và phương diện cụ thể cần so sánh của hai văn bản thơ (nội dung: đề tài, chủ đề, cảm hứng,...; nghệ thuật: từ ngữ, hình ảnh, cấu tứ, biện pháp tu từ,...).
- Phân tích điểm giống hay khác nhau (hoặc cả hai) của các văn bản thơ được so sánh, bước đầu đưa ra một số lí giải về nguyên nhân dẫn đến sự tương đồng và khác biệt.
- Trên cơ sở kết quả so sánh, đưa ra những nhận xét, đánh giá làm nổi bật cái hay, cái đẹp, tính độc đáo, nét đặc sắc riêng của mỗi tác phẩm,...
- So sánh không nhằm đề cao hay hạ thấp một tác phẩm hoặc để phô trương kiến thức khiến bài viết trở nên tản mạn, lạc đề,...
- Đảm bảo cấu trúc chung của một bài nghị luận văn học, tính chính xác của các dẫn chứng thơ ca, tính chặt chẽ của các lập luận lô gích và tính hình tượng, biểu cảm của ngôn ngữ,...

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập: *Hãy so sánh và nêu nhận xét, đánh giá của em về hai đoạn thơ sau:*

- *Ta đi, ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...*

*Thương nhau, chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô
Nhớ sao lớp học i tờ
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.*

(Việt Bắc – Tố Hữu)

– Đôi khi chợt nhớ một tiếng cười lạ
Một câu ca dao buồn có hoa bưởi hoa ngâu
Một vết bùn khô trên mặt đá
Không có ai chia tay
Cũng nhớ một tiếng còi tàu.
Mẹ tôi thức khuya dậy sớm
Năm nay ngoài năm mươi tuổi
Chồng chết đã mười mấy năm
Thuở tôi mới đọc được i tờ
Mẹ thương tôi mẹ vẫn tảo tần
Nước sông gạo chợ

(Bài thơ của một người yêu nước mình – Trần Vàng Sao)

a) Chuẩn bị

Tiến hành chuẩn bị viết theo các gợi ý sau:

- Xác định mục đích cụ thể của bài viết.
- Xác định kiểu bài và thao tác nghị luận.
- Lựa chọn phạm vi, giới hạn vấn đề nghị luận.
- Xem lại nội dung đọc hiểu các văn bản có các đoạn trích trên.
- Đọc hiểu sâu nội dung, nghệ thuật của hai đoạn trích.

b) Tìm ý và lập dàn ý

- Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:
 - + Đặc điểm nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ trong bài *Việt Bắc* là gì?
 - + Đặc điểm nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ trong bài *Bài thơ của một người yêu nước mình* là gì?

+ Có điểm nào tương đồng về nội dung và nghệ thuật giữa hai đoạn thơ?

+ Điểm khác biệt về nội dung và nghệ thuật giữa hai đoạn thơ là gì?

+ Em có nhận xét, đánh giá gì về những điểm tương đồng và khác biệt đó? (Gợi ý: Sự tương đồng và khác biệt cho thấy những giá trị chung và riêng nào của hai văn bản thơ? Điều gì ở mỗi bài thơ khiến em xúc động hoặc yêu thích nhất? Vì sao?).

– Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

c) Viết

– Viết bài văn theo dàn ý đã lập.

– Trong khi viết, các em cần chú ý một số điểm sau:

+ Cần có những kết nối với những phần khác trong hai văn bản *Việt Bắc*, *Bài thơ của một người yêu nước mình* và bối cảnh ra đời của hai tác phẩm để cắt nghĩa, lí giải nội dung của mỗi đoạn thơ.

+ Cần thể hiện một cách tự nhiên quan điểm riêng của bản thân miễn là hợp lí, thuyết phục.

+ Có thể bổ sung những ý mới, ngoài dàn ý nhưng cần phù hợp với vấn đề nghị luận.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Viết*, mục d (trang 28); đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

2.2. Rèn luyện kĩ năng viết: Thao tác so sánh thơ

a) Cách thức

Xem lại mục 2.1 để hiểu thế nào là so sánh thơ. Phần này tập trung vào rèn kĩ năng viết so sánh thông qua thực hành bài tập.

b) Bài tập

Bài tập 1: *Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:*

“[...] Có người còn cho tình yêu mới chính là mùa xuân. Xuân Diệu đã hơn một lần viết rằng:

*Xuân của đất trời nay mới đến
Trong tôi xuân đã đến lâu rồi
Từ lúc yêu nhau hoa nở mãi
Trong vườn thơm ngát của hồn tôi.*

(*Nguyễn dân*)

Không mạnh mẽ và dạt dào như Xuân Diệu, nhưng thơ tình Nguyễn Bính có cái sâu lắng, dịu dàng, bát ngát của làng quê. Nguyễn Bính đã có lần ao ước được kết duyên với người bạn thuở thiếu thời trong cảnh vườn xuân trắng xoá hoa cam rụng:

*Như chuyện Trương Như và Trác Thị
Đưa nhau về ở đất Lâm Cùng
Vườn xuân trắng xoá hoa cam rụng
Tôi với em Nhi kết vợ chồng.*

(Rượu và hoa)

Nhưng ước ao vẫn là ước ao. Chuyện tình duyên của Nguyễn Bính đều là chuyện không thành cả. Nên mùa xuân của thơ ông cũng là mùa “tính sổ” sự lỡ làng của tình duyên. Trong *Mưa xuân*, tác giả kể chuyện hẹn hò của đôi trai gái đêm xuân nghe hát chèo. Nhưng chàng trai lỡ hẹn. Tiếng trống chèo càng náo nức bao nhiêu thì nỗi buồn băng khuâng của cô gái càng thấm thía bấy nhiêu:

*Chờ mãi anh sang anh chẳng sang
Thế mà hôm nọ hát bên làng
Năm tao bảy tuyết anh hò hẹn
Để cả mùa xuân cũng nhớ nhàng.*

(Mưa xuân)

Cái giọng có chút hờn trách nhưng đầy thương cảm. Đó là giọng trách yêu, trách mà không nổi giận. Đây cũng là cái đôn hậu của tâm hồn người phụ nữ Việt Nam.”.

(Lê Tiến Dũng, *Những bài thơ xuân của Nguyễn Bính*, in trong
Nguyễn Bính – Nhà thơ chân quê, NXB Văn hoá – thông tin, Hà Nội, 2000)

- Nội dung và phạm vi so sánh trong đoạn văn trên là gì?
- Chỉ ra những câu văn nêu nhận xét, đánh giá của người viết.

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY VỀ SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

1 Định hướng

- Xem lại yêu cầu so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ đã nêu ở phần *Viết*.
- Để trình bày về so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, các em cần lưu ý:
 - Xác định được hai văn bản thơ chứa đựng những phương diện có thể so sánh và đánh giá.
 - Chú ý các yêu cầu về trình bày bằng lời trước tập thể (văn nói khác với văn viết như thế nào; sự kết hợp các phương tiện và yếu tố phi ngôn ngữ trong khi trình bày).

2 Thực hành

Bài tập: *Trình bày ý kiến so sánh, đánh giá hai bài thơ (hoặc hai đoạn ở hai bài thơ khác nhau).*

a) Chuẩn bị

– Lựa chọn hai bài thơ (hoặc hai đoạn ở hai văn bản thơ khác nhau) mà em tâm đắc. Ví dụ: bài thơ *Việt Bắc* (Tố Hữu) và *Bài thơ của một người yêu nước mình* (Trần Vàng Sao).

– Xác định và tìm hiểu nội dung so sánh, đánh giá ở hai bài thơ (hoặc hai đoạn thơ). Ví dụ: Phong vị dân gian trong bài thơ *Việt Bắc* (Tố Hữu) và *Bài thơ của một người yêu nước mình* (Trần Vàng Sao).

– Xây dựng và thể hiện nội dung so sánh, đánh giá hai bài thơ (hai đoạn thơ) trên giấy A0 hoặc phần mềm trình chiếu (Ví dụ: PowerPoint).

b) Tìm ý và lập dàn ý

Tham khảo phần *Viết*, mục 2.1, ý b, có thể thêm bớt các ý cho phù hợp với yêu cầu trình bày.

c) Nói và nghe

Trình bày theo dàn ý đã chuẩn bị, tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 31); đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 31); đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau, chọn phương án đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5) và trả lời các câu hỏi (từ câu 6 đến câu 10):

Tháng Tư

1. đến tháng Tư mọi chuyện xong rồi
cây đủ lá cánh hoa rơi vào đất
ông Mặt Trời đủ đầy đến gay gắt
đất mỡ màu ngủ lịm dưới bóng râm

2. những khu vườn đã ấm tổ chim
 cành cây trĩu những lời trống mái
 lúa quả đầu mùa vừa hết ngày non dại
 xanh lên tin tưởng dưới bầu trời
3. tháng Tư về yên tĩnh lòng tôi
 bầy ong khép vòng bay cần mẫn
 những dòng sông lững thững đi ra biển
 cánh đồng vạm vỡ tuổi hai mươi
4. đến tháng Tư mọi chuyện tưởng xong rồi
 chớm chút trời xanh thoáng hè non nớt
 chiều nay ngọn gió bất ngờ cơn mưa bất chợt
 nắng sau mưa óng ánh đến nghi ngờ
 tôi như cây sau bất chợt cơn mưa.

Hà Nội, 15-4-1983

(NGUYỄN LINH KHIẾU, in trong *Dòng thiêng*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2019)

1. Phương án nào nêu đúng và đầy đủ nhất những biến đổi của thiên nhiên, đất trời khi tháng Tư đến?

- (1) Những cánh hoa mới nở tạo thành những chùm hoa rực rỡ
(2) Mặt Trời đã bắt đầu chiếu những tia nắng chói chang, gay gắt
(3) Đất đai trở nên màu mỡ hơn; những khu vườn đã ríu rít chim muông
(4) Những dòng sông ào ạt cuốn phăng mọi thứ ra biển
(5) Những cánh đồng căng tràn nhựa sống.

A. 1-2-3 B. 1-2-4 C. 2-3-4 D. 2-3-5

2. Trong những biến đổi của thiên nhiên, đất trời, dấu hiệu nào cho thấy sự thay đổi rõ ràng của thời tiết?

- A. ông Mặt Trời đủ đầy đến gay gắt B. đất mỡ màu ngủ lịm dưới bóng râm
C. cánh đồng vạm vỡ tuổi hai mươi D. những dòng sông lững thững đi ra biển

3. Với nhân vật trữ tình, “chuyện tưởng xong rồi” mà hoá ra lại chưa xong khi tháng Tư đến là gì?

- A. chiều nay ngọn gió bất ngờ cơn mưa bất chợt
 nắng sau mưa óng ánh đến nghi ngờ
B. những khu vườn đã ấm tổ chim
 cành cây trĩu những lời trống mái

D. lúa quả đầu mùa vừa hết ngày non dại
xanh lên tin tưởng dưới bầu trời

A. So sánh
B. Ẩn dụ
C. Nhân hoá
D. Đảo ngữ

A. cây đủ lá cánh hoa rơi vào đất
B. cành cây trĩu những lời trống mái
C. bầy ong khép vòng bay cần mẫn
D. nắng sau mưa óng ánh đến nghi ngời

8. Hãy lí giải tác dụng của một hình ảnh hoặc biện pháp tu từ trong bài thơ mà em thấy đặc sắc.

10. Bài thơ đem đến cho em những chiêm nghiệm nào về cuộc sống?

3. Tham khảo các bài phân tích, bình giảng thơ của các nhà nghiên cứu, phê bình văn học.

BÀI 9

VĂN BẢN THÔNG TIN TỔNG HỢP

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề văn bản; đề xuất được các nhan đề văn bản khác; đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong văn bản; phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản.
- ▶ Nhận biết và nêu được tác dụng của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.
- ▶ Viết được bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.
- ▶ Biết tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau.
- ▶ Yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương, đất nước.

Kiến thức ngữ văn

1. Bố cục và mạch lạc của văn bản

– Bố cục là sự sắp xếp, bố trí các yếu tố, các phần trong một văn bản theo một trật tự nhất định (thời gian, không gian, sự phát triển của sự việc hay mạch suy luận) cho phù hợp với sự triển khai chủ đề và sự tiếp nhận của người đọc.

– Mạch lạc là trật tự hợp lí và rành mạch giữa các câu, các đoạn, các phần trong văn bản. Một văn bản có tính mạch lạc là văn bản có các phần, các đoạn, các câu đều nói về một đề tài, thể hiện một chủ đề chung xuyên suốt. Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản được tiếp nối theo một trình tự rõ ràng, hợp lí, trước sau hô ứng nhau nhằm làm cho chủ đề liền mạch và gọi ra được nhiều hứng thú cho người đọc hoặc người nghe.

2. Sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề của văn bản

Nhan đề là tên của văn bản, thường do tác giả đặt. Nhan đề văn bản thông tin thường phản ánh nội dung chính của văn bản; vì thế giữa nhan đề và nội dung của văn

bản phải có sự phù hợp với nhau. Nghĩa là, những thông tin chi tiết người viết đưa ra trong văn bản phải là sự thể hiện, cụ thể hoá hoặc làm sáng tỏ nhan đề của văn bản.

3. Cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong văn bản

Khi đưa thông tin vào văn bản, người viết phải lựa chọn những thông tin chính xác, đáng tin cậy, tiêu biểu, phù hợp với mục đích viết giữa một loạt các thông tin cùng loại hoặc các thông tin từ nhiều nguồn khác nhau. Sau đó, phải sắp xếp các thông tin đó theo một trật tự nhất định (theo thời gian, theo mối quan hệ nguyên nhân – kết quả, theo cách phân loại đối tượng, theo mức độ quan trọng của thông tin,...) để vừa tạo nên tính mạch lạc, lại tạo nên sự liên kết chặt chẽ giữa các thông tin đó nhằm thể hiện mục đích của người viết và tạo điều kiện thuận lợi cho người đọc tiếp nhận những thông tin ấy.

4. Tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin

Các số liệu, tư liệu, hình ảnh, âm thanh,... được đưa vào văn bản thông tin cần mới mẻ hoặc có sự khác biệt với những thông tin cùng loại đã nêu trước đó; được thay đổi hoặc bổ sung, điều chỉnh cho kịp thời, phù hợp với thực tế; phải chính xác, rõ ràng và có thể kiểm tra được.

5. Dữ liệu sơ cấp và thứ cấp

– Dữ liệu sơ cấp (primary data) là loại dữ liệu được người viết thu thập từ các nguồn đầu tiên, nguyên gốc, nguyên bản bằng cách sử dụng các phương pháp như khảo sát, phỏng vấn hoặc thí nghiệm,...

– Dữ liệu thứ cấp (secondary data) là loại dữ liệu được người viết sử dụng lại của người khác và của chính mình.

6. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ

Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ gồm các tín hiệu của cơ thể như: ánh mắt, nụ cười, nét mặt, cử chỉ,...; các tín hiệu bằng hình khối, màu sắc như: kí hiệu, công thức, biểu báo, đồ thị, hình vẽ, tranh, ảnh, màu sắc, các kĩ thuật in ấn (in nghiêng, in đậm,...),...; các tín hiệu bằng âm thanh như: tiếng kêu, tiếng gõ, tiếng nhạc,... Trong giao tiếp hằng ngày cũng như trong các bài viết, bài thuyết trình, việc kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ với phương tiện giao tiếp ngôn ngữ giúp bài thuyết trình, bài viết không chỉ dễ tiếp nhận vì súc tích, cụ thể, rõ ràng mà còn hấp dẫn vì có tính biểu cảm và sinh động.



CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 VÀ VAI TRÒ CỦA TRÍ THỨC KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ

NGUYỄN THẾ NGHĨA^(*)

1 Chuẩn bị

- Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(**)
- Khi đọc một văn bản thông tin tổng hợp, các em cần chú ý:^(***)
 - + Chỉ ra được sự phù hợp của đề tài, nội dung và nhan đề của văn bản.
 - + Xác định được bố cục của văn bản; cách trình bày và mạch lạc của văn bản.
 - + Phân tích và đánh giá được vai trò của các thông tin, dữ liệu được đưa vào văn bản và tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của chúng.
 - + Phân tích được hiệu quả của các phương tiện phi ngôn ngữ (nếu có) trong văn bản.
 - + Nêu và đánh giá được thái độ và quan điểm của người viết đối với thông tin được trình bày trong văn bản.
- Tìm hiểu về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ghi lại những thông tin cơ bản.
- Theo em, người trí thức có vai trò gì trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0?
- Đọc trước văn bản *Cách mạng công nghiệp 4.0 và vai trò của trí thức khoa học – công nghệ*; bước đầu đối chiếu thông tin trong văn bản với những thông tin em đã tìm được về cuộc cách mạng đó và vai trò của người trí thức khoa học – công nghệ.

2 Đọc hiểu

1. Nhận diện cách mạng công nghiệp 4.0

Cho đến nay, loài người đã biết đến bốn cuộc cách mạng công nghiệp. Trong đó, mỗi cuộc cách mạng công nghiệp gắn với sự thay đổi về chất của nền sản xuất dựa trên sự phát triển đột phá về khoa học – công nghệ.

Đọc lướt và xác định các đề mục lớn của văn bản.

(*) Tác giả Nguyễn Thế Nghĩa sinh năm 1952, quê ở Ninh Bình.

(**), (***) Khi đọc hiểu văn bản khác trong Bài 5, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (1.0) diễn ra vào cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX, làm xuất hiện *nền sản xuất cơ khí* với máy móc dựa trên phát minh ra động cơ hơi nước, động cơ đốt trong làm cho năng suất lao động tăng cao và xã hội phát triển, xuất hiện văn minh công nghiệp.

Trong mục 1, người viết đã sắp xếp thông tin theo cách nào?

Cách mạng công nghiệp lần thứ hai (2.0) diễn ra vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, làm xuất hiện *nền sản xuất theo dây chuyền hàng loạt bằng máy móc* dựa trên phát minh ra điện, động cơ điện, đẩy mạnh nâng cao năng suất lao động và phát triển xã hội văn minh công nghiệp.

Cách mạng công nghiệp lần thứ ba (3.0) diễn ra vào cuối thế kỉ XX (từ thập niên 70), làm xuất hiện *nền sản xuất tự động hoá*, dựa trên máy tính, điện tử, Internet và cách mạng số hoá⁽¹⁾ và phát triển xã hội văn minh trí tuệ.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) diễn ra từ đầu thế kỉ XXI (được chính thức gọi tên tại Diễn đàn kinh tế thế giới lần thứ 46 ở Đa-vốt – Klót-xơ (Davos – Klosters), Thụy Sĩ), với sự ra đời của *nền sản xuất thông minh* dựa trên sự tích hợp và hội tụ của nhiều công nghệ, mà trụ cột là công nghệ thông tin, Internet, công nghệ số và công nghệ sinh học.

Như vậy, thực chất của cách mạng công nghiệp 4.0 là sự hình thành thế giới số (thế giới ảo), vốn dĩ là sự phản ánh phức tạp và sinh động thế giới vật lí (thế giới thực) cùng với sự kết nối giữa hai thế giới đó tạo nên sự biến đổi mang tính cách mạng tác động đến mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Ở đây, số hoá và dữ liệu hoá không chỉ tác động nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn làm thay đổi mô hình và phương thức sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Đồng thời, nó cũng tác động, làm thay đổi phương thức hoạt động của con người trong mọi lĩnh vực, nhất là lĩnh vực khoa học – công nghệ, văn hoá, giáo dục – đào tạo, y tế.

Những câu văn nào thể hiện thái độ và quan điểm của tác giả?



Hình minh hoạ ở mục 1 cho biết điều gì? Tác dụng của hình minh hoạ đó là gì?

(1) *Số hoá*: chuyển cách biểu diễn kí hiệu, tín hiệu (chữ viết, âm thanh, hình ảnh,...) sang dạng số (đọc được trên máy tính, các thiết bị truyền thông nói chung).

2. Sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0

Cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển dựa trên ba trụ cột cơ bản: công nghệ sinh học, vật lý và kỹ thuật số: (1) Trong lĩnh vực công nghệ sinh học, cách mạng công nghiệp 4.0 tập trung nghiên cứu, tạo ra những bước phát triển đột phá, tạo ra sự nhảy vọt về chất trong y dược (thuốc và phương pháp chữa bệnh mới), nông nghiệp và thủy sản (làm biến đổi gene, tạo ra giống cây, giống con mới), chế biến thực phẩm (chất lượng cao, sạch và an toàn,...), bảo vệ môi trường và tái tạo năng lượng,...; (2) Trong lĩnh vực vật lý, cách mạng công nghiệp 4.0 tập trung nghiên cứu, chế tạo các loại rô-bốt (robot) thế hệ mới, máy in 3D, các phương tiện tự lái (xe, máy bay, tàu thủy), các vật liệu mới (vật liệu siêu nhẹ, siêu mỏng, siêu bền,...), công nghệ nano,...; (3) Trong lĩnh vực kỹ thuật số, cách mạng công nghiệp tập trung chủ yếu vào phát minh, sáng tạo, phát triển Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI), Dữ liệu lớn (Big Data) và Vạn vật kết nối (Internet of Things).

Trong mục 2, người viết chủ yếu sắp xếp thông tin theo cách nào?

Các dữ liệu, thông tin ở đây có tác dụng gì?

Trí tuệ nhân tạo (AI) được hiểu như một lĩnh vực của khoa học máy tính gắn trực tiếp với việc tự động hoá các hành vi thông minh. Cụ thể là: AI chính là trí tuệ do con người lập trình tạo ra để giúp máy tính có thể tự động hoá các hành vi thông minh như ở bộ não người (trí tuệ nhân tạo tự mình biết suy nghĩ, lập luận, phân tích, so sánh và tổng hợp rút ra các quyết định (biện pháp, phương pháp,...) giải quyết các vấn đề nhanh gọn. Ngoài ra, AI còn biết giao tiếp, biết nói, biết học, thích nghi và tự bộc lộ sở thích, ham muốn,...

Dữ liệu lớn (Big Data) được hiểu là tài sản thông tin có khối lượng dữ liệu lớn, phong phú, đa dạng với tốc độ cao, yêu cầu phải có công nghệ mới, để xử lý nhanh và hiệu quả (khám phá được các yếu tố quan trọng ẩn giấu sâu trong dữ liệu và tối ưu hoá được dữ liệu) nhằm đưa ra được các quyết định chính xác, kịp thời và có hiệu quả.

Vạn vật kết nối (Internet of Things) được hiểu là thế giới vạn vật kết nối Internet (hoặc mạng lưới thiết bị kết nối Internet), trong đó mỗi vật, mỗi người đều có định dạng riêng và tất cả đều có khả năng trao đổi, truyền tải thông tin, dữ liệu qua một mạng duy nhất (mà không cần sự tương tác trực tiếp giữa người với người, hay người với máy tính). Vạn vật kết nối (IoT) phát triển dựa trên sự hội tụ của công nghệ không dây, công nghệ vi cơ điện tử và Internet. Nói ngắn gọn, đó là một tập hợp các thiết bị có khả năng kết nối với nhau, với Internet và với thế giới bên ngoài để thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ nhất định.

3. Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam

Đối với Việt Nam, sự tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 vừa tạo ra điều kiện thuận lợi và thời cơ lớn cho sự phát triển, vừa tạo ra khó khăn và thách thức không nhỏ trong phát triển.

Chú ý cách trình bày và các phương thức biểu đạt ở mục này.

Những thuận lợi và thời cơ phát triển:

– *Một là*, trên phương diện vĩ mô, cách mạng công nghiệp 4.0 góp phần thúc đẩy nâng cao năng suất lao động và tăng trưởng kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

– *Hai là*, ở phương diện vi mô, cách mạng công nghiệp 4.0 đưa đến việc nhận thức lại một số giá trị, định hình lại các ngành công nghiệp, dịch vụ,... mở ra những “khoảng trống”, “kẽ hở” và “không gian” mới trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Và do đó, tạo điều kiện và mở ra các cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam vừa “xếp hàng” vừa “chen chân” và “lấn sân” vào các chuỗi giá trị toàn cầu của các ngành công nghiệp, dịch vụ mới.

– *Ba là*, cách mạng công nghiệp 4.0 làm sâu sắc hơn quá trình toàn cầu hoá và cùng với toàn cầu hoá tác động, thúc đẩy sự biến đổi mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là lĩnh vực kinh tế. Đó cũng là cơ hội để Việt Nam đẩy nhanh quá trình cổ phần hoá⁽¹⁾ các doanh nghiệp nhà nước, phát triển và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

– *Bốn là*, cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra điều kiện và cơ hội để mỗi người, mỗi gia đình, mỗi tập thể tổ chức cuộc sống, làm việc, học tập, sinh hoạt, giải trí tốt hơn và ngày càng có chất lượng hơn.

Những khó khăn và thách thức trong phát triển:

– *Thứ nhất*, khó khăn và thách thức lớn nhất là: nếu Việt Nam chậm chạp trong việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết (vật chất, tinh thần, cơ chế, chính sách, nhân lực,...) để tiếp thu và ứng dụng ngay công nghệ mới của cách mạng công nghiệp 4.0, thì Việt Nam có thể “lỡ hẹn” với cơ hội mà cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại; và điều này dẫn đến tụt hậu không chỉ xa hơn về kinh tế, mà còn tụt hậu cả về khoa học – công nghệ, tiềm lực an ninh, quốc phòng và chủ quyền số so với các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

– *Thứ hai*, sự tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 là khách quan và tất yếu (kể cả trong trường hợp Việt Nam chưa chuẩn bị được các điều kiện cần thiết để chủ động tiếp thu và ứng dụng công nghệ mới), vì vậy, trong một không gian và thời gian nhất định, ở Việt Nam sẽ diễn ra tình trạng thất nghiệp (do lao động máy móc thay cho lao động con người), sự gia tăng nghèo đói và nới rộng khoảng cách giàu nghèo.

– *Thứ ba*, cách mạng công nghiệp 4.0 tác động, tạo khó khăn trong việc tuyển dụng nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công việc; có thể tạo ra sự phá sản của một số công ty do không cạnh tranh nổi trên thị trường (công nghệ, nhân lực,...).

(1) *Cổ phần hoá*: cách gọi tắt của việc chuyển đổi các doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần ở Việt Nam.

– *Thứ tư*, cách mạng công nghiệp 4.0, nhất là sự giao tiếp trên Internet đặt ra thách thức về bảo mật thông tin cho cá nhân con người và cả hệ thống cộng đồng xã hội; đặc biệt là vấn đề bảo mật kinh tế, chính trị, quân sự và an ninh quốc gia.

4. Vai trò của đội ngũ trí thức khoa học – công nghệ trong cách mạng công nghiệp 4.0

Trong mọi thời đại lịch sử, tri thức luôn là nền tảng tiến bộ xã hội và đội ngũ trí thức luôn là lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức. Sinh ra và trưởng thành trong lòng dân tộc, trí thức Việt Nam luôn gắn bó với dân tộc, luôn có đóng góp to lớn và quan trọng vào sự nghiệp dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước. Nhiều thế hệ trí thức, nhiều nhà trí thức đã trở thành những tấm gương sáng ngời về yêu nước, thương dân, hết lòng vì nước, vì dân. Vì vậy, nhân dân đã ghi công và tôn vinh trí thức “Hiền tài là nguyên khí quốc gia”⁽¹⁾.

Nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức và sức mạnh của tiến bộ khoa học – kỹ thuật trong sự phát triển, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Trí thức Việt Nam là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững.”⁽²⁾.

Như vậy, xây dựng đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu của cách mạng khoa học – công nghệ, thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế là quan trọng và cấp thiết, nhất là trong bối cảnh tác động trực tiếp của cách mạng công nghiệp 4.0. Cuộc cách mạng công nghiệp này (với cả thuận lợi và khó khăn, thời cơ và thách thức) luôn đặt ra yêu cầu cao đối với việc phát huy vai trò của đội ngũ trí thức. Nói cách khác, vai trò của đội ngũ trí thức khoa học – công nghệ trong cách mạng công nghiệp 4.0 được thể hiện ở những điểm chủ yếu sau:

Tiêu đề và nội dung của mục 4 có liên quan như thế nào với nhan đề của văn bản?

Những câu văn nào trong đoạn văn này nêu lên thái độ, quan điểm của tác giả?

Thông tin trong dấu ngoặc kép được trích dẫn từ đâu? Việc trích dẫn thông tin đó có tác dụng gì?

(1) Đây là câu trong *Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất niên hiệu Đại Bảo thứ ba* của Thân Nhân Trung (1418 – 1499).

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy khoá X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*.

– *Một là*, lực lượng trí thức khoa học – công nghệ đi tiên phong trong việc nghiên cứu, học tập, quán triệt sâu sắc cách mạng công nghiệp 4.0 với tất cả các sắc thái, sự tác động; cơ hội và thách thức của nó đối với sự phát triển của đất nước. Trên cơ sở đó, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về cách mạng khoa học – công nghệ nói chung và cách mạng công nghiệp 4.0 nói riêng tới các tầng lớp nhân dân (công nhân, nông dân, doanh nhân, học sinh, sinh viên,...); làm cho họ thấu hiểu được “cơ hội” và “nguy cơ” do cách mạng công nghiệp 4.0 mang đến để họ tự nguyện chuẩn bị các điều kiện cần thiết, tham gia vào những chương trình, dự án “lập thân, khởi nghiệp” áp dụng công nghệ mới vào cuộc sống.

– *Hai là*, lực lượng trí thức khoa học – công nghệ không chỉ đi tiên phong trong việc nghiên cứu, phổ biến kiến thức về khoa học – công nghệ, mà còn gương mẫu, say mê trong việc áp dụng những tiến bộ của cách mạng công nghiệp 4.0 vào cuộc sống (sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tổ chức cuộc sống, bảo vệ môi trường, quản lý xã hội, phát triển y tế, văn hoá, giáo dục – đào tạo, an ninh – quốc phòng,...)

– *Ba là*, lực lượng trí thức khoa học – công nghệ đi đầu, đảm nhận sứ mệnh lịch sử định hướng, dẫn dắt xã hội thích ứng với cách mạng công nghiệp 4.0, nắm bắt và hiện thực hoá cơ hội do cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại để đưa đất nước phát triển gắn sát với nhóm nước phát triển trên thế giới. [...]

Tóm lại, cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại, nhất là cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang mang đến cho Việt Nam cả những thuận lợi, cơ hội lớn để phát triển và cả những khó khăn, thách thức không nhỏ trong phát triển. Trong điều kiện này, lịch sử trao cho đội ngũ trí thức khoa học – công nghệ Việt Nam sứ mệnh định hướng và dẫn dắt xã hội thích ứng với cách mạng công nghiệp 4.0, nắm bắt và hiện thực hoá những cơ hội mà nó mang lại để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Nội dung chính của đoạn cuối văn bản là gì?

(Theo <https://hcmusta.org.vn>)

?

1. Nội dung của văn bản có phù hợp với nhan đề của bài viết không?
2. Tóm tắt nội dung của văn bản bằng một sơ đồ. Chỉ ra sự mạch lạc của văn bản.
3. Chỉ ra và nêu tác dụng của việc sử dụng nhiều phương thức biểu đạt và cách trình bày thông tin của tác giả trong bài viết.
4. Những dữ liệu ở các mục 1, 2, 3 là dữ liệu sơ cấp hay thứ cấp? Độ tin cậy của các thông tin, dữ liệu ở các mục này như thế nào? Các dữ liệu, thông tin ấy có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản?

5. Tác giả đã thể hiện quan điểm, thái độ như thế nào về vai trò của đội ngũ trí thức khoa học – công nghệ trong cách mạng công nghiệp 4.0? Em nhận xét gì về quan điểm, thái độ ấy?

6. Văn bản đưa đến cho em những hiểu biết mới mẻ nào về cách mạng công nghiệp 4.0 và vai trò của trí thức khoa học – công nghệ? Theo em, thế hệ trẻ của Việt Nam cần làm những gì để nắm bắt được những cơ hội mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại?

PHỤ NỮ VÀ VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG^(*)

1 Chuẩn bị

– Đọc trước văn bản *Phụ nữ và việc bảo vệ môi trường* (bài phỏng vấn của Giu-đi Bi-dô⁽¹⁾ (Judithe Bizot) với bà Van-đa-na Xi-va⁽²⁾ (Vandana Shiva); tìm hiểu thêm về bà Van-đa-na Xi-va từ nhiều nguồn thông tin khác.

– Trong những người phụ nữ làm nghiên cứu khoa học hoặc hoạt động chính trị mà em biết, em ấn tượng nhất với nhân vật nào? Hãy chia sẻ một số thông tin về người đó.

2 Đọc hiểu

*Những cây sồi cao lớn kia,
ta hãy bảo vệ chúng,
hãy tôn thờ chúng,
vì rễ cây giữ nước*

*là cây cho sữa và thức ăn cho gia súc,
và trên những cây đỗ quỳên đẹp để nở hoa một ngọn gió mát rượi thổi qua.*

Lời bài ca của phong trào Chíp-kô nhấn mạnh điều gì?

(Một bài ca của phong trào Chíp-kô⁽³⁾)

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(1) *Giu-đi Bi-dô*: cây bút chuyên viết về chủ đề giáo dục, đặc biệt quan tâm đến giáo dục vì hoà bình và hợp tác quốc tế.

(2) *Van-đa-na Xi-va*: người Ấn Độ, sinh năm 1952.

(3) *Phong trào Chíp-kô* (Chipko): phong trào nhằm bảo vệ môi trường và ngăn chặn nạn phá rừng ở Ấn Độ.

Van-đa-na Xi-va là một nhà vật lý Ấn Độ, hoạt động trong phong trào phụ nữ và cộng tác tích cực với các tổ chức cộng đồng để ngăn chặn sự suy thoái của môi trường. Trong cuộc phỏng vấn dưới đây, bà xem xét các mối quan hệ giữa cuộc khủng hoảng sinh thái⁽¹⁾, việc gạt phụ nữ ra ngoài lề xã hội và mô hình phát triển kinh tế nổi trội.

(1) Là nhà vật lý, chị đã từ bỏ chức trách của mình trong chương trình năng lượng hạt nhân của nước chị để hoàn toàn hiến mình cho cuộc đấu tranh chống lại việc huỷ hoại môi trường. Chị đã đến với hoạt động này như thế nào?

– Ngay từ lúc còn nhỏ, lòng yêu mến và sự hiểu biết thiên nhiên là những thứ đem lại cho tôi những niềm sung sướng lớn lao nhất. Là con gái một người gác rừng ở Ấn Độ, tôi có may mắn lớn lên trong những cánh rừng Hi-ma-lay-a (Himalaya). Sau đó, tôi theo học môn Vật lý vì môn khoa học cơ bản của mọi khoa học này sẽ cho phép tôi hiểu được thiên nhiên đúng như đã được xác định trong cách nhìn nhận quy giản⁽²⁾ về sự vật. Tôi cũng đã có cơ hội học sinh học và hoá học, nhưng Vật lý được coi là môn học có thể đem lại cho tôi một sự hiểu biết sâu sắc về thiên nhiên. Sau đó, tôi đi vào ngành Vật lý hạt nhân⁽³⁾, và tôi đã thất vọng nhiều. Chỉ đến khi lấy bằng tiến sĩ, tôi mới nhận ra rằng các nhà khoa học về hạt nhân đã khinh suất⁽⁴⁾ như thế nào đối với những điều nguy hiểm của bức xạ⁽⁵⁾. Chúng tôi được dạy cho biết cách gây ra những phản ứng hạt nhân dây chuyền và chúng tôi biết đủ mọi thứ về việc biến đổi năng lượng nhưng lại không biết gì hết về tác động của các bức xạ đối với cơ thể sống. Chính thông qua chị tôi là bác sĩ mà tôi biết được về tác động của các bức xạ. Khi tôi đến làm việc tại một lò phản ứng hạt nhân⁽⁶⁾ tại Ấn Độ, chị không ngừng nói đi nói lại với tôi: “Hứa với chị là em sẽ không bao giờ trở lại đây nữa nhé.”. “Vì sao hả chị?” – Tôi hỏi lại. Và chị tôi trả lời: “Em có thể sinh ra những đứa con dị dạng. Em không biết những gì có thể xảy ra với em đâu.”.

Có thể coi đoạn dẫn dắt này là sa pô không?



(Ảnh: ucghi.universityofcalifornia.edu)

Ban đầu, bà Van-đa-na Xi-va theo học những ngành nào?

Lời khuyên của người chị chứa đựng thông điệp gì?

(1) *Sinh thái*: quan hệ giữa sinh vật và môi trường nói chung.

(2) *Quy giản*: hành động hay quá trình làm cho cấu trúc của một khách thể nào đó đơn giản bớt đi.

(3) *Ngành Vật lý hạt nhân*: một nhánh của vật lý học đi sâu nghiên cứu về hạt nhân của nguyên tử (gọi tắt là hạt nhân).

(4) *Khinh suất*: thiếu thận trọng, không chú ý đầy đủ do coi thường.

(5) *Bức xạ*: sóng điện từ phát ra từ một vật.

(6) *Lò phản ứng hạt nhân*: là một thiết bị được dùng để khởi động, duy trì và kiểm soát phản ứng hạt nhân.

Khi tôi bắt đầu mò mẫm tìm hiểu vấn đề này, những nhà vật lý nhiều kinh nghiệm bảo tôi: “Chị không cần biết những thứ này làm gì.”. Tôi cảm nhận điều đó như một sự loại trừ và phủ nhận lòng khao khát hiểu biết của tôi. Nếu khoa học có nghĩa là hiểu biết thì tôi chẳng có một kinh nghiệm khoa học thực sự nào hết. Vì vậy, tôi sang Ca-na-đa (Canada) theo học một lớp vật lý cơ bản, tại đó, một số trong những vấn đề cơ bản được đặt ra đã làm tôi băn khoăn.

Tôi biết rằng nếu tiếp tục nghiên cứu những vấn đề cơ bản của thuyết lượng tử⁽¹⁾ thì tôi sẽ trở thành một kẻ không có nghĩa lý gì trong lĩnh vực của mình, do vậy, tôi quyết định nhích lại gần hơn với bối cảnh Ấn Độ và quan tâm đến chính sách khoa học và công nghệ ở nước tôi. Trong thời gian đó, phong trào Chíp-kô được thành lập và do việc ấy diễn ra ở gần nhà tôi, tôi thường nhập cuộc với họ. Trước khi tôi thực sự nhận biết được việc mình làm thì sinh thái đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của bản thân tôi.

Van-đa-na Xi-va thay đổi hướng nghiên cứu như thế nào?

(2) Phong trào Chíp-kô là gì? Trong cuốn sách “Hãy giữ lấy cuộc sống”, chị nói đến rừng không như một sản phẩm thương mại mà như Pra-ki-ti (Prakiti), một hoạt lực⁽²⁾ mang lại sự sống. Chị cũng đã nói đến tầm quan trọng của phụ nữ trong cuộc đấu tranh chống lại việc tiêu thụ ồ ạt các tài nguyên thiên nhiên.

– Tôi đã phản ứng với việc tàn phá rừng, trước hết vì tôi là một đứa con của cánh rừng Hi-ma-lay-a. Rừng vừa đem lại cho tôi bản sắc, vừa đem lại cho tôi ý thức tồn tại. Rừng bị mất đi là điều làm tôi rất đau đớn. Trước khi đi Ca-na-đa, tôi muốn thăm lại một trong những nơi tôi ưa thích nhất, nơi người Anh đã xây những nhà nghỉ duyên dáng cho những người gác rừng. Có một ngôi nhà nghỉ mà tôi đặc biệt yêu mến, nó nằm bên bờ một con suối giữa một khu rừng sồi tuyệt đẹp. Khi tôi trở lại nơi ấy thì khu rừng sồi chỉ còn lại một vài lùm cây rải rác và con suối đã cạn khô. Nói chuyện với người dân sinh sống ở đây, tôi được biết con suối không còn nữa là do con người đã chặt cây sồi để trồng táo, một công cuộc chưa bao giờ thực sự thành công. (Cây táo cần đất màu mỡ và vì lý do ấy, người ta thường chặt rừng nguyên thủy để trồng nó).

Vì sao Van-đa-na phản ứng với việc tàn phá rừng?

Việc tôi tham gia phong trào Chíp-kô, một phong trào phụ nữ Hi-ma-lay-a nhằm bảo vệ môi trường, bắt nguồn từ một cuộc gặp gỡ một người lãnh đạo của phong trào này tên là Sân-đác-lan Ba-tin-gu-na (Sundarlal Batinguna). Chị có một ảnh hưởng lớn đối với những

Phong trào Chíp-kô có tác động gì tới Van-đa-na Xi-va?

(1) *Lượng tử*: lượng hữu hạn và nhỏ nhất của năng lượng mà hệ vi mô có thể hấp thụ hoặc phát ra.
(2) *Hoạt lực*: khả năng chữa bệnh của một chất đối với cơ thể sống (trong y học).

người như tôi. Nhưng quan trọng hơn là khi tiếp xúc với những phụ nữ Ấn có gốc gác khiêm nhường, họ vốn là nền tảng của phong trào Chíp-kô, tôi dần dần tạo được những mối quan hệ chặt chẽ lâu bền. Trong nhận thức và tín ngưỡng của họ, tôi đã tìm thấy những cơ sở cho sự hiểu biết của tôi về sinh thái. Họ đem lại cho tôi một cách nhìn mới về mối quan hệ giữa con người và sự việc. Những con người bình thường ấy không đề ra những học thuyết to tát. Họ chỉ biết làm theo nhãn quan và tín ngưỡng của họ. Mọi ý nghĩ, mọi ý tưởng của tôi đều nảy sinh từ một câu nói hay một cử chỉ của một con người nào đó đẩy đến chỗ phải có một hành động trong một tình huống cụ thể. Như vậy là học thuyết của tôi được xây dựng từ một hành động tập trung vào thiên nhiên và phụ nữ. Sở dĩ như vậy là do có mối quan hệ giữa phụ nữ và môi trường. Đó là điều mà tôi tìm cách giải thích trong cuốn sách của tôi *Hãy giữ lấy cuộc sống*: sự “thông thái” lại bắt nguồn từ những phụ nữ bị xã hội coi là thất học, coi là những người bị gạt ra ngoài lề.

Vì sao phụ nữ phản ứng nhanh hơn và mạnh mẽ hơn đối với những nguy cơ tàn phá? Tại sao họ kiên trì như vậy trong khi xung quanh toàn là những người vô sĩ và cam chịu? Đó là vì phụ nữ có một linh cảm đặc biệt về sự sống, về những gì thực sự là sống còn và điều đó làm cho họ nhạy bén với những gì đang lâm nguy trên thế giới.

Chú ý sự lí giải về tầm quan trọng của phụ nữ.

(3) Liệu phụ nữ có thể dẫn đầu trong mối quan tâm mới đối với môi trường không?

– Tôi cho rằng phụ nữ đã dẫn đầu rồi đấy. Cái chính là phải nhìn nhận nghiêm chỉnh sự dẫn đầu ấy của họ. Đối với Ấn Độ, Chíp-kô đánh dấu sự thức tỉnh trở lại của ý thức về sinh thái trong một phong trào đang lan rộng từ các làng mạc ở miền Trung Ấn Độ đến dãy núi Oét-ton Gát⁽¹⁾ (Western Ghats) ở miền Tây. Ý thức sinh thái mới này cũng lâu đời như nền văn minh của chúng tôi vậy, nhưng cái mới là nó nổi lên lại như một lực lượng chính trị chống lại sự tàn phá, một lực lượng như phong trào Chíp-kô, trong đó những phụ nữ bình thường là những người quyết định hướng đi.

Vấn đề trọng yếu không phải là “ta hãy làm cho phụ nữ tham gia” mà là “ta chớ gạt họ ra ngoài”. Do bản chất đặc thù của phụ nữ, quan hệ giữa họ với môi trường ở mỗi nơi một khác. Nhưng phong trào đã dẫn tôi đến những cam kết và những quyết định của tôi đều bắt nguồn từ những tầng lớp bị coi là có rất ít tầm quan trọng trong xã hội, trong những cộng đồng gọi là “lạc hậu” và chính xác hơn là trong giới phụ nữ của những cộng đồng ấy.

Câu “ta chớ gạt họ ra ngoài” nói lên điều gì?

(1) *Oét-ton Gát*: còn gọi là dãy núi Sa-y-a-đri (Sahyadri), một dãy núi có diện tích 160 000 ki-lô-mét vuông, trải dài 1 600 ki-lô-mét, song song với bờ biển phía tây của bán đảo Ấn Độ. Đây là Di sản Thế giới được UNESCO công nhận và là một trong 36 điểm nóng về đa dạng sinh học trên thế giới.

Một xã hội đã có thể kéo dài hình thái của nó qua nhiều thế kỉ thì ta có thể coi nó là một ví dụ về sự lâu bền. Rủi thay, ngày nay, chính những xã hội ấy lại bị gọi là lạc hậu, còn những xã hội đã quá nhanh chóng từ bỏ những nền nếp truyền thống của mình thì được coi là tiến bộ. Chính tại những nước như Ấn Độ mà ta thấy có những phụ nữ đồng thời gắn bó với thiên nhiên và với nền văn hoá cổ xưa. So với những nền văn minh thêm khát tăng trưởng và không tránh khỏi sụp đổ, những nền văn minh lâu bền kia có những cái gì rất đặc biệt, chúng thể hiện khả năng tái tạo, khả năng hàn gắn, khả năng cho và nhận, khả năng xây dựng và sáng tạo.

Nhưng tôi tin rằng phụ nữ phương Bắc cũng gắn bó với môi trường một cách thân thiết không kém. Ngay cả ở những xã hội tiên tiến nhất, phụ nữ vẫn là những người bị giao phó công việc chăm sóc trẻ em, trông nom nhà cửa và giữ gìn sức khoẻ. Một cuộc khảo sát đặc sắc tiến hành tại Hen-xin-ki (Helsinki) đã chứng minh rằng, bất kể tính theo tiêu chuẩn nào – thời gian, năng lượng hay lao động – thì phụ nữ vẫn là những động lực làm cho xã hội Phần Lan và nền kinh tế Phần Lan hoạt động. Sẽ là sai lầm nếu cho rằng phụ nữ không làm ra của cải, không lao động. Người ta hay bảo rằng những người phụ nữ ở nhà là không làm việc gì cả, trong khi thực ra họ còn vất vả hơn bất kì ai khác.

Đối với tôi, thiên nhiên bao gồm những lực lượng đem lại sự sống, những hệ thống hỗ trợ sự sống, những hệ sinh thái làm cho sự sống có thể tồn tại. Tất cả những điều đó đều bị chà đạp tại thành phố và nông thôn với những điều nguy hiểm gây ra bởi bức xạ và hạt nhân, những chất thải độc hại, nước và không khí nhiễm bẩn. Chúng ta bất luận ở đâu đều cần đến những nguồn không khí trong lành, nước sạch, thức ăn lành mạnh, tức là những nguồn đem lại sự sống.

Van-đa-na Xi-va tán thành và phản đối điều gì về lao động của phụ nữ?

(4) Có phải chúng ta đang sắp sửa làm cho mình què quặt bằng cách để mất đi khả năng tái tạo của mình không?

– Khái niệm “yếu tố nữ” về cơ bản chỉ một lực lượng có trong thiên nhiên và trong mọi hình thức của sự sống xung quanh ta, tồn tại trong người nữ và người nam. Theo tôi, sự phát triển của chế độ phụ hệ hiện đại có khuynh hướng giết chết yếu tố nữ, và đặc biệt tìm cách tiêu diệt nó hoàn toàn trong nam giới. Theo một nghĩa nào đó, sự phát triển của một phương thức hiểu biết, sản xuất và thống trị của nam giới, chính là một cách tiêu diệt cái thiết yếu đối với toàn thể xã hội – cả nam lẫn nữ. Tuy nhiên, may thay, trong khi những người theo chế độ phụ hệ tưởng rằng mình cai trị những sinh linh ngoan ngoãn (phụ nữ và thiên nhiên) thì họ không bao giờ có thể loại trừ được hoàn toàn sự sống ấy. Họ có thể làm cho nó bị biến dạng, bị bóp nghẹt, nhưng họ không bao giờ huỷ hoại được nó hoàn toàn.

Van-đa-na Xi-va phê phán chế độ phụ hệ hiện đại như thế nào?

Tôi không thể tưởng tượng được rằng những lực lượng sáng tạo ấy của thiên nhiên và của phụ nữ lại có thể nảy nở mà không ảnh hưởng đến cả nam giới. Đàn ông sẽ phải lựa chọn một trong hai giải pháp sau đây: hoặc là họ sẽ phản ứng dữ dội đối với tình trạng bất an và bất cập ấy, hoặc, điều mà ta mong mỏi, ngày càng có nhiều đàn ông nhận ra rằng họ đã tự làm nghèo đi, và thừa nhận yếu tố nữ như một lực lượng sáng tạo, coi trọng giáo dục hơn thống trị, sự tồn tại hơn sự tàn phá, những tri thức thu thập được bằng kinh nghiệm hơn những điều trừu tượng và những lí do to tát. Đó là những giá trị khá phổ biến để nam giới công nhận và ủng hộ chúng. [...]

Van-đa-na Xi-va mong
đợi giải pháp nào?

(5) Phụ nữ có thể ảnh hưởng như thế nào? Họ có thể làm gì để thay đổi sự vật, cải thiện cuộc sống và môi trường?

– Trước hết, họ không được mất lòng tin ở những hiểu biết lẫn bản thân mình. Tôi tin rằng khi các con suối ở Hi-ma-lay-a khô cạn đi, người phụ nữ sẽ biết tình trạng đó gắn liền với nạn phá rừng. Họ giữ vững ý kiến của mình cho dù những người gác rừng quả quyết rằng không có mối liên hệ gì giữa việc chặt cây và lưu lượng các con suối. Phụ nữ có trong mình một sức kháng cự không gì lay chuyển nổi, khiến họ tin tưởng vào hiểu biết của họ, tin vào bản thân họ và không cảm thấy thua kém. Cái hệ thống bao trùm áp đặt sự lựa chọn của nó cho con người bằng cách biến đổi những tình huống có nhiều khả năng lựa chọn thành một cách lựa chọn duy nhất. Mọi sự không phải là nếu không trắng thì đen. Tôi cho rằng ở thời đại ngày nay, điều rất quan trọng là có thể lớn tiếng nói rằng sự việc có thể diễn ra khác, cho dù ta cảm thấy bất lực. Tôi không cho rằng chỉ bằng cách tạo ra nhiều khả năng lựa chọn là đủ cho cuộc sống của người dân được thêm phong phú. Theo tôi, những tiêu chuẩn chọn lựa mới là điều quan trọng. Chỉ tăng thêm khả năng lựa chọn không thôi chẳng khác gì cách làm ăn của các siêu thị nhằm lôi cuốn khách hàng. Điều chủ yếu là cần phải biết khi nào một sự lựa chọn không thật sự là một sự lựa chọn, và người ta chỉ có thể thật sự lựa chọn nếu ta biết giữ gìn khả năng phân biệt của mình. Gần gũi với thiên nhiên và gắn bó với nó là khuôn khổ đạo lí cho sự lựa chọn giữa các phương án khoa học.

Câu văn nào thể hiện sự
đề cao vai trò của phụ nữ
trong đoạn này?

Em hiểu “điều chủ yếu” ở
đoạn này là gì?

(In trong *Những vấn đề xuyên thế kỉ – Phỏng vấn các nhà hoạt động khoa học, giáo dục, văn hoá nghệ thuật hàng đầu thế giới*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2016)



1. Chỉ ra sự phù hợp của nội dung văn bản với nhan đề. Theo em, có thể đặt nhan đề nào khác cho văn bản? Lí giải vì sao em lại chọn cách đặt nhan đề như vậy?
2. Trong văn bản, Giu-đi Bi-dô đã hỏi Van-đa-na Xi-va mấy câu hỏi? Những câu hỏi đó xoay quanh các vấn đề nào? Những vấn đề đó có ý nghĩa như thế nào đối với xã hội hiện nay?
3. Những câu trả lời của Van-đa-na Xi-va về vấn đề của môi trường cho thấy hiểu biết và tư tưởng gì?
4. Van-đa-na Xi-va đã chỉ ra phụ nữ có thể làm những gì để bảo vệ môi trường? Những việc làm ấy cho thấy phụ nữ có vai trò gì? Bà thể hiện tình cảm, tư tưởng gì đối với phụ nữ?
5. Em nhận xét như thế nào về nội dung những câu trả lời của Van-đa-na Xi-va đối với những câu hỏi của Giu-đi Bi-dô? Cách trả lời như vậy cho thấy bà là người như thế nào? Em thích nhất điều gì trong những câu trả lời ấy?
6. Văn bản đưa đến cho em những hiểu biết mới mẻ gì? Theo em, hiện tượng phân biệt đối xử với phụ nữ hiện nay có còn phổ biến không? Lí giải cụ thể.

Thực hành đọc hiểu



TIN HỌC CÓ PHẢI LÀ KHOA HỌC?

PHAN ĐÌNH DIỆU^(*)

1 Chuẩn bị

- Đọc trước văn bản *Tin học có phải là khoa học?*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Phan Đình Diệu.
- Tìm đọc và ghi chép lại những thông tin cơ bản, ngắn gọn về tin học. Hãy cho biết nguồn thông tin mà em đã truy xuất.

2 Đọc hiểu

1 Tôi nhớ cách đây chưa lâu, không ít nhà khoa học tuy xem trọng tác dụng của máy tính nhưng vẫn không xem Tin học là một ngành khoa học. Điều đó không phải là không có lí do của nó. Máy tính thì có công cụ rõ ràng,

Tìm trong phần 1 câu văn nêu quan điểm của tác giả về ngành Tin học.

(*) Phan Đình Diệu (1936 – 2018), quê ở Hà Tĩnh.

nhưng Tin học phải chăng chỉ là để giúp người ta biết dùng máy tính, và vì vậy là một công cụ, một phương tiện hỗ trợ cho Toán học và các khoa học khác khi sử dụng máy tính? Đúng là *khoa học máy tính*, giai đoạn khởi đầu cho ngành Tin học, đã nảy sinh từ sự ra đời của máy tính, nhưng trải qua mấy thập niên phát triển, cùng với những tiến bộ cực kì nhanh chóng của công nghệ máy tính và truyền thông, ngành Tin học đã qua bao lần tiến hoá, thay đổi và bổ sung nhiều nội dung mới để trở thành một ngành khoa học thực sự phong phú và đang được tiếp tục phát triển mạnh như hiện nay.

❷ Có lẽ chưa có một ngành khoa học nào mới trong mấy chục năm mà đã có lắm tên gọi như ngành Tin học, ngay cả cái tên *Tin học* (chuyển từ tiếng Pháp – Informatique, tương ứng tiếng Anh – Informatics) mà ta dùng ở đây cũng chưa được thống nhất chấp nhận là tên gọi chính thức của ngành. Bắt đầu với tên gọi *Khoa học máy tính* (Computer Science) hoặc *Khoa học tính toán* (thuật ngữ dùng ở Liên Xô cũ), ngành khoa học này đã có những tên gọi khác như: *Tin học* (dùng ở Pháp và nhiều nước Tây Âu phổ biến từ đầu thập niên 70), *Khoa học thông tin*, *Khoa học và Công nghệ thông tin*, và gần đây là *Công nghệ thông tin* (với thuật ngữ “công nghệ” hiểu theo nghĩa rộng như là tổng thể các quan niệm và phương pháp khoa học, các công cụ và giải pháp kĩ thuật được sử dụng trong một lĩnh vực nào đó). Trong phạm vi giáo dục, tên gọi *Computing* được dùng một cách nhất quán từ lần đầu năm 1968 cho đến gần đây nhất năm 2001 bởi Hiệp hội máy tính ACM⁽¹⁾ và Hội máy tính của IEEE⁽²⁾ khi xác định chương trình học cho ngành, dù nội dung đã liên tục được thay đổi. Tôi nghĩ tên gọi *Tin học* (Informatics) theo nghĩa là “khoa học về thông tin và các hệ thống xử lí thông tin bằng công nghệ máy tính và truyền thông” được nhiều chuyên gia dùng hiện nay là có tính khoa học, vừa gọn và vừa đủ khái quát để bao hàm các nội dung mà các tên gọi kể trên đề cập đến.

Theo tác giả, ngành Tin học đã được gọi bằng những cái tên nào?

❸ Máy tính điện tử ra đời trên cơ sở kết hợp các thành tựu của nhiều ngành khoa học và kĩ thuật khác nhau, đặc biệt là của Toán học và Kĩ thuật điện. Vì thế, trong những năm 50 và 60, *Khoa học máy tính* thường có hai nội dung tách biệt: Toán học tính toán và Kĩ thuật máy tính. Sự phát triển trong những năm 60 và 70 đã dẫn đến quan điểm kết hợp một cách liên tục và nhất quán hai phần kiến thức về phần cứng và phần mềm, đồng thời khái niệm “tính toán” được mở rộng theo nghĩa “xử lí thông tin” để hình thành một ngành khoa học thống nhất, dù vẫn mang tên gọi cũ *Computer Science* hay lấy tên gọi mới *Informatique*. Những năm 70, rồi tiếp đến

Các dữ liệu thông tin ở phần ❸ được sắp xếp theo cách nào?

(1) ACM (viết tắt của Association for Computing Machinery): một hiệp hội máy tính quốc tế.

(2) IEEE (viết tắt của Institute of Electrical and Electronics Engineers): hiệp hội và tổ chức toàn cầu của các chuyên gia làm việc hướng tới việc phát triển, triển khai và bảo trì các sản phẩm và dịch vụ lấy công nghệ làm trung tâm.

những năm 80, khi bắt đầu phát triển máy vi tính, công cuộc tin học hoá trong các lĩnh vực sản xuất, kinh tế và xã hội được phổ biến nhanh chóng và nhu cầu ứng dụng mở rộng trong mọi lĩnh vực đã đòi hỏi phát triển nhiều nội dung mới về cơ sở dữ liệu và các hệ quản trị cơ sở dữ liệu, về công nghệ phần mềm, v.v. Trong bối cảnh đó, nhóm tác nghiệp của ACM / IEEE khi nghiên cứu để đổi mới chương trình học về *Computing* đã thấy cần thiết phải có một triết lý cho cách nhìn ngành này như một khoa học độc lập, có đối tượng và phương pháp đặc thù, có những khối kiến thức với nội dung được xác định rõ ràng. Đối tượng là các hệ thống xử lý thông tin. Phương pháp là một sự kết hợp của ba yếu tố: lý thuyết, thực nghiệm và công nghệ; *lý thuyết* trên cơ sở các phương pháp toán học, thực nghiệm (như đối với các khoa học thực nghiệm khác) là tiến hành nghiên cứu trên các mô hình thu được thông qua trừu tượng hoá và kết quả phải được thử nghiệm trong thực tế, *công nghệ* với nội dung chính là thiết kế các hệ thống thực hiện. Các khối kiến thức ngành bao gồm: kiến trúc máy tính, các hệ điều hành, các thuật toán và cấu trúc dữ liệu, các ngôn ngữ và phương pháp lập trình, cơ sở dữ liệu và tìm kiếm thông tin, tính toán số và kí hiệu, trí tuệ nhân tạo và người máy, giao diện người – máy, công nghệ phần mềm, các vấn đề đạo đức và xã hội của tin học. Thập niên 90 đánh dấu một bước chuyển biến to lớn: công nghệ máy vi tính và công nghệ viễn thông phát triển và tiến bộ nhanh chóng, tạo cơ sở hình thành và mở rộng không ngừng các mạng máy tính – viễn thông, các siêu xa lộ⁽¹⁾ thông tin, xây dựng trên thực tế các kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia và toàn cầu, làm thay đổi bộ mặt kinh tế, xã hội trên thế giới và trở thành một yếu tố văn hoá mới của thế giới hiện đại. Những chuyển biến to lớn đó đã làm cho ngành khoa học của chúng ta phải được liên tục bổ sung những chủ đề mới như: các hệ thống thông tin, quản trị thông tin, an toàn và bảo mật thông tin, kĩ thuật mạng, công nghệ web, các hệ tri thức, công nghệ tri thức và trí tuệ nhân tạo, v.v. Những biến chuyển này đã phần nào được phản ánh kịp thời trong chương trình *Computing 2001* do nhóm tác nghiệp của ACM / IEEE đề xuất và bổ sung gần đây. Chắc chắn là sự phát triển chưa dừng lại ở đây. Nhiều công nghệ mới đang được nghiên cứu và đầy hứa hẹn như máy tính lượng tử, máy tính sinh học, truyền thông với tốc độ siêu ánh sáng, các kiểu kiến trúc tính toán mới như tính toán mạng, tính toán song song, các ứng dụng mới đòi hỏi phát triển các nghiên cứu về khoa học tri nhận (cognitive science), các phương pháp phát hiện tri thức, mô phỏng hành vi của các hệ phức tạp bằng máy tính,... tất cả những điều đó chắc sẽ đòi hỏi nhiều phát triển mới của Tin học trong tương lai.

4 Có thể có người hỏi: Tính chất công nghệ của Tin học thì ai cũng rõ, quả đó là một công nghệ đang có tác động lớn đến mọi mặt đời sống kinh tế, xã hội và văn hoá của

Thông tin chính của phần **4** là gì?

(1) *Xa lộ*: đường lớn, rộng, thường phân luồng cho xe đi theo một chiều với tốc độ cao.

loài người. Nhưng ngoài ra, Tin học có đóng góp gì mới vào nhận thức của con người về thế giới? J. Gru-xca (J. Gruska), một nhà khoa học Tiệp Khắc⁽¹⁾, có một nhận xét rất đáng chú ý: Một công nghệ dù là mới và đặc sắc đến đâu, nó chỉ có thể có tác động rộng lớn đến sự phát triển khoa học và xã hội khi nó mang đến một cách nhìn mới, một cách nghĩ mới cho nhận thức của con người về thế giới. Và, ở đây, cái mới mà Tin học mang đến là một phương pháp mới, tăng thêm sức mạnh cho các phương pháp vốn có của khoa học là nghiên cứu *lí thuyết* và nghiên cứu *thực nghiệm*. Với lí thuyết, ta tìm ra tri thức mới bằng kiểm chứng trong thực tế. Nhưng có những chứng minh lí luận mà tư duy lô gích của con người không đi được đến tận cùng vì nó quá đổi phức tạp, có những “thực tế” mà ta không dễ gì gặp được hoặc tạo ra được để mà tiến hành kiểm chứng. Trong những trường hợp đó, với các phương pháp mô phỏng các quá trình lập luận lô gích trên máy tính hoặc mô phỏng các quá trình “thực tế” phức tạp bằng ngôn ngữ của xử lí thông tin rồi thực hiện cũng trên máy tính. Tin học có thể cho ta những giải pháp rất hữu hiệu. Như vậy, cái mới mà Tin học đóng góp vào nhận thức khoa học là khả năng mở rộng tầm nhìn và sức mạnh của các phương pháp lí thuyết và thực nghiệm vào những địa hạt phức tạp, không chỉ bằng năng lực xử lí thông tin to lớn của máy tính mà còn cả bằng những quan niệm và phương pháp mới như mô phỏng, xây dựng các mô hình xử lí thông tin (khác với các mô hình toán học hoặc mô hình vật lí), hiển thị để trợ giúp tư duy hình ảnh, v.v. Nhiều kết quả mới và đặc sắc trong nhiều lĩnh vực khoa học đã được phát hiện bằng phương pháp mới nói trên của Tin học. Ví dụ điển hình như chứng minh bài toán bốn màu (tức là định lí nói rằng mọi graph phẳng đều tô được bởi bốn màu) trong Toán học, và đặc biệt là việc phát hiện hành vi “hỗn loạn” bất định của các hệ động lực phi tuyến, khởi đầu cho việc kết hợp các khảo sát định lượng và tư duy định tính để nghiên cứu những đối tượng vốn có bản chất rất phức tạp của tự nhiên, kinh tế và xã hội – một hướng mới của khoa học về các hệ thống phức tạp đang được phát triển mạnh hiện nay.

Những câu văn nào ở phần này nêu thái độ, quan điểm của người viết về ngành Tin học

5 Tác động to lớn của Tin học đối với việc chuyển biến kinh tế, xã hội hiện nay là điều mà ai cũng rõ. Qua vài dòng giới thiệu sơ lược trên đây, tôi hi vọng chúng ta sẽ có một cái nhìn đầy đủ hơn về Tin học như là một ngành khoa học, tuy còn trẻ và chưa định hình rõ, nhưng tràn đầy sức sống và hứa hẹn những tương lai phát triển mà ta chưa lường hết được, chắc chắn sẽ tiếp tục đóng góp cho con người nhiều ý tưởng mới, quan niệm mới, phương pháp mới để nhận thức ngày càng sâu sắc hơn và hành động ngày càng thông minh hơn trong một thế giới và cuộc sống đầy những phức tạp và bí ẩn.

Chức năng của phần **5** trong văn bản là gì?

(PHAN ĐÌNH DIỆU, in trong *Một góc nhìn của tri thức*, tập một, Tập chí *Tia sáng* – NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2004)

(1) *Tiệp Khắc* (Czechoslovakia): một quốc gia ở Trung Âu, từ năm 1993 phân chia thành Cộng hoà Séc (Czech) và Slô-va-ki-a (Slovakia).



1. Tóm tắt nội dung của văn bản *Tin học có phải là khoa học?*.
2. Tác giả đã trả lời câu hỏi đặt ra ở nhan đề của văn bản như thế nào? Cách đặt nhan đề như vậy có tác dụng gì?
3. Trong văn bản, tác giả đã kết hợp sử dụng những phương thức biểu đạt và cách trình bày thông tin nào? Tác dụng của việc kết hợp đó là gì?
4. Tác giả thể hiện thái độ, quan điểm như thế nào đối với ngành Tin học? Bằng những hiểu biết của em về ngành Tin học, hãy cho biết thái độ, quan điểm ấy có hợp lí không? Lí giải cụ thể.
5. Nếu được đưa thêm hình ảnh minh họa cho nội dung của văn bản *Tin học có phải là khoa học?*, em sẽ lựa chọn những hình ảnh như thế nào? Vì sao?
6. Từ trải nghiệm của bản thân, hãy nêu một tác động mà em cho là to lớn và ý nghĩa nhất của ngành Tin học đối với việc học tập của học sinh ngày nay.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

PHƯƠNG TIỆN GIAO TIẾP PHI NGÔN NGỮ

1. Hãy chỉ ra tác dụng của hình minh họa trong văn bản đọc hiểu *Cách mạng công nghiệp 4.0 và vai trò của trí thức khoa học – công nghệ* (Nguyễn Thế Nghĩa). Nếu được bổ sung thêm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ cho văn bản này, em sẽ chọn loại phương tiện nào? Vì sao?

2. Trong tác phẩm văn học, bên cạnh việc thuật lại lời nói hoặc ý nghĩ (lời nói bên trong) của nhân vật, tác giả thường miêu tả tình cảm, cảm xúc, thái độ,... của nhân vật thông qua các tín hiệu của cơ thể như: ánh mắt, nụ cười, nét mặt, cử chỉ,... Hãy tìm và phân tích tác dụng của các tín hiệu ấy trong đoạn trích sau:

Hắn bắn khoản nhìn thị Nở, như thăm dò. Thị vẫn im lặng, cười tin cẩn. Hắn thấy tự nhiên nhẹ người. Hắn bảo thị:

– Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ?

Thị không đáp, nhưng cái mũi đỏ của thị như càng bạnh ra. Hắn thấy thế cũng không có gì là xấu. Bằng một cái giọng nói và một vẻ mặt rất phong tình theo ý hắn, hắn bảo thị:

– Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui.

Thị lờm lỏm. Một người thật xấu khi yêu cũng lờm. Hắn thích chí, khanh khách cười. Lúc tỉnh táo, hắn cười nghe thật hiền. Thị Nở lấy làm bằng lòng lắm. Bây giờ thì mấy bát cháo ý chừng đã ngấm. Hắn thấy lòng rất vui.

(Nam Cao)

3. Lập bảng tổng kết các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ phổ biến theo mẫu dưới đây:

Loại phương tiện	Phương tiện cụ thể
Tín hiệu của cơ thể	
Tín hiệu hình khối, màu sắc	
Tín hiệu âm thanh	

4. Hãy viết một văn bản thông tin, trong đó có sử dụng số liệu, hình ảnh hoặc sơ đồ,... để trình bày về một trong các đề tài sau đây:

- Hệ thống các văn bản đọc hiểu đã được học ở sách *Ngữ văn 12*.
- Hệ thống kiến thức tiếng Việt đã được học ở sách *Ngữ văn 12*.

VIẾT

VIẾT BÀI PHÁT BIỂU TRONG LỄ PHÁT ĐỘNG MỘT PHONG TRÀO HOẶC MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

1 Định hướng

1.1. Bài phát biểu ở đây được hiểu là bài trình bày ý kiến của người nói một cách trang trọng trong hoàn cảnh cụ thể, thường là trong các sự kiện đặc biệt. Đây là dạng văn bản phổ biến, được sử dụng trong nhiều lĩnh vực với nhiều mục đích khác nhau. Tùy thuộc vào mục đích sử dụng cũng như những nội dung của sự kiện mà bài phát biểu sẽ được viết theo những cách nhất định.

Bài phát biểu trong buổi lễ phát động một phong trào hay một hoạt động xã hội là bài trình bày đề hưởng ứng, ủng hộ mục đích và nội dung của phong trào hay hoạt động xã hội đó. Ví dụ: bài phát biểu trong lễ phát động trồng cây nhằm bảo vệ

môi trường, bài phát biểu trong lễ phát động quyên góp ủng hộ nhân dân vùng bị thiên tai, bài phát biểu trong lễ phát động nhân dân tham gia phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”,...

1.2. Để viết được bài phát biểu trong buổi lễ phát động một phong trào hay một hoạt động xã hội, các em cần chú ý:

- Tìm hiểu về thời gian, địa điểm, mục đích, nội dung chính của buổi lễ ấy.
- Xác định và tìm hiểu về người nghe (lứa tuổi, nghề nghiệp, trình độ,...).
- Xác định bố cục của bài phát biểu (có mở đầu, nội dung chính và kết thúc); lựa chọn và sắp xếp nội dung phát biểu theo bố cục đã lựa chọn. Nội dung phát biểu cần đúng trọng tâm, rõ ràng, mạch lạc.
- Lựa chọn từ ngữ, các phương tiện hỗ trợ (tranh, ảnh, đoạn phim ngắn,...) để làm nổi bật thông điệp mà em muốn truyền đạt.

Ngoài ra, cần xem lại nội dung các yêu cầu thực hành viết qua bốn bước.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập: *Chọn một trong hai đề sau:*

(1) *Học trực tuyến đang ngày càng trở nên phổ biến. Tuy nhiên, nhiều học sinh ở trường hoặc địa phương em có hoàn cảnh khó khăn, chưa có máy tính để học trực tuyến. Nhằm hỗ trợ những học sinh ấy có điều kiện để học tập hiệu quả, Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường em tổ chức lễ phát động phong trào quyên góp máy tính để tặng cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Em được đề nghị phát biểu trong buổi lễ đó. Hãy viết bài phát biểu của em.*

(2) *Ở Việt Nam, “Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực giới (Tháng hành động) được triển khai từ ngày 15-11 đến ngày 15-12 hằng năm (bắt đầu từ năm 2016). Tháng hành động đóng vai trò là chiến dịch truyền thông cao điểm về bình đẳng giới, mở đầu cho hàng loạt các hoạt động hưởng ứng với các quy mô khác nhau trên cả nước. Mỗi năm một chủ đề, Tháng hành động đã góp phần mạnh mẽ trong việc thu hút sự quan tâm và tham gia của nhân dân và đẩy mạnh công tác tuyên truyền về bình đẳng giới”⁽¹⁾.*

Năm nay, địa phương em có tổ chức một buổi lễ phát động để hưởng ứng Tháng hành động trên. Em được mời phát biểu tại buổi lễ với tư cách là đại diện cho học sinh phổ thông của địa phương. Hãy viết bài phát biểu của mình.

(1) Theo <https://ipvietnam.gov.vn>.

a) Chuẩn bị (ví dụ với đề 1)

Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề:

– Thời gian, địa điểm: trong buổi lễ phát động của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

– Nội dung chính của bài phát biểu: lí do tham dự lễ phát động, nguyên nhân và ý nghĩa của việc quyên góp và tặng máy tính cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, một số cách thức quyên góp phù hợp.

– Đối tượng (người nghe): giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh, một số nhà hảo tâm,...

– Mục đích hoặc động cơ phát biểu: hưởng ứng nội dung của lễ phát động.

Ngoài ra, em cần xác định các phương tiện hỗ trợ (tranh, ảnh, đoạn phim ngắn,...).

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài phát biểu bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

+ Lí do tham dự lễ phát động của em là gì?

+ Em có cảm xúc gì khi tham dự lễ phát động này?

+ Vì sao phải quyên góp và tặng máy tính cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn?

+ Việc làm đó có ý nghĩa như thế nào?

+ Mọi người có thể quyên góp và tặng máy tính cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn bằng những cách nào?

+ Em và các bạn học sinh trường em sẽ làm gì để góp phần làm cho lễ phát động được thành công?

– Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

c) Viết

– Viết bài phát biểu theo dàn ý đã lập.

– Chú ý sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; thể hiện sự chân thành, nghiêm túc và mong muốn buổi lễ phát động được thành công.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Viết*, mục d (trang 28); đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

2.2. Rèn luyện kĩ năng viết: Thao tác lập luận bình luận

a) Cách thức

Bình luận là nêu nhận xét, đánh giá về sự đúng sai, thật giả, hay dở, lợi hại của các hiện tượng trong đời sống hoặc văn học. Trước một ý kiến, chủ trương, sự việc,

con người, tác phẩm văn học,... mọi người đều có thể bình luận nhằm bày tỏ ý kiến của mình. Bình luận có tác dụng khẳng định cái đúng, cái hay, cái thật, cái lợi; phê bình cái sai, cái dở, lên án cái xấu, cái ác nhằm làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp, tiến bộ.

Muốn bình luận một vấn đề, các em cần chú ý:

– Xác định đối tượng cần bình luận và trình bày các đặc điểm của đối tượng một cách đầy đủ, khách quan.

– Nêu ý kiến bình luận của người viết:

+ Phân tích đối tượng một cách cụ thể, từ đó chỉ ra cái đúng, cái tốt, cái lợi, phê phán cái sai, cái xấu, cái hại một cách khách quan, trung thực.

+ Nhìn nhận đối tượng từ nhiều quan hệ. Mỗi sự vật, hiện tượng đều có quan hệ với nhiều sự vật, hiện tượng khác. Vì thế, khi bình luận, cần xem xét nhiều mặt để thấy hết tính chất, ý nghĩa của vấn đề, tránh cái nhìn thiên lệch, áp đặt.

+ Trong quá trình bình luận, cần vận dụng kết hợp các thao tác lập luận khác như giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ,... để trình bày ý kiến bình luận của bản thân sao cho sáng tỏ, thuyết phục và hấp dẫn.

b) Bài tập

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

“Đối với trẻ em ở các quốc gia nghèo, kết nối mạng trong tương lai hứa hẹn cơ hội được tiếp cận những công cụ giáo dục mới, mặc dù rõ ràng là không ở cùng một mức độ như ở các quốc gia giàu có... Nó hứa hẹn rằng những đứa trẻ có khả năng tiếp cận các thiết bị di động và Internet sẽ có thể tiếp thu kiến thức bằng hai cách, qua trường lớp trong thế giới thật và thế giới ảo, ngay cả khi lớp học ảo là không chính thức và mang tính chất tự giác.

Ở những nơi mà nhu cầu cơ bản của người dân không được chính phủ đáp ứng đầy đủ, hay ở những khu vực không an toàn, những công nghệ kỹ thuật số cơ bản như điện thoại di động sẽ cung cấp các lựa chọn an toàn và rẻ tiền cho những gia đình muốn giáo dục con cái họ. Một đứa trẻ không thể đi đến trường học vì nhà ở xa, thiếu an toàn hay không có tiền đóng học phí sẽ được cứu thoát khỏi sự tăm tối nếu cô bé hay cậu bé đó có điện thoại di động. Ngay cả đối với những đứa trẻ không thể tiếp cận các kho dữ liệu hay thế giới Internet, thì những dịch vụ di động như nhắn tin và IVR (một loại công nghệ nhận dạng giọng nói có thể trả lời các thắc mắc của khách hàng bằng những thông tin thu sẵn), có thể là lối thoát giáo dục cho chúng. Cài sẵn vào các máy tính bảng và điện thoại di động các trình ứng dụng giáo dục chất lượng cao và các nội dung giải trí trước khi bán sẽ bảo đảm rằng những người “nghèo băng thông”,

không có đường kết nối mạng đáng tin cậy, sẽ vẫn thu được những lợi ích từ những thiết bị này. Và đối với những trẻ em phải học theo những lớp quá tải hay thiếu giáo viên, hay chương trình học do nhà nước thiết kế quá kém, kết nối mạng thông qua thiết bị di động sẽ hỗ trợ việc học và giúp chúng phát triển được toàn bộ tiềm năng, cho dù các em xuất thân từ những gia đình nghèo.”.

(Theo *Sống sao trong thời đại số?*, E-ric Smít (Eric Schmidt),
Giác Cô-hen (Jared Cohen), NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2014)

- Trong đoạn trích trên, tác giả bình luận về vấn đề gì?
- Quan điểm của tác giả về vấn đề đó như thế nào?
- Từ đoạn trích trên, kết hợp với những trải nghiệm của bản thân, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 15 – 20 dòng) bình luận về hiệu quả của việc sử dụng các phương tiện kết nối mạng trong học tập của học sinh ở lớp hoặc trường của em.

NÓI VÀ NGHE

TRANH LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ NHỮNG Ý KIẾN TRÁI NGƯỢC NHAU

1 Định hướng

1.1. Ở Bài 4, *Ngữ văn 12*, tập một, các em đã được rèn luyện kỹ năng tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau. Bài 9 tiếp tục rèn luyện kỹ năng này. Về mục đích, nội dung, cách thức và yêu cầu tranh luận, các em xem lại Bài 4 (trang 130) để vận dụng vào bài này. Hoạt động chính tập trung vào thực hành tranh luận theo hướng dẫn ở mục 2. *Thực hành*.

1.2. Để tranh luận về một vấn đề có nhiều ý kiến trái ngược nhau, các em cần chú ý:

- Xác định chính xác vấn đề cần tranh luận; thu thập thông tin về vấn đề đó.
- Nêu ra được quan điểm, chính kiến của bản thân; xác định được quan điểm, chính kiến đối lập với mình.
- Tìm được những lí lẽ, bằng chứng (nhất là những tri thức khoa học), các phương tiện hỗ trợ để bảo vệ quan điểm của bản thân, đồng thời bác bỏ quan điểm đối lập.
- Dự kiến trước được hoặc xác định rõ những câu hỏi, nội dung bác bỏ / phản biện của người nghe để chuẩn bị các phương án trả lời.

– Xác định và nắm vững các nguyên tắc tranh luận: nêu đầy đủ và rõ ràng vấn đề cần tranh luận; tôn trọng người tham gia tranh luận; bác bỏ quan điểm của đối phương với lí lẽ và dẫn chứng rõ ràng, không được bảo thủ; có thái độ khách quan, thiện chí khi tranh luận;...

– Kết luận về vấn đề phải được nêu ra một cách chặt chẽ, thuyết phục và được các bên nhất trí, ủng hộ. Kết luận về vấn đề có thể thừa nhận tính đúng đắn của một bên, hoặc xác nhận một số điểm đúng đắn, hợp lí của cả hai bên,... cũng có thể nêu lên một ý kiến khác.

– Thực hiện tranh luận theo quy trình đã nêu ở ý 1.1.

Ngoài ra, để đảm bảo cho cuộc tranh luận được diễn ra khách quan, cần có người điều hành để nêu vấn đề, dẫn dắt và kết luận. Ngôn ngữ và thái độ tranh luận phải phù hợp, có văn hoá,...

2) Thực hành

Bài tập: *Về việc cho học sinh sử dụng điện thoại có kết nối mạng như một phương tiện học tập trong giờ học ở nhà trường, có người đồng tình nhưng có người lại phản đối. Các em hãy đóng vai người đồng tình và người phản đối để tranh luận về vấn đề này.*

a) Chuẩn bị

Mỗi bên (cá nhân hoặc nhóm) cần:

– Tìm hiểu kĩ về vấn đề cần tranh luận (học sinh sử dụng điện thoại có kết nối mạng như một phương tiện học tập trong giờ học ở nhà trường), thu thập thông tin về vấn đề ở nhiều nguồn khác nhau.

– Xác định rõ quan điểm của bản thân hoặc quan điểm chung của nhóm về vấn đề (đồng tình hay phản đối).

– Cách thức, phương tiện để bảo vệ quan điểm của bản thân / nhóm.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài nói bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

+ Lí do nào khiến nhiều người cho rằng điện thoại có kết nối mạng là một phương tiện học tập?

+ Việc sử dụng điện thoại như là một phương tiện học tập ở trường học mang lại những hiệu quả hay tác hại như thế nào?

+ Những cách sử dụng điện thoại như là một phương tiện học tập ở trường học như thế nào là đúng hoặc sai?

+ Cần có những giải pháp nào để nâng cao hiệu quả sử dụng điện thoại như là một phương tiện học tập ở trường học?

– Lập dàn ý cho phần trình bày ý kiến của bản thân hoặc nhóm bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần: Mở đầu, Nội dung chính, Kết thúc.

c) Nói và nghe

Cuộc tranh luận tiến hành theo trình tự sau:

(1) Chủ tọa (người điều hành): nêu vấn đề cần tranh luận.

(2) Lần lượt các bên nêu quan điểm của mình.

(3) Các bên thực hiện tranh luận:

+ Hỏi – đáp với người có quan điểm khác để hiểu rõ hơn về vấn đề và nắm vững quan điểm của họ.

+ Bác bỏ ý kiến, quan điểm trái ngược; phân tích, chứng minh để bảo vệ quan điểm của em. Thao tác này có thể lặp đi lặp lại nhiều lần (thành nhiều vòng) để các bên nêu được tất cả những quan điểm, ý kiến của mình hoặc các quan điểm, ý kiến nảy sinh sau mỗi lần nghe giúp tranh luận đến cùng về vấn đề đã nêu.

(4) Chủ tọa nêu kết luận về vấn đề.

Những lưu ý đối với người nói và người nghe: Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 31); đối chiếu với mục 1. *Định hướng* và dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 6, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 31); đối chiếu với ý 1.2 của mục 1. *Định hướng* và dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau, chọn phương án đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 6) và trả lời các câu hỏi (từ câu 7 đến câu 10):

Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a người phụ nữ phi thường

Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a có nhiều đóng góp cho toán học và cơ học. Tên của bà gắn liền với một định lí quan trọng của giải tích học⁽¹⁾: định lí Cô-si – Cô-va-lép-xcai-a (Cauchy – Kovalevskaya).

1 Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a không chỉ là một nhà toán học lỗi lạc người Nga, mà còn là một nhà văn và người ủng hộ quyền phụ nữ trong thế kỉ XIX. Chính cuộc

(1) *Giải tích học*: ngành Toán học nghiên cứu các hàm số, giới hạn, phép vi phân, tích phân,...

đấu tranh để có được nền giáo dục tốt nhất của bà đã bắt đầu mở rộng cánh cửa vào các trường đại học cho phụ nữ. Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a có nhiều đóng góp đáng chú ý cho toán học và cơ học. Tên của bà gắn liền với một định lý quan trọng của giải tích học: định lý Cô-si – Cô-va-lép-xcai-a.

2 Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a, sinh ngày 15-1-1850 tại Mát-xcơ-va (Moscow), Nga. Bà là con thứ hai trong gia đình thượng lưu thuộc dòng họ Kru-cốp-xki (Krukovsky).

Ngày nhỏ, Xô-phi-a được nuôi dưỡng và giáo dục trong lãnh địa dòng họ Kru-cốp-xki, bên một vú nuôi người Anh có học thức, biết nhiều thứ tiếng. Bên cạnh những kiến thức phổ thông, vú nuôi còn dạy cho Xô-phi-a biết nói tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Đức. Một lần, người vú nuôi chưa tìm đủ giấy dán tường nên lấy tập bài giảng cũ (thời cha cô đi học) đem dán tạm. Đó là lần đầu tiên cô bé Xô-phi-a tiếp xúc với toán học, “... hể lúc nào rảnh lại nhìn chăm chú vào những cái hình và công thức “kì lạ” ấy”, chị của Xô-phi-a kể lại.

Nhưng chú Pi-tơ (Peter) mới là người khơi dậy trí tò mò về toán học trong cô bé. Ông quan tâm tới và dành thời gian để thảo luận về nhiều khái niệm trừu tượng và toán học với cô ấy. Khi Xô-phi-a 14 tuổi, cô tự học lượng giác để hiểu phần quang học của một cuốn sách vật lý mà cô đang đọc. Tác giả của cuốn sách và cũng là hàng xóm của cô đã vô cùng ấn tượng với khả năng của Xô-phi-a và thuyết phục cha mẹ cô tìm giáo viên dạy thêm cho Xô-phi-a.

Năm 1866 – 1867, gia đình Kru-cốp-xki về nghỉ ở Xanh Pê-téc-bua, tại đây Xô-phi-a được học toán cao cấp với một thầy giáo chuyên dạy toán tại nhà.

3 Xô-phi-a quyết tâm tiếp tục học lên đại học. Tuy nhiên, ở nước Nga cũng như hầu hết các nước khác ở châu Âu thời ấy, phụ nữ không được phép ghi tên vào trường đại học. Trường đại học gần nhất mở cửa cho phụ nữ là ở Thụy Sĩ. Nhưng ngày đó phụ nữ Nga không được phép đi ra nước ngoài (du lịch hoặc học tập) một mình, mà phải đi cùng chồng hoặc có giấy cho phép của cha hoặc chồng.

Trước khao khát được ra nước ngoài tìm cơ hội học tập của Xô-phi-a, gia đình phải sắp xếp một cuộc hôn nhân “giả” cho cô. Xô-phi-a kết hôn với Vla-di-mia Cô-va-lép-xki (Vladimir Kovalevsky, một sinh viên chuyên ngành Sinh vật học) vào tháng 9-1868, khi đó Xô-phi-a 18 tuổi.

Cặp đôi ở lại Xanh Pê-téc-bua trong vài tháng đầu tiên của cuộc hôn nhân và sau đó đi đến một thành phố ở miền Tây Nam nước Đức để Xô-phi-a xin vào đại học. Tại đây, Xô-phi-a chỉ được ghi danh với tư cách sinh viên dự thính⁽¹⁾. Cô ghi

(1) *Dự thính*: dự (lớp học, hội nghị) chỉ để nghe, không được cấp bằng hoặc quyền phát biểu, biểu quyết (vì không có tư cách là một thành viên hay một đại biểu chính thức).

tên học vật lí và toán học với nhiều giáo sư danh tiếng. Xô-phi-a ngay lập tức thu hút được sự chú ý của các thầy giáo với khả năng toán học khác thường của mình. Tất cả các giáo sư khác đều rất yêu mến cô học trò người Nga xuất sắc và nói về cô như một hiện tượng khác thường.

Vào những năm 1870, Xô-phi-a chuyển đến Béc-lin (Berlin) để theo học Vai-ơ-xtrát (Weierstrass), một trong những nhà toán học nổi tiếng nhất trong thời đại bấy giờ. Nhưng Ban Giám hiệu đã từ chối, thậm chí còn không cho Xô-phi-a ghi tên dự thính các khoá học ở trường, bất chấp những cố gắng của Vai-ơ-xtrát và những đồng nghiệp của ông. Nhưng nhờ sự quyết tâm và khả năng khác thường của Xô-phi-a mà Giáo sư Vai-ơ-xtrát đã nhận lời và dạy riêng cho cô suốt bốn năm liền.

Vào cuối bốn năm học của mình, cô đã xuất trình ba bài báo với hi vọng được cấp bằng. Bài đầu tiên trong số này thậm chí còn được xuất bản trên tạp chí của Cren-lơ, một vinh dự to lớn đối với một nhà toán học vô danh. Giáo sư Vai-ơ-xtrát lúc đó còn cho rằng mỗi một bài báo này xứng đáng với học vị tiến sĩ.

Vào tháng 7-1874, Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a được cấp bằng tiến sĩ từ Đại học Gơ-tinh-ghen (Göttingen). Tuy nhiên, ngay cả với tấm bằng danh giá và thư tiến cử⁽¹⁾ đặc biệt của Vai-ơ-xtrát, Xô-phi-a vẫn không thể được nhận vào giảng dạy trong trường đại học, mặc dù có nhiều nguyên nhân, giới tính vẫn là cản trở lớn nhất.

Xô-phi-a và Vla-di-mia quyết định trở về với gia đình. Không lâu sau, khi cô trở về nhà, cha cô đột ngột qua đời. Chính trong khoảng thời gian đau khổ này, Xô-phi-a và Vla-di-mia đã yêu nhau. Năm 1878, họ cùng nhau chào đón cô con gái nhỏ ra đời. Trong thời gian này, Xô-phi-a tạm rời xa toán học, và thay vào đó, cô phát triển khả năng văn chương của mình. Cô đã thử sức với tiểu thuyết, bài phê bình sân khấu và các bài báo khoa học cho một tờ báo.

4 Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a bắt đầu trở lại với các nghiên cứu toán học vào những năm 1880. Năm 1882, bà đã xuất bản ba bài báo về khúc xạ ánh sáng. Trong đó, bài báo đầu tiên có giá trị rất lớn, bởi nội dung bao gồm những giải thích lí thuyết của Vai-ơ-xtrát đối với việc giải một số phương trình đạo hàm riêng.

Mùa xuân năm 1883, Vla-di-mia (người chồng mà Xô-phi-a đã li thân) tự tử. Sau cú sốc đó, bà tự giam mình vào công việc toán học nhằm xua tan cảm giác tội lỗi. Đầu năm 1884, bà đã tìm được một công việc phù hợp, là giảng viên không lương tại Đại học Xtốc-khôm (Stockholm). Nhờ tài năng nổi trội, Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a được kí hợp đồng chính thức vào tháng 6-1884. Tháng 6-1889, bà được phong hàm giáo sư. Bà trở thành người phụ nữ đầu tiên là giáo sư chính thức tại một trường đại học của

(1) *Tiến cử*: giới thiệu người có tài năng để được sử dụng.

châu Âu. Sự công nhận này cũng giúp Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a có được địa vị cao quý trong giới thượng lưu trí thức Thụy Điển.

Tháng 2-1884, bà được bổ nhiệm vào Hội đồng Biên tập của tạp chí toán học *Ác-ta Ma-te-ma-ti-ca* (Acta Mathematica).

Những năm 1884 – 1890, Cô-va-lép-xcai-a đã tiến hành nhiều nghiên cứu quan trọng. Bà giảng bài về những vấn đề mới nhất trong giải tích và trở thành Tổng biên tập tạp chí *Ác-ta Ma-te-ma-ti-ca*. Bà giữ liên lạc với các nhà toán học tại Pa-ri, Béc-lin và tham gia vào việc tổ chức các hội nghị quốc tế. Khi vị trí và tài năng của bà được giới khoa học công nhận, xã hội chú ý, bà bắt đầu viết kịch, hồi kí – những công việc mà bà rất yêu thích khi còn trẻ.

Những công trình nghiên cứu tiêu biểu của Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a trong những năm 1884 – 1890:

Năm 1884: Công bố đề tài thứ hai về tích phân trong luận án tiến sĩ trên Tạp chí *Ác-ta Ma-te-ma-ti-ca* số tháng 4-1884 bằng tiếng Đức. Gửi bài nghiên cứu về sự truyền của ánh sáng trong môi trường tinh thể, đăng trong báo cáo hằng tuần của Viện Hàn lâm Khoa học Pa-ri.

Năm 1885: Công bố đề tài thứ ba về vành đai của Sao Thổ trong luận án tiến sĩ bằng tiếng Đức.

Năm 1886: Công bố bài báo *Hồi ức về thi sĩ E-li-ốt (Eliot)* trên tờ báo *Tư tưởng Nga*, số tháng 6, 1886.

Năm 1887, cùng với nhà văn, nhà biên kịch An-na Sác-lốt Lép-phơ – Ét-gren (Anne Charlotte Leffler – Edgren) hoàn thành vở kịch *Đấu tranh cho Hạnh phúc*.

Năm 1888, với đề tài nghiên cứu về sự quay của một vật thể rắn (cơ học cổ điển) bà được giải thưởng Boóc-đanh (Bordin) của Viện Hàn lâm Khoa học Pa-ri.

Năm 1889, công bố bài nghiên cứu về đề tài sự quay của một vật thể rắn bằng tiếng Anh trên tạp chí *Ác-ta Ma-te-ma-ti-ca* số tháng 12. Công bố một bài tiểu luận văn học về nhà văn Xan-tư-cốp Sê-đrin (Saltykov-Shchedrin, 1826 – 1889) trên một tờ báo Pháp.

Cũng trong thời gian này, Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a được bầu làm Viện sĩ Thông tấn của Viện Hàn lâm Khoa học Xanh Pê-téc-bua.

Năm 1890, bà tiếp tục nghiên cứu đề tài về sự quay của một vật thể rắn và cho công bố bài nghiên cứu *Về một tính chất của hệ phương trình vi phân xác định phép quay của một vật thể rắn chung quanh một điểm cố định* trên *Ác-ta Ma-te-ma-ti-ca*. Với nghiên cứu này, bà được giải thưởng của Viện Hàn lâm Khoa học Thụy Điển.

Bên cạnh đó, bà còn xuất bản tập hồi kí *Thời thơ ấu của một đứa trẻ Nga* và vở kịch *Cô gái theo thuyết hư vô*.

5 Công trình được công bố cuối cùng của Cô-va-lép-xcai-a là một bài báo ngắn *Về một định lí của M. Brân* (M. Bruns). Đầu năm 1891, khi đang trên đỉnh cao của sáng tạo toán học và vinh quang, Cô-va-lép-xcai-a mất vì sưng phổi.

(Theo DIỆU THUẦN (tổng hợp), <https://phunumoi.net.vn>)

1. Văn bản trên có sự kết hợp giữa những phương thức biểu đạt nào?

- A. Tự sự và miêu tả
- B. Tự sự và biểu cảm
- C. Tự sự và thuyết minh
- D. Tự sự và nghị luận

2. Thông tin trong văn bản được trình bày, sắp xếp theo những cách nào?

- A. Theo trật tự thời gian và các khía cạnh của đối tượng
- B. Theo trật tự thời gian và mức độ quan trọng của thông tin
- C. Theo trật tự thời gian và mối quan hệ nhân quả
- D. Theo trật tự thời gian và so sánh, đối chiếu

3. Nhận định nào **không** đúng về mục đích của văn bản trên?

- A. Giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp của Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a
- B. Ca ngợi tài năng nhiều mặt và những cống hiến của Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a
- C. Cho thấy Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a đã vượt qua được sự phân biệt đối xử với phụ nữ
- D. Phân tích sâu về giá trị của định lí Cô-si – Cô-va-lép-xcai-a

4. Thông tin nổi bật nhất trong văn bản là gì?

- A. Hoàn cảnh xuất thân của Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a
- B. Quá trình học toán của Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a khi còn thơ ấu
- C. Những năm học toán ở đại học của Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a
- D. Những công trình nghiên cứu tiêu biểu của Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a

5. Câu nào sau đây là sự đánh giá đầy đủ nhất của người viết về Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a?

- A. “Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a không chỉ là một nhà toán học lỗi lạc người Nga, mà còn là một nhà văn và người ủng hộ quyền phụ nữ trong thế kỉ XIX.”
- B. “Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a có nhiều đóng góp đáng chú ý toán học và cơ học.”

C. “Tên của bà gắn liền với một định lí quan trọng của giải tích học: định lí Cô-si – Cô-va-lép-xcai-a.”

D. “Tất cả các giáo sư khác đều rất yêu mến cô học trò người Nga xuất sắc và nói về cô như một hiện tượng khác thường.”

6. Nguyên nhân nào khiến Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a không được nhận vào giảng dạy trong trường đại học ở Đức?

A. Vì cô là phụ nữ

B. Vì cô không phải là người Đức

C. Vì cô chưa phải là giáo sư

D. Vì cô chỉ là một nhà toán học vô danh

7. Tác giả bài viết dựa vào thông tin Xô-phi-a khao khát được ra nước ngoài tìm cơ hội học tập và được cấp bằng tiến sĩ chủ yếu nhằm nhấn mạnh điều gì?

8. Chỉ ra tính chất mạch lạc của văn bản.

9. Văn bản đưa đến cho em những hiểu biết mới mẻ nào về nhà toán học Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a và vấn đề bình đẳng giới trong thế kỉ XIX ở nước Nga và châu Âu?

10. Từ văn bản trên kết hợp với những hiểu biết của bản thân, em hãy cho biết làm thế nào để khắc phục hiện tượng phân biệt đối xử với phụ nữ một cách có hiệu quả?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc thêm các văn bản thông tin tổng hợp có nội dung về công nghệ thông tin và bình đẳng giới. Lưu lại những thông tin quan trọng, hữu ích với bản thân.

2. Tham gia các buổi lễ phát động về một phong trào hoặc một hoạt động xã hội (khi có điều kiện) để hiểu hơn về mục đích, nội dung và ý nghĩa của các phong trào hay hoạt động đó; làm tăng trải nghiệm và vốn sống cho bản thân.

3. Thường xuyên tham gia tranh luận về một vấn đề có nhiều ý kiến khác nhau để hiểu sâu và toàn diện về các vấn đề của đời sống hoặc văn học.

BÀI 10

TỔNG KẾT

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Nhận biết và hệ thống hoá được những vấn đề cơ bản của lịch sử văn học Việt Nam (các bộ phận văn học, thời kì, giai đoạn văn học, tác giả, tác phẩm, thể loại, ngôn ngữ văn học,...); vận dụng được kiến thức về lịch sử văn học và kĩ năng tra cứu để sắp xếp một số tác phẩm, tác giả lớn theo tiến trình lịch sử văn học; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.
- ▶ Hệ thống hoá kiến thức về tiếng Việt đã học ở trường phổ thông; vận dụng được một số kiến thức vào thực tế.
- ▶ Hiểu và biết cách vận dụng các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe vào học tập và sinh hoạt hằng ngày.
- ▶ Trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị của văn học Việt Nam, của tiếng Việt.

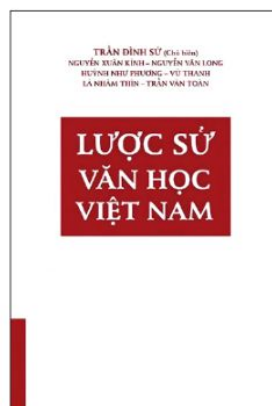
I. TỔNG KẾT LỊCH SỬ VĂN HỌC

Đọc hiểu văn bản

KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ VĂN HỌC VIỆT NAM

Văn học Việt Nam gắn liền với sự hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam, là nền văn học có hàng nghìn năm lịch sử với nhiều thành tựu to lớn, rực rỡ.

Văn học Việt Nam gồm hai bộ phận có quan hệ mật thiết với nhau: *văn học dân gian* và *văn học viết*.



Phần I. VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

1. Văn học dân gian là gì?

Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng, sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể, thường gắn liền và tham gia vào mọi mặt sinh hoạt của đời sống cộng đồng; thể hiện nhận thức, tư tưởng, tình cảm của nhân dân về tự nhiên, xã hội, con người.

2. Những đặc trưng của văn học dân gian

Văn học dân gian có ba đặc trưng lớn:

– Thứ nhất, văn học dân gian mang tính *truyền miệng*. Truyền miệng là phương thức sáng tác và lưu truyền của văn học dân gian. Do tồn tại và lưu truyền bằng miệng nên tác phẩm văn học dân gian có những dị bản (bản khác nhau).

– Thứ hai, văn học dân gian mang tính *tập thể*. Phương thức sáng tác tập thể có liên quan tới phương thức truyền miệng của văn học dân gian. Tác phẩm hình thành, lúc đầu có thể do một người khởi xướng, sáng tác, nhưng sau đó, những người khác tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa trong quá trình lưu truyền. Do phương thức truyền miệng mang tính tập thể dễ nhớ, dễ thuộc, dễ lưu truyền, để tiêu biểu cho cả cộng đồng nên có những cốt truyện, nhân vật, tình tiết, hình ảnh,... lặp lại ở nhiều tác phẩm khác nhau, làm thành mô típ trong văn học dân gian.

– Thứ ba, văn học dân gian mang tính *nguyên hợp*. Trong văn học dân gian, nhiều khi các yếu tố ngôn từ, âm nhạc, vũ điệu,... quyện hoà vào nhau, không chia tách. Càng về sau, càng gần thời hiện đại, tính nguyên hợp trong văn học dân gian càng mờ nhạt. Vì vậy, bên cạnh khuynh hướng thưởng thức văn học dân gian trong mối liên hệ với làn điệu, lời diễn xướng, khung cảnh diễn xuất,... còn có khuynh hướng ngày càng phổ biến là thưởng thức văn học dân gian giống như thưởng thức văn bản văn học viết (đọc, ngâm, xem bằng mắt).

3. Hệ thống thể loại của văn học dân gian

Có thể xếp thể loại văn học dân gian vào những hệ thống thể loại lớn một cách tương đối như sau:

– Thể loại tự sự dân gian

+ Thần thoại: thể loại văn xuôi, thường kể về các vị thần sáng tạo thế giới tự nhiên và văn hoá, phản ánh nhận thức, cách hình dung của thời cổ đại về nguồn gốc thế giới, đời sống con người; phản ánh khát vọng chinh phục tự nhiên và sáng tạo văn hoá.



+ Sử thi: thể loại văn vần hoặc văn xuôi kết hợp với văn vần, xây dựng những hình tượng nghệ thuật hoành tráng, hào hùng, kể lại những sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với toàn thể cộng đồng.

+ Truyền thuyết: thể loại văn xuôi kể lại những sự kiện, nhân vật lịch sử (hoặc có liên quan đến lịch sử), thường dùng yếu tố tưởng tượng để huyền thoại hoá, lí tưởng hoá sự kiện, nhân vật được kể, phản ánh ý thức về lịch sử của nhân dân: ngưỡng mộ, tôn vinh những người có công đối với đất nước, dân tộc, cộng đồng, đôi khi vừa đề cao vừa phê phán nhân vật lịch sử.

+ Truyện cổ tích: thể loại văn xuôi có cốt truyện và hình tượng được hư cấu, kể về những nhân vật như người mồ côi, người con riêng, người em út, người dũng sĩ, người thông minh tài trí, chàng ngốc,... qua đó, thể hiện quan niệm đạo đức, lí tưởng và ước mơ về hạnh phúc, về công lí của nhân dân.

+ Truyện thơ: thể loại tự sự bằng thơ, kết hợp phương thức tự sự với trữ tình, phản ánh số phận và khát vọng của con người về tình yêu, hạnh phúc lứa đôi và sự công bằng xã hội.

Ngoài ra, trong thể loại tự sự dân gian còn có *truyện ngụ ngôn*, *truyện cười*, vè.

– Thể loại trữ tình dân gian

Ca dao, dân ca là thể loại trữ tình dân gian bằng văn vần, thường kết hợp với âm nhạc khi diễn xướng, diễn tả đời sống nội tâm của con người.

– Thể loại sân khấu dân gian

Chèo, tuồng, đờ, trò diễn có tích truyện: các tác phẩm sân khấu dân gian, có sự kết hợp giữa kịch bản với nghệ thuật diễn xuất, giữa trữ tình và trào lộng để ca ngợi những tấm gương đạo đức hoặc phê phán, đả kích cái xấu trong xã hội.

Ngoài ra, trong văn học dân gian còn các thể loại khác như *tục ngữ*, *câu đố*,...

?

1. Em hiểu văn học dân gian là gì? Lấy dẫn chứng để làm rõ cách hiểu đó.

2. Văn học dân gian có những đặc trưng lớn nào? Lấy ví dụ để làm sáng tỏ những đặc trưng đó.

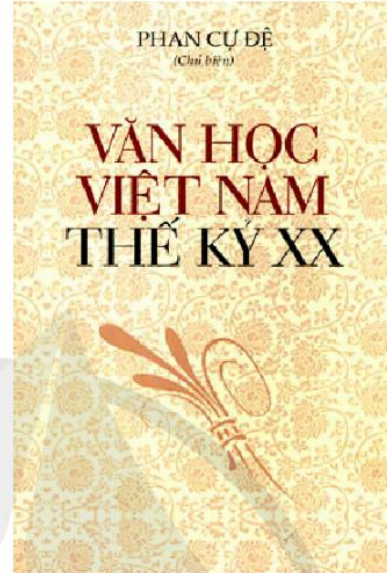
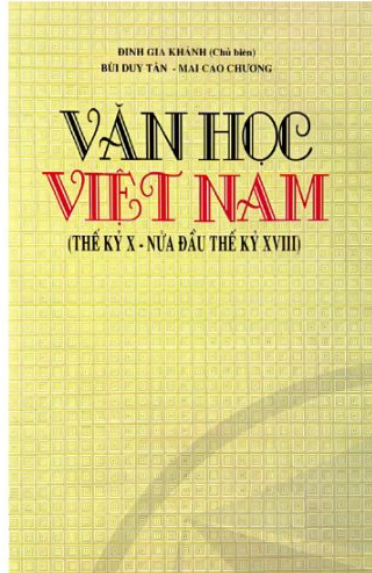
3. Tìm hiểu về hệ thống thể loại văn học dân gian:

a) Lập sơ đồ về hệ thống thể loại văn học dân gian.

b) Liên hệ với các tác phẩm văn học dân gian đã được học để dẫn ra ví dụ cụ thể cho mỗi thể loại đã nêu ở mục a.

Phần II. VĂN HỌC VIỆT VIỆT NAM

Văn học viết Việt Nam phát triển qua hai thời kì lớn là thời kì văn học trung đại (từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX) và thời kì văn học hiện đại (từ đầu thế kỉ XX đến nay).



1. Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX

Văn học Việt Nam trong mười thế kỉ này trải qua hai giai đoạn lớn.

1.1. Văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XVII

– Về bối cảnh lịch sử:

Sau chiến thắng Bạch Đằng (năm 938), Ngô Quyền xưng vương, dân tộc ta giành được quyền độc lập, tự chủ, kết thúc nghìn năm đô hộ của phong kiến phương Bắc. Tuy nhiên, nhân dân ta vẫn luôn phải tiến hành những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, lập nhiều kì tích trong bảo vệ đất nước (chống Tống thế kỉ X, chống Mông Nguyên thế kỉ XIII, chống Minh thế kỉ XV). Sau các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là công cuộc xây dựng đất nước trong hoà bình. Chế độ phong kiến Việt Nam đạt tới đỉnh cao cực thịnh ở nửa cuối thế kỉ XV, nhưng bước sang thế kỉ XVI, chế độ phong kiến lâm vào khủng hoảng.

– Về văn học:

Văn học có bước ngoặt lớn: xuất hiện văn học viết bên cạnh văn học dân gian. Văn học viết gồm hai thành phần: *văn học chữ Hán* và *văn học chữ Nôm*.

+ Ở phương diện nội dung, xét trên những nét lớn, văn học giai đoạn này mang nội dung yêu nước với âm hưởng hào hùng. Từ thế kỉ XVI, văn học chuyển hướng từ cảm hứng ngợi ca đất nước và vương triều phong kiến sang cảm hứng phê phán xã hội với những suy thoái về đạo đức.

+ Ở phương diện nghệ thuật, về ngôn ngữ, lúc đầu các sáng tác chỉ sử dụng chữ Hán, sau đó, vào khoảng cuối thế kỉ XIII, bước đầu sử dụng chữ Nôm để sáng tác. Từ thế kỉ XV, sáng tác chữ Nôm đã có những thành tựu lớn với thơ Nôm của Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm,... Về thể loại, lúc đầu chủ yếu là những thể loại văn học tiếp thu từ Trung Quốc (thơ Đường luật, phú, chiếu, hịch,...), từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVII, thể loại dân tộc hoá – thơ Nôm Đường luật có những thành tựu nổi bật, xuất hiện thể loại văn học nội sinh (do nền văn học dân tộc tự sản sinh) là truyện thơ Nôm viết theo thể thơ Đường luật. Tác phẩm, tác giả tiêu biểu: *Chiều dòi đò* (Lý Công Uẩn); *Sông núi nước Nam* (khuyết danh); *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn); *Phú sông Bạch Đằng* (Trương Hán Siêu); *Đại cáo bình Ngô*, *Quốc âm thi tập*, *Ức Trai thi tập* (Nguyễn Trãi); *Bạch Vân quốc ngữ thi tập* (Nguyễn Bỉnh Khiêm); *Truyện kì mạn lục* (Nguyễn Dữ); v.v.

1.2. Văn học từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX

– Về bối cảnh lịch sử:

Đất nước có nhiều biến động bởi nội chiến phong kiến, bởi phong trào nông dân khởi nghĩa và cuộc chiến tranh vệ quốc làm “thay đổi sơn hà”. Phong trào nông dân khởi nghĩa mà đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Tây Sơn của Nguyễn Huệ đã cùng một lúc dẹp cả thù trong, giặc ngoài, thống nhất đất nước. Phong trào Tây Sơn suy yếu, triều Nguyễn khôi phục quyền lực, đất nước nằm trong hiểm hoạ xâm lược từ phương Tây (1858), cuối cùng rơi vào tay thực dân Pháp năm 1884. Nhân dân ta tiếp tục phát huy tinh thần yêu nước bất khuất, kiên cường đứng lên chống giặc ngoại xâm với sức mạnh quật khởi. Chế độ phong kiến từ suy tàn đến suy vong. Xã hội Việt Nam bước đầu chịu ảnh hưởng của văn hoá phương Tây.

– Về văn học:

Văn học phát triển mạnh mẽ với nhiều đỉnh cao, nhiều thành tựu nghệ thuật lớn. Văn học thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX được mệnh danh là giai đoạn văn học cổ điển với hàm nghĩa là thành tựu rực rỡ nhất, nhiều đỉnh cao nghệ thuật trở thành điển phạm, kết tinh từ đời trước, khuôn mẫu cho đời sau. Nửa cuối thế kỉ XIX – giai đoạn cuối của văn học trung đại vẫn có nhiều thành tựu nghệ thuật nổi bật trước khi văn học dân tộc chuyển mình sang thời kì văn học hiện đại.

+ Ở phương diện nội dung, văn học từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX xuất hiện trào lưu nhân đạo chủ nghĩa. Điểm đặc sắc của chủ nghĩa nhân đạo trong văn học giai đoạn này là tiếng nói đòi quyền sống, đòi quyền hạnh phúc và đấu tranh giải phóng con người. Văn học hướng về những con người nhỏ bé, hướng về người phụ nữ để nói lên cả những đau khổ và khát vọng của họ. Văn học hướng đến con người trần thế, bước đầu phản ánh cả con người cá nhân. Văn học giai đoạn nửa cuối thế kỉ

XIX mang nội dung yêu nước với âm hưởng bi tráng. Bên cạnh giá trị nhân đạo, văn học giai đoạn này còn mang giá trị hiện thực sâu sắc.

+ Ở phương diện nghệ thuật, về ngôn ngữ: Sáng tác chữ Hán tiếp tục có những thành tựu lớn ở cả thơ và văn xuôi. Đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ và rực rỡ của văn học chữ Nôm. Tiếng Việt đã trở thành ngôn ngữ văn học giàu và đẹp mà *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) chính là sự kết tinh tiêu biểu nhất; Hồ Xuân Hương là “Bà chúa thơ Nôm”. Sáng tác chữ Nôm còn làm nên tên tuổi của nhiều tác giả lớn như Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương. Từ cuối thế kỉ XIX, chữ Quốc ngữ từng bước khẳng định vị thế trên văn đàn, nhưng thành tựu nổi bật vẫn thuộc về các sáng tác bằng chữ Hán, chữ Nôm. Về thể loại: Cả thể loại tiếp thu nước ngoài, thể loại dân tộc hoá và thể loại văn học nội sinh đều đạt được những thành tựu lớn. Một số sáng tác bằng chữ Quốc ngữ theo lối văn xuôi du nhập từ phương Tây cho thấy sự chuyển biến của văn học dân tộc từ thời kì trung đại sang thời kì hiện đại.

+ Tác giả, tác phẩm tiêu biểu: *Chinh phụ ngâm* (chữ Hán của Đặng Trần Côn, bản dịch chữ Nôm của Đoàn Thị Điểm?); thơ chữ Hán và *Truyện Kiều* của Nguyễn Du; thơ của Hồ Xuân Hương; *Truyện Lục Vân Tiên*; *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu; thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm của Nguyễn Khuyến; thơ chữ Nôm của Trần Tế Xương; v.v.

?

1. Phân tích một biểu hiện về mối quan hệ giữa bối cảnh lịch sử và văn học trong văn học giai đoạn từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XVII.

2. Đặc điểm của chủ nghĩa nhân đạo trong văn học từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX là gì? Bằng các tác phẩm mà em đã học, hãy làm sáng tỏ đặc điểm đó.

3. Hãy chuyển phần viết về văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX thành bảng tổng kết với những nội dung dưới đây:

Văn học	Bối cảnh lịch sử	Tình hình văn học			
		Khái quát chung	Nội dung	Nghệ thuật (ngôn ngữ, thể loại)	Tác phẩm, tác giả tiêu biểu
Thế kỉ X – XVII					
Thế kỉ XVIII – XIX					

2. Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay

2.1. Văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945

– Về bối cảnh lịch sử:

Trong giai đoạn này, thực dân Pháp đã hoàn tất việc xâm chiếm Việt Nam. Xã hội có những chuyển biến sâu sắc trên tất cả các mặt từ chính trị đến kinh tế, văn hoá theo chiều hướng thoát dần khỏi những ảnh hưởng của xã hội phong kiến để mở rộng tiếp nhận văn hoá, văn minh phương Tây mà trước hết là từ Pháp. Sự xâm chiếm của thực dân Pháp dẫn đến những xung đột dân tộc (thực dân – thuộc địa), xung đột giai cấp (tư sản – vô sản), xung đột văn hoá (cũ – mới), dẫn đến sự phân hoá thành những khuynh hướng tư tưởng khác nhau. Ảnh hưởng của tư tưởng vô sản và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản ngày càng mạnh mẽ trong xã hội, nhất là trong giai cấp công nhân và tầng lớp lao động.

– Về văn học:

Văn học đổi mới theo hướng *hiện đại hoá*. Khái niệm *hiện đại hoá* được hiểu theo nghĩa văn học thoát ra khỏi hệ thống thi pháp văn học trung đại và đổi mới theo hình thức văn học phương Tây: hình thức thể loại không bị khuôn trong tính quy phạm chặt chẽ mà tự do hơn; ngôn từ không nhiều điển cố, không thiên về biểu tượng, ước lệ mà tự nhiên và giàu chất hiện thực của đời sống; chú trọng yếu tố cá nhân trong sáng tác;... Tuy nhiên, những tinh hoa nghệ thuật của văn học truyền thống vẫn được kế thừa và phát huy theo hướng đổi mới. Hiện đại hoá văn học dẫn đến sự nở rộ của phong cách tác giả, trong đó có những phong cách lớn. Văn học phát triển với nhịp độ hết sức mau lẹ về số lượng tác giả, tác phẩm, về thể loại, về thành tựu nghệ thuật,... Văn học hình thành hai bộ phận và phân hoá thành nhiều xu hướng: bộ phận văn học hợp pháp, công khai (không bị thực dân Pháp cấm đoán) với hai xu hướng chính là văn học hiện thực và văn học lãng mạn; bộ phận văn học bất hợp pháp, không công khai (thơ văn yêu nước, cách mạng). Các bộ phận, các xu hướng văn học vừa khác biệt, đấu tranh với nhau về khuynh hướng tư tưởng và quan điểm nghệ thuật vừa tác động lẫn nhau, bổ sung cho nhau để cùng phát triển.

+ Ở phương diện nội dung, truyền thống yêu nước của dân tộc tiếp tục được phát huy, đồng thời có sự tiếp thu những luồng tư tưởng mới: nước gắn liền với dân, tinh thần yêu nước gắn liền với đấu tranh cách mạng. Chủ nghĩa nhân đạo trong văn học thời kì này vẫn tiếp tục truyền thống nhân đạo của dân tộc Việt Nam, đồng thời có sự ảnh hưởng mạnh mẽ của tinh thần dân chủ: sự thức tỉnh về ý thức cá nhân của người cầm bút, đối tượng chủ yếu của văn học là những con người bình thường trong xã hội, cảm thương trước những số phận, những hạng người thấp bé, đau khổ, phê phán xã hội thực dân phong kiến trên lập trường nhân bản vì quyền sống tự do, hạnh phúc, lương thiện,... của mỗi người.

+ Ở phương diện nghệ thuật, về ngôn ngữ: sự thay đổi quan trọng là chữ Quốc ngữ thay thế chữ Hán, chữ Nôm để trở thành văn tự chủ yếu trong báo chí và trong sáng tác văn học. Mặc dù văn học chữ Nôm và văn học chữ Quốc ngữ đều là văn học tiếng Việt, nhưng việc sử dụng chữ Quốc ngữ để sáng tác đem đến cho văn học nhiều lợi thế để hiện đại hoá và phát triển: đưa văn học đến gần và gắn bó với hiện thực đời sống, đưa văn học đến với đông đảo quần chúng. Về thể loại: những thể loại truyền thống có sự đổi mới với sự xuất hiện của thơ mới, tiểu thuyết, truyện ngắn hiện đại, sự ra đời của những thể loại mới như kịch nói hiện đại, phóng sự, phê bình văn học.

+ Tác phẩm, tác giả tiêu biểu, về loại hình tự sự: truyện ngắn của Thạch Lam, truyện ngắn và tiểu thuyết của Nam Cao, tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, truyện ngắn của Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan; ở loại hình trữ tình: thơ của Hồ Chí Minh, Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Huy Cận, Chế Lan Viên, Tố Hữu,...; về kịch: sáng tác của Nam Xương, Vũ Đình Long, Nguyễn Huy Tưởng, v.v.

2.2. Văn học từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay

a) Văn học từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến 1975

– Về bối cảnh lịch sử:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã tiến hành cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, tiếp đó là sự ra đời của nước Việt Nam mới – nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam); cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chín năm gian khổ kết thúc với chiến thắng Điện Biên “chấn động địa cầu” năm 1954; hoà bình lập lại, miền Bắc bắt tay vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam sống dưới chế độ thực dân mới; cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ với Đại thắng mùa xuân năm 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

– Về văn học:

Văn học thống nhất về khuynh hướng tư tưởng, về tổ chức, về quan niệm: văn thơ là vũ khí, nhà văn là chiến sĩ theo đường lối văn nghệ của Đảng. Văn học gắn bó với vận mệnh dân tộc, tập trung phản ánh hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước ở miền Nam; văn học hướng về đại chúng, tập trung phản ánh sức mạnh của quần chúng nhân dân. Văn học miền Nam, chủ yếu là văn học đô thị dưới chế độ thực dân mới trước năm 1975 có sự phân hoá thành những xu hướng tích cực và tiêu cực, trong đó xu hướng văn học tiến bộ, yêu nước và cách mạng có nhiều đóng góp đối với cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc.

+ Ở phương diện nội dung, văn học 1945 – 1975 mang cảm hứng chủ đạo là cảm hứng ngợi ca chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong hai cuộc kháng chiến cứu nước và trong công cuộc xây dựng đất nước của nhân dân ta. *Cảm hứng lãng mạn* và *khuynh hướng sử thi* trở thành đặc điểm nổi bật của văn học.

+ Ở phương diện nghệ thuật, về ngôn ngữ: có sự kết hợp giữa ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ mang đậm chất sử thi, giữa hình tượng mang vẻ đẹp tự nhiên,

giản dị với hình tượng mang vẻ đẹp hào hùng, kì vĩ. Về thể loại: thơ và văn xuôi đều phát triển, giữa khói lửa chiến tranh, bên cạnh những thể loại “xung kích”, ngắn gọn, kịp thời như kí, truyện ngắn, vẫn xuất hiện những tác phẩm dài hơi, có dung lượng lớn với các thể loại trường ca, tiểu thuyết, kịch dài.

+ Tác phẩm, tác giả tiêu biểu, về loại hình tự sự: truyện ngắn của Nam Cao, Tô Hoài, Kim Lân, tiểu thuyết của Nguyên Hồng, truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng, Nguyễn Minh Châu, truyện kí của Nguyễn Thi; về loại hình trữ tình: thơ của Quang Dũng, Chính Hữu, Nguyễn Đình Thi, Tố Hữu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Xuân Quỳnh, Phạm Tiến Duật; trường ca của Nguyễn Khoa Điềm; tuỳ bút của Nguyễn Tuân, Vũ Bằng, v.v.

b) Văn học từ 1975 đến nay

– Về bối cảnh lịch sử:

Những khó khăn chồng chất của thời hậu chiến cùng với đường lối kinh tế mang tính chủ quan duy ý chí, xã hội nặng tính chất quan liêu, bao cấp,... đã đẩy nước ta đến cuộc khủng hoảng kinh tế – xã hội. Trước tình hình đó, năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối đổi mới, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, bước vào thời kì phát triển mạnh mẽ, với những thành tựu to lớn. Thời đại Đổi mới đem tới cơ hội tìm đến những chuẩn giá trị mới; cơ hội mở cửa trong quan hệ hợp tác với khu vực và thế giới. Với công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, xã hội thay đổi về nhiều mặt theo chiều hướng tích cực, làm biến đổi toàn diện hình ảnh đất nước.

– Về văn học:

Văn học của giai đoạn đổi mới tiếp tục ca ngợi thắng lợi của cuộc kháng chiến và khẳng định con đường đi lên của cách mạng, đồng thời có những tìm tòi, kiến giải mới về hiện thực. Văn học chuyển hướng từ cảm hứng sử thi khi viết về chiến tranh sang cảm hứng thế sự, đời tư; tiếp cận với xu hướng hiện đại và hậu hiện đại của văn học thế giới.

+ Ở phương diện nội dung, cảm hứng phê phán trên tinh thần nhân bản trước nhiều mặt trái mới nảy sinh trong xã hội hoặc hiện thực trước đó thường bị che khuất; thể hiện khát vọng hạnh phúc đời thường; triết lí về nhân sinh, thế sự hoặc lịch sử là những vấn đề nổi bật.

+ Ở phương diện nghệ thuật, về ngôn ngữ: bên cạnh việc sử dụng ngôn ngữ đời thường, tự nhiên, bình dị trong sáng tác văn chương là việc làm giàu các giá trị từ ngữ của tiếng Việt. Về thể loại: hệ thống thể loại văn học phong phú, đa dạng với nhiều tìm tòi đổi mới. Bút kí, phóng sự, tản văn nhanh nhạy trước những vấn đề của hiện thực xuất hiện khá nhiều. Trường ca với nhiều tác phẩm viết về chiến tranh. Truyện ngắn, tiểu thuyết, trong đó có nhiều tiểu thuyết lịch sử đạt được những thành tựu đáng ghi nhận; kịch nói phát triển mạnh mẽ và có những thành tựu lớn.

+ Tác giả, tác phẩm tiêu biểu, ở loại hình tự sự: truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Nguyễn Huy Thiệp; tiểu thuyết của Lê Lựu, Bảo Ninh, Ma Văn Kháng;

truyện kí của Minh Chuyên; loại hình trữ tình: thơ của Xuân Quỳnh, Thanh Thảo, Hữu Thỉnh, Nguyễn Quang Thiều; tùy bút của Hoàng Phủ Ngọc Tường; loại hình kịch: sáng tác của Xuân Trình, Lưu Quang Vũ, v.v.

*

Văn học Việt Nam vừa là sản phẩm vừa là động lực của quá trình hình thành và phát triển dân tộc. Phát huy thành tựu, thế mạnh vốn có của một nền văn học mang bản sắc riêng, đồng thời hoà nhập với tiến trình văn học thế giới, văn học Việt Nam sẽ ngày càng phát triển.

?

1. Những yếu tố nào của bối cảnh xã hội đã thúc đẩy tiến trình hiện đại hoá văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX?

2. Hãy chuyển phần viết về văn học từ đầu thế kỉ XX đến nay thành bảng tổng kết với những nội dung dưới đây:

Văn học		Bối cảnh lịch sử	Tình hình văn học			Tác giả tiêu biểu
			Khái quát chung	Nội dung	Nghệ thuật (ngôn ngữ, thể loại)	
Đầu thế kỉ XX – 1945						
Từ 1945 – nay	Từ 1947 – 1975					
	Từ 1975 – nay					

3. Nêu điểm giống nhau và khác nhau khi đọc tác phẩm:

- Văn học dân gian và văn học viết.
- Văn học trung đại và văn học hiện đại.

II. TỔNG KẾT TIẾNG VIỆT

1. Từ ngữ tiếng Việt

1.1. Cách giải thích nghĩa của từ

Có thể giải thích nghĩa của từ theo năm cách như sau: giải thích bằng cách nêu khái niệm mà từ biểu thị; giải thích trực quan (bằng hiện vật hoặc tranh, ảnh, mô hình); giải thích bằng cách đặt từ cần giải thích vào một câu cụ thể; giải thích bằng các từ đồng nghĩa, trái nghĩa; giải thích bằng cách giải nghĩa các thành tố tạo nên từ đó.

1.2. Sửa lỗi dùng từ

Lỗi dùng từ là cách dùng từ không đúng về hình thức ngữ âm, chính tả, ý nghĩa của từ, phong cách ngôn ngữ của văn bản hoặc dùng lặp từ. Để phát hiện và sửa lỗi dùng từ, cần kiểm tra xem các câu trong bài viết, bài nói đã thể hiện được đúng điều muốn nói chưa, các kết hợp từ có đúng ngữ pháp và phù hợp với phong cách của văn bản không,...



1. Từ “xuân” trong các đoạn thơ sau của Hồ Chí Minh mang nghĩa gì? Hãy giải thích nghĩa của từ “xuân” theo những cách khác nhau mà em biết.

- a) *Mùa xuân là Tết trồng cây,
Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.*
- b) *Sáu mươi tuổi hãy còn xuân chán,
So với ông Bành vẫn thiếu niên.*

2. Nhận diện và sửa lỗi dùng từ trong các câu sau:

- a) *Tôi băn khoăn nghĩ về những năm tháng tuổi thơ với bao kỉ niệm đẹp khó phai mờ.*
- b) *Cuộc họp bắt đầu lúc 7 giờ 30 phút, chúng tôi mong mỗi ông đến họp đúng giờ.*
- c) *Mỹ phẩm có nguồn gốc thiên nhiên đang là lĩnh vực kinh doanh béo bở.*
- d) *Không thể phủ nhận rằng có một lỗ hổng giữa kiến thức điện ảnh và sự tiếp nhận của công chúng.*

2. Ngữ pháp tiếng Việt

Kiến thức ngữ pháp tiếng Việt ở cấp Trung học phổ thông tập trung vào cách phát hiện và sửa các lỗi về câu như: lỗi về trật tự từ, lỗi về thành phần câu, lỗi về lô gích, lỗi đặt câu mơ hồ.

Câu mắc lỗi về trật tự từ là câu có thứ tự sắp xếp từ ngữ không phù hợp với quy tắc cấu tạo cụm từ, cấu tạo câu hoặc không phù hợp với yêu cầu diễn đạt.

Câu mắc lỗi về thành phần câu bao gồm các lỗi về cấu tạo câu, lỗi về ngữ nghĩa và lỗi về ngắt câu. Những lỗi về cấu tạo câu thường gặp là: Câu thiếu chủ ngữ, câu thiếu vị ngữ hoặc câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ. Nguyên nhân của loại lỗi này là người viết / người nói nhầm lẫn các thành phần phụ với thành phần chính trong câu. Lỗi về ngữ nghĩa là do thiết lập quan hệ ngữ nghĩa không phù hợp giữa chủ ngữ và trạng ngữ. Lỗi về ngắt câu là do dùng sai dấu câu.

Câu hoặc đoạn văn, văn bản mắc lỗi lô gích là câu (đoạn văn, văn bản) có những thông tin, lập luận mâu thuẫn nhau hoặc thiếu nhất quán, không đầy đủ, không rõ ràng.

Câu mơ hồ là câu mắc lỗi dùng từ hoặc lỗi cấu tạo khiến người nghe / người đọc có thể hiểu theo nhiều cách khác nhau.



Nhận diện, phân loại và sửa lỗi trong các câu sau:

- a) *Được các bạn sinh viên trồng những cây xanh bên lề đường để che bóng mát cho trường.*
- b) *Không ngờ từ những lần lân la ở các tụ điểm chơi game ấy, đã làm anh mê máy tính lúc nào không hay.*
- c) *Trong thơ nói riêng và kịch nói chung, Lưu Quang Vũ đã để lại dấu ấn cá nhân đậm nét với những sáng tạo độc đáo, mới mẻ.*
- d) *Chị ấy đi chợ chiều mới về.*
- đ) *Anh ấy mới xây một ngôi nhà tuy nhỏ và xinh xắn ở ven hồ.*

3. Hoạt động giao tiếp

3.1. Các biện pháp tu từ

Biện pháp tu từ là sự phối hợp các phương tiện ngôn ngữ trong hoạt động nói, viết để tạo ra cách diễn đạt gợi hình, gợi cảm, tác động mạnh vào nhận thức và tình cảm của người nghe, người đọc. Ở cấp Trung học phổ thông, các em đã học sáu biện pháp tu từ sau:

Loại biện pháp tu từ	Tên biện pháp tu từ
Các biện pháp tu từ ngữ nghĩa	1. Nói mỉa
	2. Nghịch ngữ
Các biện pháp tu từ cú pháp	3. Liệt kê
	4. Chêm xen
	5. Lập cấu trúc (lập cú pháp, điệp cú pháp)
	6. Đối

3.2. Hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường

Thông thường, trong giao tiếp, chúng ta phải thực hiện đúng các quy tắc về cách phát âm, dùng từ, cấu tạo cụm từ, cấu tạo câu, dấu câu,... Tuy vậy, trong một số trường hợp, người nói / người viết vẫn có thể phá vỡ có chủ ý một số quy tắc để thể hiện những sự vật, hiện tượng, cảm xúc, nhận xét đặc biệt, nhằm tăng cường hiệu quả giao tiếp. Các trường hợp phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường là: tách rời các tiếng trong từ; tạo ra những kết hợp từ bất bình thường; chuyển từ loại; thay đổi trật tự từ trong cụm từ; thay đổi trật tự từ trong câu; tỉnh lược thành phần chính của câu; tách một bộ phận câu thành câu;...

3.3. Sửa lỗi về đoạn văn và văn bản

Lỗi trong đoạn văn và văn bản gồm hai loại: lỗi về mạch lạc và lỗi về liên kết. Lỗi về mạch lạc biểu hiện ở việc các câu của đoạn văn (hoặc các đoạn văn, các phần trong văn bản) không nói về cùng một chủ đề; mâu thuẫn với nhau hoặc không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. Lỗi về liên kết biểu hiện ở chỗ người viết không sử dụng phương tiện liên kết giữa các câu trong một đoạn văn (hoặc các phần, các đoạn văn trong văn bản) hoặc sử dụng phương tiện liên kết không phù hợp.

3.4. Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu

Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ mà họ sáng tạo ra hoặc sở hữu. Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu có nghĩa là trích dẫn trung thực ý tưởng, lời văn của tác phẩm mà chúng ta dựa vào; trình bày tài liệu tham khảo của tiểu luận hay báo cáo trung thực, chính xác; không mạo danh tác giả hoặc tự ý công bố tác phẩm của người khác, sử dụng tác phẩm của người khác để thu lợi bất chính,... Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ là hành vi trung thực, văn minh, phù hợp với quy định của pháp luật và đạo lí.



1. Giới thiệu một biện pháp tu từ được sử dụng trong một bài thơ mà em đã đọc và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đó.

2. Nhận diện một số trường hợp phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong những dòng thơ dưới đây. Phân tích tác dụng của việc phá vỡ quy tắc ấy.

Những ngón chân xương xẩu, móng dài và đen toẽ ra như móng chân gà mái

Đã năm năm, mười lăm năm, ba mươi năm và nửa đời tôi thấy

Những người đàn bà xuống gánh nước sông

*Những búi tóc võ xối xả trên lưng áo mềm và ướt
Một bàn tay họ bám vào đầu đòn gánh bé bỏng chơi vơi
Bàn tay kia bầu vào mây trắng
Sông gục mặt vào bờ đất lẩn đi*

(Nguyễn Quang Thiều)

4. Sự phát triển của ngôn ngữ

4.1. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ

Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ gồm: các tín hiệu của cơ thể như ánh mắt, nụ cười, nét mặt, cử chỉ,...; các tín hiệu bằng hình khối, màu sắc như kí hiệu, công thức, biển báo, đồ thị, hình vẽ, tranh, ảnh, các kĩ thuật in ấn (in nghiêng, in đậm,...),...; các tín hiệu bằng âm thanh như tiếng kêu, tiếng gõ, tiếng nhạc,... Trong giao tiếp hằng ngày cũng như trong các bài viết, bài thuyết trình, việc phối hợp phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ với phương tiện giao tiếp ngôn ngữ giúp cho lời nói, bài viết không chỉ dễ tiếp nhận vì súc tích, cụ thể, rõ ràng mà còn hấp dẫn vì có tính biểu cảm và sinh động.

4.2. Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

Ngôn ngữ nói sử dụng phương tiện âm thanh (lời nói) kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ để thực hiện giao tiếp trực tiếp giữa người nói và người nghe. Ngôn ngữ nói sử dụng từ ngữ đơn giản, dễ hiểu, có tính biểu cảm cao và các kiểu câu đa dạng.

Ngôn ngữ viết sử dụng phương tiện chữ viết kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ để thực hiện giao tiếp giữa người viết và người đọc. Ngôn ngữ viết sử dụng từ ngữ trau chuốt, hoàn chỉnh, hạn chế dùng câu tỉnh lược, câu đặc biệt.

4.3. Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

Ngôn ngữ trang trọng là ngôn ngữ được sử dụng trong giao tiếp chính thức, đảm bảo chuẩn mực về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và phong cách, ưu tiên sử dụng từ toàn dân với nghĩa chính thống, lịch sự.

Ngôn ngữ thân mật là ngôn ngữ được sử dụng trong phạm vi sinh hoạt hằng ngày, thường sử dụng từ ngữ có sắc thái gần gũi và các kiểu câu đa dạng.

4.4. Giữ gìn và phát triển tiếng Việt

Giữ gìn tiếng Việt là bảo vệ sự trong sáng và giàu có của tiếng Việt – tài sản vô cùng lâu đời và quý báu mà cha ông đã để lại cho chúng ta. Phát triển tiếng Việt là

không ngừng mở rộng vốn từ, khả năng diễn đạt của tiếng Việt, hoàn thiện, chuẩn hoá tiếng Việt, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước và làm cho tiếng Việt ngày càng phổ biến rộng khắp.

Giữ gìn và phát triển tiếng Việt có vai trò quan trọng trong việc bảo toàn các giá trị văn hoá truyền thống và nâng cao vị thế dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hoá ngày càng mở rộng.



1. Sử dụng đồ hoạ hoặc sơ đồ tư duy, bảng biểu,... để tóm tắt các đặc điểm của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói; ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật; phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

2. Viết một đoạn văn (khoảng 10 – 15 dòng) trình bày suy nghĩ của em về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và phát triển tiếng Việt trong giai đoạn hiện nay.

III. TỔNG KẾT PHƯƠNG PHÁP ĐỌC, VIẾT, NÓI VÀ NGHE

1. Phương pháp đọc

Đối tượng đọc hiểu gồm ba loại văn bản lớn: văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Mỗi loại văn bản có các thể loại và tiểu loại.

1.1. Yêu cầu chung của việc đọc hiểu văn bản

a) Phải tự mình trực tiếp đọc văn bản, quan sát hình thức từ câu chữ, bố cục, nhan đề đến cách thức trình bày văn bản.

b) Tìm kiếm, phát hiện, phân tích, suy luận về ý nghĩa các thông tin, thông điệp; quan điểm, thái độ, tư tưởng, tình cảm, cảm xúc,... được gửi gắm trong văn bản; nhận biết và chỉ ra được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản.

c) Liên hệ với các yếu tố ngoài văn bản như bối cảnh ra đời, hoàn cảnh xã hội, tác giả và các tác phẩm có cùng đề tài; đặc biệt là với các trải nghiệm của cá nhân người đọc để hiểu sâu hơn nội dung và ý nghĩa của văn bản.

1.2. Yêu cầu đọc hiểu theo thể loại và kiểu văn bản

Bên cạnh việc đáp ứng các yêu cầu chung đã nêu (mục 1.1), các em cần chú ý các yêu cầu riêng của mỗi thể loại và kiểu văn bản.

a) Đọc hiểu văn bản văn học

– Đọc truyện cần chú ý các đặc trưng tự sự: cốt truyện, tình huống, nhân vật, chi tiết, điểm nhìn, lời văn trần thuật và các bút pháp nghệ thuật gắn với từng tiểu loại của văn bản như truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện thần thoại, truyện truyền kì, truyện thơ Nôm,... Thông qua các yếu tố hình thức trên để hiểu thông điệp, nội dung, tư tưởng của truyện.

– Đọc thơ cần chú ý các nét đặc trưng trữ tình như: mạch cảm xúc, cảm hứng trữ tình; cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình, khổ thơ, vần, nhịp, câu tứ, hình ảnh, các biện pháp tu từ, ngôn ngữ,... gắn với mỗi tiểu loại (thơ Đường luật, thơ tự do, thơ lục bát,...). Từ các yếu tố hình thức này mà hiểu tình cảm, cảm xúc chủ đạo và thông điệp tư tưởng từ văn bản thơ.

– Đọc văn bản kí cần chú ý tính xác thực và cái “tôi” của tác giả; màu sắc trữ tình, ngôn ngữ giàu chất thơ, ngôi kể, điểm nhìn, các thủ pháp nghệ thuật gắn với mỗi tiểu loại của kí (tùy bút, tản văn, phóng sự, hồi kí, bút kí, truyện kí,...) và dấu ấn cá nhân của người viết,... Thông qua hình thức văn bản mà hiểu được thái độ, tình cảm, tư tưởng của tác giả và ý nghĩa xã hội của các vấn đề văn bản kí nêu lên,...

– Đọc kịch bản văn học cần chú ý cách trình bày (hồi, mục, cảnh, hệ thống nhân vật, lời thoại và các chỉ dẫn nghệ thuật,...), nội dung, tư tưởng; cách tổ chức mâu thuẫn, xung đột và giải quyết vấn đề; các biện pháp nghệ thuật gắn với đặc điểm của mỗi tiểu loại (hài kịch, bi kịch);... Từ đó để hiểu được nội dung, tư tưởng, thái độ của tác giả, cũng như ý nghĩa xã hội và tác động của các vấn đề mà kịch bản nêu lên.

b) Đọc hiểu văn bản nghị luận

– Mục đích của văn nghị luận là thuyết phục bằng cách lập luận chặt chẽ, trình bày những lí lẽ và bằng chứng sáng rõ. Ngoài ra, văn nghị luận còn thuyết phục người nghe / người đọc bằng tình cảm, cảm xúc của người nói / người viết (tính biểu cảm).

– Khi đọc văn bản nghị luận, các em cần chú ý nhận biết và đánh giá được sự đúng đắn, mới mẻ, độc đáo của luận đề, luận điểm mà văn bản nêu lên; thấy được các lí lẽ, bằng chứng, tiêu biểu, đa dạng, đều tập trung làm rõ cho luận điểm, luận đề; nhận biết được cảm xúc, thái độ, nhiệt huyết của người viết thể hiện trong văn bản; phân tích được đặc điểm ngôn ngữ văn nghị luận: vừa lô gích, chặt chẽ vừa giàu màu sắc biểu cảm.

c) Đọc hiểu văn bản thông tin

– Mục đích của văn bản thông tin là chuyển tải thông tin một cách khách quan, hiệu quả bằng các dữ liệu, con số, hình ảnh, sự kiện,... với hình thức trình bày và cách nêu thông tin đa dạng, hấp dẫn.

– Khi đọc hiểu văn bản thông tin, các em cần chú ý xác định được nội dung các thông tin cơ bản, đánh giá được tầm quan trọng và ý nghĩa của các thông tin trong văn bản; nhận biết được cách triển khai thông tin của bài viết (nguyên nhân – kết quả, triển khai theo thời gian, không gian hay theo mức độ quan trọng của thông tin,...); hiểu được tác dụng của hình thức trình bày thông tin (nhân đề, sa pô, các đề mục nhỏ, bố cục, hình ảnh,...); nhận biết được tác dụng của các yếu tố tạo nên văn bản thông tin tổng hợp.



1. Ở sách *Ngữ văn* cấp Trung học phổ thông, em đã học những thể loại cụ thể nào? Dẫn ra mỗi thể loại tên một số văn bản cụ thể tiêu biểu.

2. Tại sao văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin lại có chung một số yêu cầu đọc hiểu? Nêu một số điểm khác biệt cần chú ý khi đọc văn bản văn học so với đọc văn bản nghị luận và văn bản thông tin.

3. Từ kinh nghiệm của bản thân, theo em, yêu cầu nào là quan trọng nhất của việc đọc hiểu văn bản văn học? Vì sao?

2. Phương pháp viết

Viết là diễn đạt những gì người viết nghe, thấy, suy nghĩ và cảm xúc theo một kiểu văn bản cụ thể. Để viết một văn bản, các em cần lưu ý:

– Xác định mục đích biểu đạt và đề tài: kể lại hay miêu tả; thuyết phục hay bày tỏ tình cảm hoặc giới thiệu thông tin? Viết về cái gì (sự vật, hiện tượng, con người,...)?

– Xác định kiểu bài chính và sự kết hợp các phương thức biểu đạt khác (tự sự, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh,... kênh chữ, kênh hình,...).

– Tạo lập văn bản theo quy trình bốn bước (chuẩn bị; tìm ý và lập dàn ý; viết; kiểm tra và chỉnh sửa); vận dụng kết hợp các kỹ năng viết cụ thể để diễn đạt bài văn sinh động, đạt hiệu quả cao,... không chép lại văn của người khác.

– Thực hành nhiều và bằng các hình thức khác nhau ở mọi lúc, mọi nơi,...



Theo em, vì sao khi viết một văn bản cần lưu ý một số điểm nêu trên? Hãy chọn một điểm để giải thích.

3. Phương pháp nói và nghe

Nói và nghe luôn đi đôi với nhau và được thực hiện thường xuyên hơn so với đọc và viết. Trong sách giáo khoa, nội dung nói – nghe thường gắn với phần đọc hiểu và viết ở mỗi bài. Để có kỹ năng nói và nghe tốt, khi học ngữ văn, các em cần lưu ý:

- Rèn luyện cả ba yêu cầu: nội dung, cách thức và thái độ, tình cảm khi nói – nghe.
- Thực hành theo quy trình các bước: chuẩn bị; tìm ý và lập dàn ý; nói và nghe; kiểm tra và chỉnh sửa.
- Chú ý kỹ năng nào chưa tốt: nói, nghe hay thảo luận / tranh luận. Cần rèn luyện kỹ năng nói – nghe ở nhiều tình huống và bối cảnh giao tiếp khác nhau.



Lí giải vì sao khi nói và nghe cần lưu ý các điểm nêu trên. Trong giao tiếp nói – nghe, em còn những hạn chế, thiếu sót gì?

ÔN TẬP VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.
- ▶ Hiểu yêu cầu về mục tiêu, nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập trong việc tự đánh giá kết quả học tập cuối học kì II.

NỘI DUNG ÔN TẬP

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Lập bảng so sánh những thể loại và kiểu văn bản đọc hiểu giữa sách *Ngữ văn 12*, tập một và tập hai.

Câu 2. Cấu trúc và các nội dung chính của Bài 6 khác gì với các bài khác trong sách *Ngữ văn 12*, tập hai?

Câu 3. Chỉ ra và làm sáng tỏ một số đặc điểm của tiểu thuyết hiện đại, phong cách hiện thực và phong cách hiện đại qua các đoạn trích tiểu thuyết trong Bài 7.

Câu 4. Các văn bản thơ trong Bài 8 có đặc điểm chung về hình thức như thế nào? Nêu một số lưu ý về cách đọc các văn bản ấy.

Câu 5. Tác dụng của phần *Tổng kết lịch sử văn học* được nêu trong Bài 10. Phân tích yêu cầu của việc học nội dung này.

VIẾT

Câu 6. Nêu một số điểm giống nhau và khác nhau giữa yêu cầu viết ở Bài 6 và Bài 9; Bài 7 và Bài 8.

NÓI VÀ NGHE

Câu 7. Các nội dung chính được rèn luyện trong phần *Nói và nghe* ở sách *Ngữ văn 12*, tập hai là gì? Xác định kĩ năng trọng tâm phần nói và nghe của mỗi bài học.

TIẾNG VIỆT

Câu 8. Phân tích tác dụng của một trong các yếu tố: ngữ âm, từ vựng, các biện pháp tu từ, các kiểu câu,... trong một văn bản văn học tự chọn.

Câu 9. Nội dung tổng kết tiếng Việt và tổng kết phương pháp đọc, viết, nói, nghe ở Bài 10 có tác dụng gì?

ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

Nội dung	<ul style="list-style-type: none">– Kiểm tra, đánh giá năng lực đọc hiểu và viết văn bản.– Các kiến thức và kĩ năng đã học được yêu cầu vận dụng vào tình huống mới, với ngữ liệu mới tương tự các ngữ liệu đã học.– Khuyến khích sự sáng tạo trong ý tưởng và thể hiện, trình bày.
Hình thức	<ul style="list-style-type: none">– Thời lượng làm bài đánh giá trong 2 tiết (90 phút).– Phạm vi kiến thức đã học trong sách <i>Ngữ văn 12</i>, tập hai.– Yêu cầu đọc hiểu một văn bản mới có thể loại hoặc kiểu văn bản như các văn bản đã học thuộc ba loại: văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin.– Câu hỏi đọc hiểu kết hợp cả trắc nghiệm khách quan và tự luận; tăng tỉ lệ yêu cầu viết tự luận (câu trả lời ngắn).– Đánh giá năng lực viết qua một đoạn hoặc bài văn ngắn với hình thức như so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, nghị luận về vai trò của văn học với tuổi trẻ,...

I. Đọc hiểu

Đọc đoạn trích sau, chọn phương án đúng của mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5) và trả lời các câu hỏi (từ câu 6 đến câu 10):

“*Tây Tiến*, tên gọi ấy của bài thơ đã gợi lên âm hưởng quân hành vào cái thời đặc biệt phát triển những khúc hát *Nam tiến*, *Tiến quân ca*,... Phải chăng nhà thơ đã xoá bớt chữ *Nhớ* trong nhan đề bản in lần thứ nhất để khiến cảm giác về hành khúc mạnh mẽ hơn?

Nhưng *Tây Tiến* viết bằng thể thất ngôn, trong truyền thống, từng tạo ra những bài thơ buồn bã nhất, từ *Thăng Long thành hoài cổ* (Bà Huyện Thanh Quan) tới *Nguyệt cầm* (Xuân Diệu), *Tống biệt hành* (Thâm Tâm),...

Bởi thế, có lẽ nên gọi *Tây Tiến* là một khúc độc hành. Đoàn quân đã đi xa, một mình nhà thơ ngược lại con đường – trong kí ức:

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi*

Khi kí ức mãnh liệt, nó có khả năng hiện tại hoá quá khứ. Từ câu thơ thứ ba, những hình ảnh sống động như xuất hiện trong hiện tại: chính điều này đã khiến bài thơ phẳng phất đáng dấp của một khúc quân hành hơn là một hồi tưởng.

Giống như *Tiến quân ca* và mọi khúc quân hành, trong *Tây Tiến*, chúng ta thấy nổi lên hình tượng con đường. Song đây không phải là một con đường khái quát, con đường biểu tượng như trong *Xếp bút nghiên* (Lưu Hữu Phước) hoặc *Tiến quân ca*. Con đường *Tây Tiến* được kết bằng những địa danh Việt và Lào dọc lên trầm bổng như ca hát, xa lạ và hoang dại. Có lẽ hiếm có bài thơ nào được điểm xuyết bằng nhiều tên miền, tên châu, tên bản đến như thế. Phải chăng âm thanh trầm bổng của chúng đã mô phỏng bằng nhạc điệu những trạng thái trái ngược giữa độ dốc, độ cao và độ sâu:

*Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời*

Trong bài thơ, chỉ có một cái tên thành thị, hoa lệ: đó là Hà Nội. Nhưng đó không phải là một cái mốc có thật trên đường *Tây Tiến*, mà là “*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*”. Hà Nội ở đây trở thành cái mốc của độ cao bởi giấc mơ chính là một đỉnh điểm.

Không phải ngẫu nhiên Quang Dũng thích thú với những âm thanh trầm bổng của địa danh đến như thế. Đó là cảm hứng của cả một thời cách mạng phát hiện ra đất nước. “*Những tên làng, tên núi, tên sông / Những cái tên đọc lên nghe muốn khóc*”, một nhà thơ cùng thời với Quang Dũng cũng đã viết như vậy.”.

[...]

(ĐẶNG ANH ĐÀO, “*Tây Tiến*”, khúc độc hành,
in trong *Tiếng nói tri âm*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1996)

1. Đoạn trích trên sử dụng kết hợp thao tác lập luận nào?

- A. Giải thích và chứng minh
- B. Bác bỏ và chứng minh
- C. Phân tích và so sánh
- D. Chứng minh và so sánh

2. Yếu tố nào thể hiện rõ nhất tính chất nghị luận của đoạn trích?

- A. Kể câu chuyện về đoàn quân Tây Tiến trong kháng chiến chống thực dân Pháp
- B. Miêu tả cảnh vật và tên những địa danh Việt và Lào trong bài thơ *Tây Tiến*
- C. Nêu lên những nhận xét về sự hùng mạnh của đoàn quân Tây Tiến
- D. Thuyết phục người đọc về âm hưởng độc đáo của bài thơ *Tây Tiến*

3. Nội dung chính của đoạn trích nêu trên là gì?

- A. Những địa danh, những người lính *Tây Tiến* trong nỗi nhớ của nhà thơ
- B. Nhan đề, thể thơ và những địa danh đã làm nên khúc độc hành *Tây Tiến*
- C. Sự khốc liệt của chiến trường và sự hi sinh của người lính *Tây Tiến*
- D. Bài *Tây Tiến* ra đời cùng thời với bài *Nguyệt Cầm* và *Tống biệt hành*

4. Câu văn nào sau đây dẫn ra bằng chứng khách quan?

- A. Trong bài thơ, chỉ có một cái tên thành thị, hoa lệ: đó là Hà Nội.
- B. Khi kí ức mãnh liệt, nó có khả năng hiện tại hoá quá khứ.
- C. Bởi thế, có lẽ nên gọi *Tây Tiến* là một khúc độc hành.
- D. Đó là cảm hứng của cả một thời cách mạng phát hiện ra đất nước.

5. Mục đích của việc so sánh với *Tiến quân ca* và một số tác phẩm khác trong đoạn trích trên là gì?

- A. Làm nổi bật đặc điểm của những ca khúc trong thời kì này
- B. Chứng minh bài *Tây Tiến* ra đời cùng thời với *Tiến quân ca*
- C. Làm rõ điểm độc đáo của bài thơ *Tây Tiến* so với các tác phẩm
- D. Nêu lên ảnh hưởng của bài *Tiến quân ca* đối với bài *Tây Tiến*

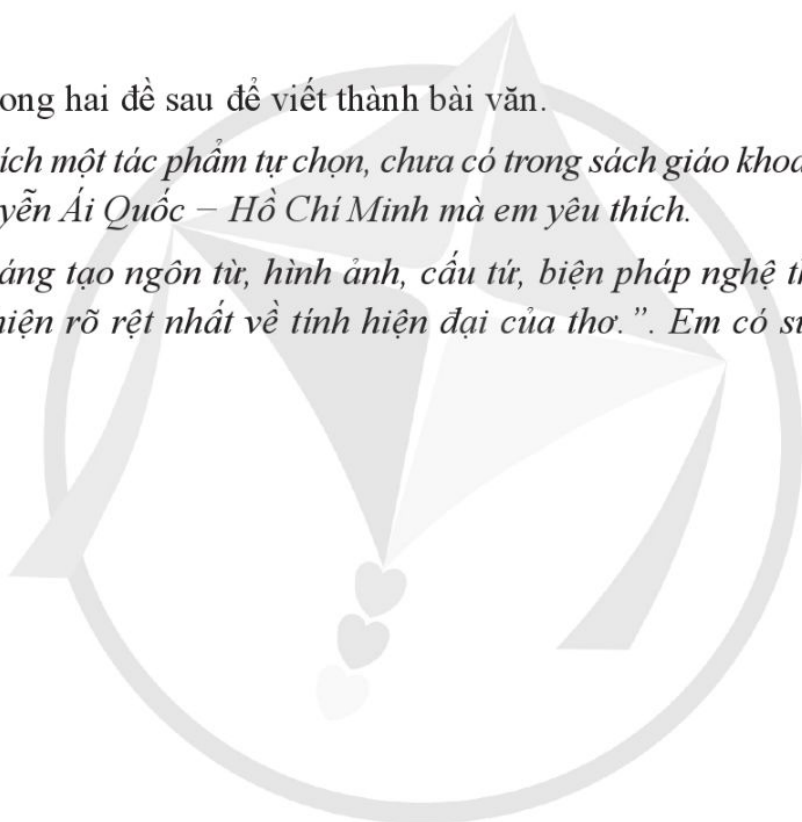
6. Nét độc đáo của bài thơ *Tây Tiến* so với *Tiến quân ca* được tác giả chỉ ra là gì?
7. Những yếu tố nào của bài thơ được người viết chú ý phân tích làm sáng tỏ ở đoạn trích trên?
8. Em hiểu “độc hành” là gì? Vì sao tác giả cho rằng “Bởi thế, có lẽ nên gọi *Tây Tiến* là một khúc độc hành.”?
9. Chỉ ra những câu văn trong đoạn trích mà người viết chú ý phân tích âm thanh, nhạc điệu trầm bổng của bài thơ.
10. Có thể rút ra được cách phân tích thơ như thế nào từ đoạn trích trên?

II. Viết

Chọn một trong hai đề sau để viết thành bài văn.

Đề 1. *Phân tích một tác phẩm tự chọn, chưa có trong sách giáo khoa “Ngữ văn 12” của tác giả Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh mà em yêu thích.*

Đề 2. *“Sự sáng tạo ngôn từ, hình ảnh, cấu tứ, biện pháp nghệ thuật được xem là những biểu hiện rõ rệt nhất về tính hiện đại của thơ.”. Em có suy nghĩ gì về ý kiến trên.*



BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ

Từ ngữ	Trang	Từ ngữ	Trang
âm hưởng	33, 116, 118,...	nguyên hợp	114
Bảo Ninh	35, 42, 48,...	Nguyễn Ái Quốc	3, 5, 6,...
bình luận	28, 56, 74,...	Nguyễn Thê Nghĩ	84, 100
bố cục	26, 27, 35,...	nhân đề	32, 35, 36,...
bối cảnh	3, 5, 13,...	nhân vật	21, 24, 33,...
chủ đề	31, 33, 34,...	nhật kí	4, 5, 9,...
chữ Hán	6, 10, 11,...	nghị luận	3, 4, 5,...
chữ Nôm	32, 34, 116,...	nghịch ngữ	34, 53, 54
chữ Quốc ngữ	6, 8, 11,...	nói mỉa	3, 5, 25
Diệu Thuần	111	Phan Đình Diệu	96, 99
dữ liệu sơ cấp	82, 83	phát động	82, 101, 102,...
dữ liệu thứ cấp	83	phân tích	5, 12, 17,...
đánh giá	3, 5, 13,...	phi ngôn ngữ	5, 78, 82,...
Hê-minh-uê	35, 60, 62	phong cách	3, 4, 13,...
hành động	14, 29, 41,...	phong trào	6, 82, 90,...
hình tượng	4, 9, 63,...	so sánh	17, 20, 34,...
Hồ Chí Minh	3, 4, 5,...	tác phẩm văn học	27, 34, 54,...
lập luận	4, 9, 13,...	tập thể	78, 87, 114
Lép Tôn-xtôi	35, 49, 53,...	thái độ	9, 15, 26,...
lịch sử văn học	113, 131	Thanh Thảo	65, 122
lòng yêu nước	7, 26, 27,...	thảm mĩ	3, 35, 63,...
mạch lạc	30, 57, 82,...	thể loại	3, 5, 8,...
miêu tả	35, 41, 45,...	thơ	3, 5, 8,...

BẢNG TRA CỬU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

Tên phiên âm	Tên gốc hoặc tên tiếng Anh	Trang
A-lêch-xăng Min-lơ-răng	Alexandre Millerand	23
Ác-ta Ma-te-ma-ti-ca	Acta Mathematica	110
An-đrây Bôn-côn-xki	Andrei Bolkonsky	49, 53
An-nơ Phrăng	Anne Frank	56
Au-xtéc-lít	Austerlitz	49, 52
Béc-lin	Berlin	109, 110
Boóc-đanh	Bordin	110
Ca-na-đa	Canada	92
Cao Miên (Cam-pu-chia)	Cambodia, Campuchia	22
Chíp-kô	Chipko	90, 92, 93
Công-gô	Congo	22
Cu-tu-dốp	Koutouzov	49
Cô-si	Cauchy	107, 108, 111,
Đ. A. Xma-ri-nốp	D. A. Shmarinov	51
Đa-vốt	Davos	85
Đây-vít Peo-mát	David Perlmutter	57
Đen-tu-sô	Dentuso	59, 60
E-li-ôt	Eliot	110
E-rích Smít	Eric Schmidt	105
Giác Cô-hen	Jared Cohen	105
Gơ-tinh-ghen	Goettingen	109
Giô-đép	Joseph	39
Giu-đi Bi-đô	Judithe Bizot	90, 96

Tên phiên âm	Tên gốc hoặc tên tiếng Anh	Trang
Hen-xin-ki	Helsinki	94
Hi-ma-lay-a	Himalaya	91, 92, 95
I-ly-a An-đrây-ê-vích Rô-xtốp	Ilya Andreievich Rostov	49
I-ran	Iran	16
J. Gru-xca	J. Gruska	99
Ken-thau-din	Cantauzene	71
Ki-tô A-ya	Kito Aya	55, 57
Klôt-xơ	Klosters	85
Kru-cốp-xki	Krukovsky	108
Lê-nin	Lenin	73
Lép Tôn-xtôi	Lev Tolstoi	35, 49, 62
Lor-ca	Lorca	65, 66, 67
M. Brân	M. Bruns	111
Ma-kô	Mako	59, 61, 62
Mác-xen Prút	Marcel Proust	71
Mác-xây	Marseille	20
Mát-xcơ-va	Moscow, Moxkva	108
Mìn Đơ	Mille deux	38
Mìn Toa	Mille trois	38, 53
Na-pô-lê-ông	Napoléon	49
Na-ta-sa	Natasha	49, 50, 53
Nô-ben	Nobel	58
Oét-ton Gát	Western Ghats	93
Ô-trát-nôi-ê	Otradnoye	50, 53

Tên phiên âm	Tên gốc hoặc tên tiếng Anh	Trang
Ô-nít Hê-minh-uê	Ernest Hemingway	35
Pa-ri	Paris	9, 22, 110
Pê-téc-bua	Sankt-Peterburg, Saint-Petersburg	49, 108, 110
Phê-đê-ri-cô Gác-xi-a Lor-ca	Federico García Lorca	65
Pi-e (tiếng Nga: Pi-ôt)	Pyotr	22
Pi-ơ	Pierre	52, 53
Pi-tơ	Peter	108
Pra-ki-ti	Prakiti	92
Pu-lít-đơ	Pulitzer	58
Ri-a-dan	Ryazan	49, 50
Rô-xtốp	Rostov	49, 50, 53
Sa-y-a-đri	Sahyadri	93
Sác-li Sa-plin	Charlie Chaplin	22
Sân-đác-lan Ba-tin-gu-na	Sundarlal Batinguna	92
Sác-lô	Charlot	22
Séc	Czech, Czechia	99
Slô-va-ki-a	Slovakia	99
Tê-hê-răng	Tehran	16
Tiếp Khắc	Czechoslovakia	99
Va-ren	Varenne	9, 10
Vai-ơ-xtrát	Weierstrass	109
Van-đa-na Xi-va	Vandana Shiva	90, 91
Véc-xai	Versailles	6
Vla-đi-mia Cô-va-lép-xki	Vladimir Kovalevsky	108

Tên phiên âm	Tên gốc hoặc tên tiếng Anh	Trang
Xan Phran-xi-cô	San Francisco	16
Xan-ti-a-gô	Santiago	58, 61, 62
Xan-tur-cốp Sê-đrin	Saltykov-Shchedrin	110
Xô-nhi-a	Sonya	51
Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a	Sofia Kovalevskaya	107, 108, 109,...
Xtóc-khôm	Stockholm	109



BẢNG TRA CỨU YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG

Thứ Tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt ^(*)
1	án	1, 3, 4, 6	khảo xét, xét xử	<i>án cướp, án gian, bản án, toà án, tuyên án, xử án // án mạng, án sát</i>
2	áp	3, 5, 6, 8	ép, đè, nén	<i>áp lực, áp đảo, áp bức, áp đặt // áp chế, áp giá, đàn áp</i>
3	bác	1	rộng	<i>bác ái // bác học, uyên bác</i>
4	bại	2, 1, 7, 4	– thua – hỏng, đổ bể	<i>– thất bại, bại trận // bại tướng, bại binh, bại vong – bại não, bại tục, hủ bại // bại hoại, bại lộ</i>
5	báng	3	chê bai, dị nghị, chế giễu	<i>phỉ báng // báng bổ, nhạo báng</i>
6	bần	1, 3	nghèo, thiếu thốn	<i>bần cùng, bần tiện // bần nông, bần hàn, tẻ bần</i>
7	bí	2, 9	kín đáo, cái riêng	<i>bí danh, bí ẩn // bí hiểm, bí mật, bí quyết, bí truyền</i>
8	căn	2, 9	gốc rễ, cốt yếu	<i>căn bệnh, căn cứ // căn bản, căn do, căn nguyên</i>
9	cổ	9	một phần (trong cái gì đó)	<i>cổ phần // cổ đông, cổ phiếu (giữ nguyên mục này)</i>
10	cư	2, 1, 7	ở	<i>quần cư, cư sĩ, di cư, chung cư // biệt cư, chuyển cư, cư dân, cư gian, cư lưu, cư trú, ẩn cư, đồng cư, nhập cư, ngụ cư, toạ cư, trụ cư, trường cư</i>
11	dịch	1, 3, 5	đổi, chuyển đổi	<i>mậu dịch, dịch vụ, xê dịch // dịch chuyển</i>
12	dịch	2	chuyển nội dung diễn đạt từ ngôn ngữ (tín hiệu) này sang ngôn ngữ (tín hiệu khác)	<i>phiên dịch // dịch âm, dịch giả, dịch máy, dịch thuật</i>

(*) Cột này bao gồm những từ có trong văn bản của sách giáo khoa (phía trước dấu //) và một số từ thông dụng ở ngoài sách giáo khoa (phía sau dấu //) chứa yếu tố được giải thích

Thứ Tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt ^(*)
13	dự	2, 3, 5	– can thiệp vào – trước khi sự việc xảy ra	– can <i>dự</i> – <i>dự</i> án, <i>dự</i> định, <i>dự</i> kiến // <i>dự</i> báo, <i>dự</i> cảm, <i>dự</i> đoán, <i>dự</i> liệu, <i>dự</i> phòng, <i>dự</i> tính, <i>dự</i> trữ, <i>dự</i> trù, <i>dự</i> toán
14	dự	5	tham gia vào	<i>dự</i> thính, tham <i>dự</i> // <i>dự</i> thi, <i>dự</i> thầu, <i>dự</i> tuyển
15	dự	5, 7	khen ngợi, tiếng tốt	danh <i>dự</i> , vinh <i>dự</i>
16	đa	6, 3, 5, 1, 7, 10	nhiều	<i>đa</i> dạng, <i>đa</i> năng, <i>đa</i> số // <i>đa</i> âm, <i>đa</i> bào, <i>đa</i> cảm, <i>đa</i> cấp, <i>đa</i> chiều, <i>đa</i> diện, <i>đa</i> kếp, <i>đa</i> phương, <i>đa</i> sắc, <i>đa</i> sâu, <i>đa</i> tài, <i>đa</i> thanh,
17	đầu	5	ném, đưa, bỏ vào	<i>đầu</i> tư // <i>đầu</i> cơ, <i>đầu</i> độc, <i>đầu</i> đơn, <i>đầu</i> phiếu, <i>đầu</i> quân, <i>đầu</i> thai,
18	hãm	3	mất đi, giảm bớt	kìm <i>hãm</i> // <i>hãm</i> phanh, <i>hãm</i> tài, vây <i>hãm</i>
19	hậu	5	dày, dày dặn	hùng <i>hậu</i> // <i>hậu</i> đãi, phúc <i>hậu</i>
20	hồi	6, 2, 5, 7	xoay lại, trở về	<i>hồi</i> kí, <i>hồi</i> ức // <i>hồi</i> âm, <i>hồi</i> đáp, <i>hồi</i> hương, <i>hồi</i> phục, <i>hồi</i> quang, <i>hồi</i> sinh, <i>hồi</i> sức, <i>hồi</i> tâm, <i>hồi</i> tỉnh, <i>hồi</i> tưởng, <i>hồi</i> xuân, phản <i>hồi</i>
21	hồng	3	lớn	<i>hồng</i> phúc, khoan <i>hồng</i> // <i>hồng</i> ân, <i>hồng</i> thủy
22	huấn	6	dạy bảo	<i>huấn</i> thị // <i>huấn</i> luyện, giáo <i>huấn</i> , <i>huấn</i> thị, tập <i>huấn</i>
23	hưởng	7, 9	nhận được, được dùng	tận <i>hưởng</i> // <i>hưởng</i> lạc, <i>hưởng</i> lộc, <i>hưởng</i> phúc, <i>hưởng</i> thọ, <i>hưởng</i> thụ, <i>hưởng</i> ứng, thừa <i>hưởng</i>
24	hưởng	2, 5, 9, 10	tiếng dội lại	ảnh <i>hưởng</i> , âm <i>hưởng</i> // cộng <i>hưởng</i>
25	khả	1, 2, 3, 5, 9	có thể	<i>khả</i> năng, <i>khả</i> trợ, <i>khả</i> ô // <i>khả</i> ái, <i>khả</i> kính, <i>khả</i> nghi, <i>khả</i> quan, <i>khả</i> thi

Thứ Tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt ^(*)
26	khai	6, 2, 1, 7, 10	mở ra, mở đầu, mở mang	<i>khai hóa, khai sinh, triển khai, khai thác // khai sáng, khai thông, khai trương, khai phá, khai mạc, khai giảng, khai quốc, khai vị</i>
27	khảo		tra xét, xem xét, thí nghiệm	<i>khảo sát, tra khảo // khảo chứng, khảo cổ, khảo cứu, khảo nghiệm, khảo thí</i>
28	khẩn	2	gấp, nhanh chóng	<i>khẩn trương // khẩn cấp</i>
29	khẩn	3, 1	lòng thành thật, thỉnh cầu	<i>khẩn cầu, khẩn thiết // khẩn khoản, thành khẩn</i>
30	khẩn	1	cày ruộng	<i>khai khẩn // khẩn hoang</i>
31	khoan	3, 1	rộng rãi, rộng lượng	<i>khoan giảm, khoan hồng, khoan hoà // khoan dung, khoan hậu, khoan nhượng, khoan thứ</i>
32	khốn	1, 3	– cùng khổ, mệt mỏi – hèn hạ, đáng khinh	<i>– khốn khổ // khốn cùng, khốn đốn, khốn quẫn, khốn khó, – khốn nạn, khốn kiếp</i>
33	kỉ	3	bản thân mình	<i>trì kỉ // ích kỉ, tự kỉ, vị kỉ</i>
34	kỉ	2, 6, 7, 9	– phép tắc, lễ phép – ghi chép việc	<i>– kỉ cương, kỉ luật – kỉ niệm // kỉ yếu</i>
35	kiến	1, 3, 4, 6	trông thấy	<i>chứng kiến, hội kiến, kiến văn // kiến giải, kiến tập</i>
36	kinh	1, 3, 4	sợ hãi	<i>kinh dị, kinh hãi, kinh hoàng, kinh ngạc, hồn kinh, thất kinh // kinh động, kinh khủng, kinh tởm</i>
37	kinh	1, 2, 5, 8	qua, trải qua	<i>kinh nghiệm // kinh lịch, kinh lí, kinh niên, kinh qua</i>
38	lập	6, 2, 5, 9	– đứng – đặt ra, làm nên	<i>– biệt lập, độc lập, lập trường – lập luận, lập trình, thành lập // lập công, lập danh, lập đức, lập quốc, thiết lập</i>

Thứ Tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt ^(*)
39	liên	6, 2, 1, 7, 10	kết hợp với nhau, nối với nhau, liền với nhau	<i>liên</i> hệ, <i>liên</i> kết, <i>liên</i> lạc, <i>liên</i> minh, <i>liên</i> quan, <i>liên</i> tục // <i>liên</i> danh, <i>liên</i> doanh, <i>liên</i> đới, <i>liên</i> đoàn, <i>liên</i> hoàn, <i>liên</i> hợp, <i>liên</i> hồi, <i>liên</i> khúc, <i>liên</i> quân
40	loạn	7	lộn xộn, không có trật tự	<i>loạn</i> xạ // <i>loạn</i> lạc, <i>loạn</i> ngôn, <i>loạn</i> thần, <i>loạn</i> thể, <i>loạn</i> thị, <i>loạn</i> trí
41	luận	6, 2, 3, 5, 9	bàn bạc, suy xét	chính <i>luận</i> , dư <i>luận</i> , kết <i>luận</i> , lập <i>luận</i> , lí <i>luận</i> , thảo <i>luận</i> // bàn <i>luận</i> , bình <i>luận</i> , <i>luận</i> chiến, nghị <i>luận</i> , suy <i>luận</i> , tranh <i>luận</i>
42	mật	2, 5	kín đáo	<i>mật</i> mã, bảo <i>mật</i> // <i>mật</i> báo, <i>mật</i> danh, <i>mật</i> hiệu, <i>mật</i> đàm, <i>mật</i> lệnh, <i>mật</i> thám, <i>mật</i> vụ
43	năng	2, 3, 5, 9	tài cán, sức làm việc, có thể làm được	khả <i>năng</i> , <i>năng</i> động, <i>năng</i> khiếu, <i>năng</i> lực, <i>năng</i> suất, tài <i>năng</i> , tiềm <i>năng</i> // <i>năng</i> nổ
44	ngự	2	chống lại, ngăn lại	phòng <i>ngự</i>
45	ngự	6	thống trị, kiểm chế người dưới	<i>ngự</i> trị // chế <i>ngự</i>
46	nhiệm	1, 3, 5, 6	gánh vác, đảm đương, chức vụ	bổ <i>nhiệm</i> , <i>nhiệm</i> vụ, trách <i>nhiệm</i> , uỷ <i>nhiệm</i> // <i>nhiệm</i> kì
47	nhượng	3	nhường cho nhau, nhún nhường, bán lại	<i>nhượng</i> bộ // nhân <i>nhượng</i>
48	nội	2, 3, 5	bên trong	<i>nội</i> bộ, <i>nội</i> dung, <i>nội</i> vụ // <i>nội</i> các, <i>nội</i> chiến, <i>nội</i> địa, <i>nội</i> hàm, <i>nội</i> hạt, <i>nội</i> gián, <i>nội</i> thành, <i>nội</i> ứng, <i>nội</i> lực, <i>nội</i> tâm, <i>nội</i> quy, <i>nội</i> tạng, <i>nội</i> thương
49	phạt	3	trừng trị người phạm tội, người mắc lỗi	hình <i>phạt</i> , <i>phạt</i> đền, trừng <i>phạt</i> // <i>phạt</i> vạ
50	phòng	5, 7	phần không gian của nhà được ngăn riêng bằng tường, vách	căn <i>phòng</i> , <i>phòng</i> khách, <i>phòng</i> ngủ // gian <i>phòng</i> , <i>phòng</i> học, <i>phòng</i> họp

Thứ Tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt ^(*)
41	phòng	2, 5	giữ gìn, ngăn ngừa	bố <i>phòng</i> , đề <i>phòng</i> , <i>phòng</i> ngự, <i>phòng</i> ngừa, <i>phòng</i> thủ, quốc <i>phòng</i> // <i>phòng</i> bị, <i>phòng</i> bệnh, <i>phòng</i> dịch, <i>phòng</i> gian, <i>phòng</i> tuyến
52	phục	2, 3, 10	trở về, hồi lại, đáp lại	khắc <i>phục</i> , khôi <i>phục</i> , <i>phục</i> viên // hồi <i>phục</i> , <i>phục</i> chức, <i>phục</i> quốc
53	phục	2	cho là tài, giỏi, đáng trân trọng	cảm <i>phục</i> , kính <i>phục</i> // <i>phục</i> tài, nể <i>phục</i>
54	phục	1	quần áo	quân <i>phục</i> , y <i>phục</i> // lễ <i>phục</i>
55	quan	2, 5, 6, 7, 8, 9, 10	xem, nhìn, ý thức	chủ <i>quan</i> , bàng <i>quan</i> , bi <i>quan</i> , khách <i>quan</i> , lạc <i>quan</i> , <i>quan</i> điểm, <i>quan</i> niệm, <i>quan</i> sát, <i>quan</i> tâm, <i>quan</i> trọng
56	quan	3, 6, 8	viên chức có quyền hành trong bộ máy nhà nước, thuộc về việc công	cơ <i>quan</i> , ông <i>quan</i> , phán <i>quan</i> , <i>quan</i> chức, <i>quan</i> khách, <i>quan</i> lại, <i>quan</i> lớn, <i>quan</i> toà, <i>quan</i> thanh tra, sĩ <i>quan</i> , việc <i>quan</i>
57	sát	1, 5, 6, 9	xem xét, thấy rõ	khảo <i>sát</i> , <i>quan sát</i> , trình <i>sát</i> // giám <i>sát</i> , <i>sát</i> hạch, thị <i>sát</i>
58	tàn	2, 1, 7	– làm tổn hại – sắp kết thúc sự tồn tại, còn sót lại – ác, xấu	– tàn phá, tàn tật // tàn hại, tàn phế – lụi tàn, suy tàn, tàn dư, tàn lữa, tàn y // tàn quân, tàn tạ, tàn tích – tàn bạo, tàn khốc, tàn nhẫn // tàn sát, tham tàn
59	thác	1, 4	mở mang ra	khai <i>thác</i>
60	thứ	1, 2, 3, 5, 6	bậc, bậc dưới	con <i>thứ</i> , <i>thứ</i> ba, <i>thứ</i> hai, <i>thứ</i> nhất // <i>thứ</i> nữ, <i>thứ</i> trưởng, <i>thứ</i> yếu
61	thức	5, 7, 9, 10	hiểu biết, nhận biết, kiến giải	học <i>thức</i> , kiến <i>thức</i> , nhận <i>thức</i> , <i>thức</i> tỉnh, tri <i>thức</i> , vô <i>thức</i> , ý <i>thức</i> // <i>thức</i> giả, <i>thức</i> thời

Thứ Tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt ^(*)
62	thức	3, 5, 6, 10	phép tắc, kiểu, kiểu mẫu	công thức, hình thức, phương thức, thể thức // cách thức, dạng thức
63	thuộc	1, 4, 6, 7, 10	phạm vi sở hữu	thuộc địa, tùy thuộc // lệ thuộc, phụ thuộc, thuộc hạ, thuộc tính
64	tiềm	2, 5, 9	ngâm, ẩn chìm, kín đáo ở bên trong	tiềm ẩn, tiềm lực, tiềm năng // tiềm tàng, tiềm thức
65	tiếp	1, 2, 5, 6, 7, 9, 10	– liền nhau, nối nhau, đưa thêm vào – nhận, thu nhận – gặp gỡ, đón rước	– tiếp cận, tiếp nối, tiếp tế, tiếp tục, tiếp viện, tiếp xúc // tiếp diễn, tiếp tay, tiếp tế, tiếp ứng – tiếp nhận, tiếp quản, tiếp thu – đón tiếp, giao tiếp, tiếp đãi // tiếp khách, tiếp kiến
66	tra	1, 3	xem xét, kiểm điểm	thanh tra, tra hỏi, tra khảo, tuần tra // điều tra, tra hỏi, tra khảo, kiểm tra
67	trá		giả dối	dối trá // trá hàng, trá hình, xảo trá
68	trị	6, 3, 9, 5, 1, 9, 10	vật giá, giá vật phẩm	giá trị, trị số // trị giá
69	trị	6, 2, 3, 5, 1	– sửa sang công việc, chữa, làm cho lành – trừng phạt, cai quản, đưa vào khuôn khổ	– điều trị // trị an, trị bệnh, trị thủy – cai trị, ngự trị, quân trị, thống trị, trị tội //, nghiêm trị
70	trọng	1, 2, 3, 5, 9, 10	nặng, tôn kính, đánh giá cao, ưa chuộng	chú trọng, coi trọng, kính trọng, long trọng, quan trọng, quý trọng, trọng đại, trịnh trọng, trọng yếu, tự trọng // trọng bệnh, trọng đại, trọng đãi, , trọng tâm trọng thương, trọng tội, trọng thưởng, trọng vọng

Thứ Tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt ^(*)
71	trọng	6, 2, 3, 8, 7, 10	– nặng – tôn kính	– chú <i>trọng</i> , quan <i>trọng</i> , <i>trọng</i> đại, <i>trọng</i> yếu // <i>trọng</i> bệnh, <i>trọng</i> lực, <i>trọng</i> lượng, <i>trọng</i> tâm, <i>trọng</i> thần – kính <i>trọng</i> , long <i>trọng</i> , quý <i>trọng</i> , trang <i>trọng</i> , trịnh <i>trọng</i> // <i>trọng</i> vọng
72	trợ	3, 5, 9	giúp đỡ	hỗ <i>trợ</i> , khả <i>trợ</i> , <i>trợ</i> giúp // <i>trợ</i> cấp, <i>trợ</i> giá, <i>trợ</i> giảng, <i>trợ</i> lực
73	trực	2, 3, 5, 1, 9	thẳng, ngay thẳng, thẳng đến (không qua trung gian)	cương <i>trực</i> , <i>trực</i> diện, <i>trực</i> giác <i>trực</i> thẳng, <i>trực</i> tiếp // <i>trực</i> hệ, <i>trực</i> ngôn, <i>trực</i> tính
74	tụ	3, 5	nhóm họp lại, cất chứa	hội <i>tụ</i> , <i>tụ</i> tập // <i>tụ</i> điểm, <i>tụ</i> điện, <i>tụ</i> nghĩa, <i>tụ</i> tập
75	tuệ	5, 9	thông minh, minh mẫn	trí <i>tuệ</i> // thông <i>tuệ</i>
76	tụng	6	khen ngợi, chúc mừng	tán <i>tụng</i> // ca <i>tụng</i> , chúc <i>tụng</i>
77	tuyển	6	lựa chọn	<i>tuyển</i> cử, <i>tuyển</i> dụng // đội <i>tuyển</i> , <i>tuyển</i> chọn, <i>tuyển</i> quân, <i>tuyển</i> sinh, <i>tuyển</i> thủ
78	uy	6	– tôn nghiêm – sợ hãi	– <i>uy</i> nghi // <i>uy</i> đức, <i>uy</i> nghiêm, <i>uy</i> tín – <i>uy</i> lực, <i>uy</i> quyền, <i>uy</i> thế
79	ủy	3	giao cho thay mặt làm việc gì đó	– <i>ủy</i> nhiệm // <i>ủy</i> quyền, <i>ủy</i> thác
80	vi	5	nhỏ bé,	<i>vi</i> mô // <i>vi</i> khuẩn, <i>vi</i> mạch, <i>vi</i> trùng
81	vĩ	5, 6, 9, 10	lớn, to lớn	hùng <i>vĩ</i> , kì <i>vĩ</i> , <i>vĩ</i> mô, <i>vĩ</i> đại // <i>vĩ</i> nhân
82	vọng	2, 3, 5, 1, 7, 10	trông xa, trông mong	hì <i>vọng</i> , khát <i>vọng</i> , tuyệt <i>vọng</i> , ước <i>vọng</i> // thất <i>vọng</i> , ảo <i>vọng</i>
83	vụ	1, 2, 3, 5, 9	công việc	bưu <i>vụ</i> , chức <i>vụ</i> , dịch <i>vụ</i> , nhiệm <i>vụ</i> , nghĩa <i>vụ</i> , nội <i>vụ</i> , phục <i>vụ</i>
84	xạ	2, 5, 7	bắn, bắn ra	cao <i>xạ</i> , bức <i>xạ</i> , khúc <i>xạ</i> , <i>xạ</i> thủ // <i>xạ</i> kích

MỤC LỤC

Kí hiệu dùng trong sách

Bài	Nội dung	Trang
6. Thơ văn Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh	Yêu cầu cần đạt	3
	Kiến thức ngữ văn	3
	Độc	5
	• Đọc hiểu văn bản	5
	– <i>Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh – Cuộc đời và sự nghiệp</i>	5
	– <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> (Hồ Chí Minh)	13
	– <i>Nhật kí trong tù</i> (Hồ Chí Minh)	17
	• Thực hành đọc hiểu	20
	“ <i>Vi hành</i> ” (Trích <i>Những bức thư gửi cô em họ</i> do tác giả tự dịch từ tiếng An Nam – Nguyễn Ái Quốc)	20
	Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ nói mỉa	25
	Viết: Viết bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ	26
	Nói và nghe: Nghe thuyết trình một vấn đề xã hội	30
	Tự đánh giá: <i>Cảnh rừng Việt Bắc</i> (Hồ Chí Minh)	32
	Hướng dẫn tự học	33
7. Tiểu thuyết hiện đại	Yêu cầu cần đạt	34
	Kiến thức ngữ văn	34
	Độc	35
	• Đọc hiểu văn bản	35
	– <i>Hạnh phúc của một tang gia</i> (Trích <i>Số đỏ</i> – Vũ Trọng Phụng)	35
	– <i>Ánh sáng cứu rỗi</i> (Trích <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> – Bảo Ninh)	42
	• Thực hành đọc hiểu	49
	<i>Thiếu nữ và cây sồi già bên đường</i> (Trích <i>Chiến tranh và hoà bình</i> – Lép Tôn-xtôi)	49
	Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ nghịch ngữ (Tiếp theo)	53

Bài	Nội dung	Trang
	Viết: Viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm kí	54
	Nói và nghe: Trình bày về so sánh, đánh giá về hai tác phẩm kí	57
	Tự đánh giá: <i>Con người không thể bị đánh bại</i> (Trích <i>Ông già và biển cả</i> – Hê-minh-uê)	58
	Hướng dẫn tự học	62
8. Thơ hiện đại	Yêu cầu cần đạt	63
	Kiến thức ngữ văn	63
	Đọc	65
	• Đọc hiểu văn bản	65
	– <i>Đàn ghi ta của Lor-ca</i> (Thanh Thảo)	65
	– <i>Bài thơ của một người yêu nước mình</i> (Trần Vàng Sao)	68
	• Thực hành đọc hiểu	71
	<i>Thời gian</i> (Văn Cao)	71
	Thực hành tiếng Việt: Giữ gìn và phát triển tiếng Việt	73
	Viết: Viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ	74
	Nói và nghe: Trình bày về so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ	78
	Tự đánh giá: <i>Tháng Tư</i> (Nguyễn Linh Khiếu)	79
	Hướng dẫn tự học	81
9. Văn bản thông tin tổng hợp	Yêu cầu cần đạt	82
	Kiến thức ngữ văn	82
	Đọc	84
	• Đọc hiểu văn bản	84
	– <i>Cách mạng công nghiệp 4.0 và vai trò của trí thức khoa học – công nghệ</i> (Nguyễn Thế Nghĩa)	84
	– <i>Phụ nữ và việc bảo vệ môi trường</i>	90
	• Thực hành đọc hiểu	96
	<i>Tin học có phải là khoa học</i> (Phan Đình Diệu)	96

Tổ chức thảo luận và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

*Địa chỉ: Tầng 5, toà nhà hỗn hợp AZ Lâm Viên, 107 đường Nguyễn Phong Sắc,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.*

Biên tập:

LÊ THỊ BÍCH HẢO

Trình bày bìa:

TRẦN TIÊU LÂM

Thiết kế sách:

PHAN THỊ TÚ UYÊN – VŨ HOÀNG VŨ

Minh họa:

TRẦN ĐỨC BẢO – NGUYỄN LÂM THAO

Sửa bản in:

ĐỖ THỊ THUY

Tranh bìa: Rời lều có Bác tiếp tục hành quân (NGUYỄN TRỌNG KIÊM).

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên Internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả.

NGŨ VĂN 12, tập hai

Mã số:

ISBN:

In cuốn, khổ 19 x 26.5cm, tại

Địa chỉ:

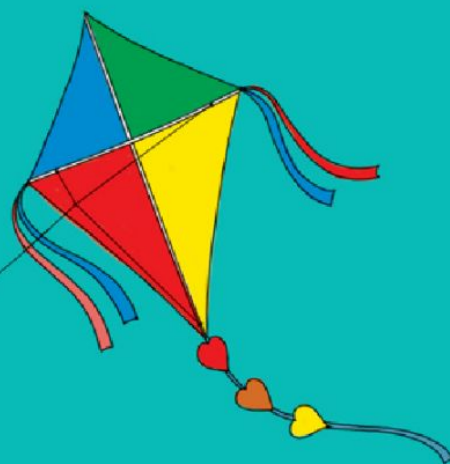
Cơ sở in:

Số xác nhận đăng ký xuất bản:

Quyết định xuất bản số:/QĐ-..... ngày .../.../....

In xong và nộp lưu chiểu năm

Mang cuộc sống vào bài học Đưa bài học vào cuộc sống



Sách giáo khoa *Ngữ văn 12* vừa kế thừa mô hình sách *Ngữ văn* ở Trung học cơ sở vừa có những thay đổi phù hợp với đối tượng học sinh và yêu cầu của *Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018*. Các bài học chính trong sách được thiết kế theo hướng tích hợp thông qua bốn hoạt động: đọc, viết, nói và nghe. Điểm khác biệt của *Ngữ văn 12* được thể hiện qua các yêu cầu đọc hiểu, viết, thuyết trình và thảo luận với những nội dung mới ở mức độ cao hơn.

Các tác giả sách là những nhà giáo, nhà khoa học giàu kinh nghiệm và tâm huyết trong lĩnh vực giáo dục *Ngữ văn* cấp Trung học phổ thông.



SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ

1. Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com
2. Vào mục Hướng dẫn (www.hoc10.com/huong-dan) để kiểm tra sách giả và xem hướng dẫn kích hoạt sử dụng học liệu điện tử.

